

PHẬT THUYẾT PHƯƠNG ĐẰNG BÁT NÊ HOÀN KINH

Quyển Thượng

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 378

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền

Hiệu đính: Thích Nữ Tuệ Quang (10-2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 378 佛說方等般泥洹經
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 378 Phật thuyết phương đẳng bát nê hoàn Kinh

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.16 (UTF-8) Normalized Version, Release
Date: 2004/11/14

No. 378 [No. 379]

佛說方等般泥洹經卷上
Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh quyển thượng
Phật Thuyết Kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn
Quyển Thượng.
西晉月氏三藏竺法護譯 德 歙
Tây Tấn Nguyệt Thị Tam Tạng Trúc Pháp hộ dịch
Tam Tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi dịch vào đời Tây Tấn.
哀泣品第一
Ai khắp phạm đệ nhất
Phẩm Thứ Nhất: Ai khắp.

聞如是一時。

Văn như thị nhất thời。

Nghe như vậy, một thuở nọ,

佛遊鳩夷那竭國雙樹間力士所生處。時佛欲般泥洹。告賢者阿難言。

Phật du Cưu-di-na-kiệt quốc song thụ gian Lục Sĩ sở sanh xứ. thời Phật dục bát nê hoàn. cáo hiền giả A-nan ngôn。

Phật ở giữa rừng Ta La song thụ, nước Cưu-di-na-kiệt chỗ Lục Sĩ sanh.

Lúc bấy giờ, Phật sắp nhập Niết-bàn, liền nói với hiền giả A-nan rằng:

多陀竭出於山間。般泥洹時本瑞云何。

Đa-đà-kiệt ư sơn gian. Bát-nê-hoàn thời bản thụy vân hà。

Lúc Ta nhập Niết-bàn thế nào trên núi Kỳ-đà-kiệt cũng có điềm lành xuất hiện。

如今日寧見聞叢樹間感應不乎。答吾所問。

Như kim nhật ninh kiến văn tùng thụ gian cảm ứng bất hồ. đáp ngô sở vấn。

Nếu như ngày nay lẽ nào nghe thấy Ta nhập Niết-bàn giữa rừng cây mà chẳng cảm ứng chẳng? Hãy trả lời Ta hỏi。

爾時阿難以偈答佛言。

Nhĩ thời A-nan dĩ kệ đáp Phật ngôn。

Lúc bấy giờ, A-nan dùng kệ đáp Phật rằng:

願聽我所夢

Nguyện thính ngã sở mộng

Con nằm chiêm bao thấy

憶夜之所見

Úc dạ chi sở kiến

Ban đêm con đã thấy

夢此閻浮提

Mộng thử Diêm-phù-đề

Mộng này Diêm-phù-đề

七寶雜校成

Thất bảo tạp giáo thành

Bảy báu xen lẫn thành

覆蓋佛世界

Phúc cái Phật thế giới

Che trùm thế giới Phật

其色近可怪

Kỳ sắc cận khả quái

Sắc ấy thật quái lạ

心竊為危懼

Tâm thiết vi nguy cụ

Tâm thầm rất lo sợ

有樹生甚奇

Hữu thụ sanh thậm kì

Cây cối mọc rất lạ

花實常豐茂

Hoa thật thường phong mậu

Hoa quả luôn tươi tốt

其蔭清且涼

Kỳ âm thanh thả lương

Mát mẻ thật trong lành

開發踊躍意
Khai phát dũng dục ý
Tâm con quá vui mừng
上行高無極
Thượng hạnh cao vô cực
Thượng hạnh cao vô cùng
見者眼清淨
Kiến giả nhãn thanh tịnh
Mắt thấy rất rõ ràng
樹出無量音
Thụ xuất vô lượng âm
Vô lượng tiếng phát ra
具足空寂滅
Cụ túc không tịch diệt
Đầy đủ sự vắng lặng
其樹奮大光
Kỳ thụ phấn đại quang
Cây phát ra ánh sáng
其數如恒沙
Kỳ số như hằng sa
Số ấy như hằng sa
亦照於十方
Diệc chiếu ư thập phương
Cũng chiếu khắp mười phương
一切蒙光者
Nhất thiết蒙 quang giả
Hết thầy đều được sáng
樹出眾名香
Thụ xuất chúng danh hương
Cây tỏa ra mùi hương
其有聞香者
Kỳ hữu văn hương giả
Nghe được mùi hương ấy
地獄以畜生
Địa ngục dĩ súc sanh
Địa ngục và súc sanh
於彼聞是香
Ư bỉ văn thị hương
Nghe được mùi hương đó
大樹德如是
Đại thụ đức như thị
Cây tốt tươi như vậy
忽然於樹間
Hốt nhiên ư thụ gian
Bỗng nhiên giữa rừng cây
於時無數千
Ư thời vô số thiên
Lúc đó vô số ngàn
悲泣悉哀慕
Bi khắp tất ai mộ
Hết thầy đều khóc la
不復聽其聲
Bất phục thính kỳ thanh
Chẳng nghe được tiếng ấy
猶不聞其香
Do bất văn kỳ hương

滅除眾憂病
Diệt trừ chúng ưu bệnh
Bệnh hoạn tiêu trừ hết
姿好亦無數
Tư hảo diệc vô số
Cũng vô số tốt đẹp
聞者耳徹聽
Văn giả nhĩ triệt thính
Tai nghe quá thông suốt
清淨之法音
Thanh tịnh chi pháp âm
Pháp âm rất trong trẻo
則令一切安
Tắc lệnh nhất thiết an
Khiến hết thầy an lành
遍照東方刹
Biên chiếu Đông phương sát
Chiếu khắp cõi phương Đông
諸佛之國土
Chư Phật chi quốc thổ
Cõi nước của chư Phật
蠕動荷救護
Nhuyễn động hà cứu hộ
Cứu giúp loài nhuyễn động
安隱難思議
An ôn nan tư nghị
An ôn khó nghĩ bàn
器有百種分
Kỳ hữu bách chủng phân
Có đủ cả trăm loại
終不歸惡道
Chung bất quy ác đạo
Chẳng rơi vào đường ác
及在餓鬼路
Cập tại ngạ quỷ lộ
Và ở nơi ngạ quỷ
疾得生善處
Tật đắc sanh thiện xứ
Mau sanh được chỗ lành
苞潤眾生類
Bao nhuận chúng sanh loại
Bao nhuận chúng sanh loại
Che trùm khắp chúng sanh
沒于力土地
Mộ ư lực sĩ địa
Bạc Lược Sĩ đã mất
群萌不可計
Quần manh bất khả kế
Cỏ mọc không kể xiết
如盲失其目
Như manh thất kỳ mục
Như người mất bị mù
亦不見樹形
Diệc bất kiến thụ hình
Cũng chẳng thấy cây cối
虛劣若飢人
Hư nhược nhược cơ nhân

Do không nghe hương ấy
恐懼衣毛豎
Khùng cụ y mao thọ
Lo sợ lông tóc dựng

於夜夢如是
Ư dạ mộng như thị
Đêm chiêm bao như vậy

爾時淨居天子。釋梵四天王魔子導師。

Nhĩ thời Tịnh Cư Thiên Tử。Thích Phạm Tú Thiên Vương Ma Tử Đạo Sư。
Lúc bấy giờ, Thích Phạm, Tú Thiên Vương, Ma Tử, Đạo sư của cõi trời Tịnh Thiên
各與八十那術之眾。俱到力士所生處叢樹間。

Các dữ bát thập Na-thuật chi chúng。câu đảo Lục Sĩ sở sanh xử tùng thụ gian。
cùng với tám mươi Na-thuật chúng đi đến chỗ Lục Sĩ

前詣佛所稽首作禮却住一面。

Tiền nghê Phật sở kê thủ tác lễ khước trụ nhất diện。
đến trước chỗ Phật cúi đầu đánh lễ rồi lui về một bên.

同時舉聲為賢者阿難。說偈言。

Đồng thời cử thanh vi hiền giả A-nan。thuyết kệ ngôn。

Lúc đó hiền giả A-nan cất tiếng nói kệ rằng:

尊天今滅度
Tôn Thiên kim diệt độ
Tôn Thiên nay diệt độ

嗚呼感戀毒
Ô hô cảm luyến độc
Than ôi! quá đau buồn

大鑿翳無明
Đại khải ế vô minh
Trời tối tăm mờ mịt

世尊般泥洹
Thế tôn bát nê hoàn
Thế Tôn Bát-nê-hoàn

於是佛為諸天子釋梵四天王魔子導師。

Ư thị Phật vi chư Thiên tử thích phạm tú Thiên Vương ma tử Đạo sư。
Lúc đó Phật vì các Thiên Tử, Thích Phạm, Tú Thiên Vương, Ma Tử, Đạo Sư
說偈言。

Thuyết kệ ngôn。
nói kệ rằng:

汝等勿愁憂
Nhữ đẳng vật sầu ưu
Các ông chớ đau buồn

我於雙樹間
Ngã ư song thụ gian
Ta ở giữa song thọ

樹中之最樹
Thụ trung chi tối thụ
Nằm giữa hai cây đó

花香甚殷盛
Quang hương thậm ân thịnh
Hương tỏa rất thơm tho

世尊譬大樹
Thế tôn thí Đại thụ
Thế Tôn như cây lớn

寢處無有識
Tâm xử vô hữu thức

Người ốm đau đói khát
畏怖情使然
Ủy phô tình sử nhiên
Sợ sệt đến như thế

願尊為解說
Nguyện tôn vi giải thuyết
Xin Thế Tôn giải rõ

阿難豈知耶

A-nan khởi tri da

A-nan đâu biết chẳng

佛將般泥洹

Phật tướng bát Nê-hoàn

Ngày Phật sắp Niết-bàn

佛今欲滅度

Phật kim dục diệt độ

Phật nay sắp diệt độ

違遠於擁護

Vi viễn ư ủng hộ

Vắng bóng người ủng hộ

所夢無有異

Sở mộng vô hữu dị

Chiêm bao có gì lạ

今當般泥洹

Kim đương bát nê hoàn

Nay sẽ Bát-nê-hoàn

奇妙難可量

Kỳ diệu nan khả lượng

Kỳ diệu khó thể lường

沒於叢樹下

Một ư tùng thụ hạ

Nhập diệt ở dưới cây

復在叢樹中

Phục tại tùng thụ trung

Lại ở trong cây đó

如火得水消

Như hỏa đắc thủy tiêu

Ngũ hoài không thức dậy
萬物皆無常
Vạn vật giai vô thường
Vạn vật đều vô thường
世雄之所了
Thế hùng chi sở liễu
Thế Hùng đã biết rõ
阿難知之乎
A-nan tri chi hồ
A-nan có biết chằng
造迦利比丘
Tạo Ca lợi Tỳ-kheo
Tạo-ca-lợi Tỳ-khưu
阿難汝今往
A-nan nhữ kim vãng
A-nan ông nay đến
尊者阿那律
Tôn giả A-na-luật
Tôn giả-a-na-luật
阿難行告語
A-nan hành cáo ngữ
A-nan nói thành lời
分禰文陀弗
Phân nhục văn đà phát
Phân-nhục-văn-đà-phát
須菩提面王
Tu-bồ-đề-diện-vương
Tu-bồ-đề-diện-vương
難陀羅雲停
Nan đà La-vân-đình
Nan-đà-la-vân-đình
一切諸比丘
Nhất thiết chư Tỳ-kheo
Hết thầy các Tỳ-khưu
疾去悉告語
Tật khứ tất cáo ngữ
Nhanh chóng bỏ ngôn ngữ
爾時阿難。以偈答世尊言。
Nhĩ thời A-nan。dĩ kệ đáp Thế tôn ngôn。
Bây giờ A-nan dùng kệ đáp với Thế Tôn rằng:
我身已疲極
ngã thân dĩ bì cực
Thân con đã mệt mỏi
聞佛泥曰故
Văn Phật Nê-hoàn cố
Nghe Phật nhập Niết-bàn
其身無有力
Kỳ thân vô hữu lực
Thân thể không còn sức
志意加怯劣
Chí ý gia khiếp liệt
Ý chí càng yếu thêm
不任告尊者
Bất nhâm cáo Tôn-Giả
Chẳng dám bảo tôn giả
適見便不現

Như lửa mà gặp nước
法起當有滅
Pháp khởi đương hữu diệt
Có sanh thì có diệt
是故為人說
Thị cố vi nhân thuyết
Cho nên vì người nói.
佛尊猶泥曰
Phật tôn do Nê-hoàn
Phật cũng còn Niết-bàn
智通度彼岸
Trí Thông độ bi ngạn
Trí vượt bờ bên kia
告勅釋須檀
Cáo sắc thích tu đàn
Bảo Sắc-lợi-tu-đàn
徹視度無極
Triệt thị độ vô cực
Thấy thông suốt vô cùng
拘絺迦旃延
Câu-hi Ca-chiên-diên
câu-hi Ca-chiên-diên
菩提及摩夷
Bồ-đề cập Ma-di
Bồ-đề và Ma-di
善來覺薄拘
Thiện-lai-giác-bạc-câu
Thiện-lai-giác-bạc-câu
度知際馬師
Độ tri tế Mã sư
Biết tế độ Mã Sư
來度恐畏者
Lai độ khủng úy giả
Đến nỗi quá lo sợ
令我泥曰
Lệnh tri ngã Nê-hoàn
Vì biết Ta Niết-bàn

譬如飢羸人
Thí như cơ luy nhân
Thí như người đói khát
愁慘不自勝
Sầu thảm bất tự thắng
Sầu thảm không tự thắng
口亦不能言
Khẩu diệc bất năng ngôn
Miệng không nói nên lời
世眼云何行
Thế nhãn vân hà hành
Thế nhãn làm sao hành
今世不可念
Kim thế bất khả niệm
Đời nay không thể nhớ
永失於擁護

Thích kiến tiện bất hiện
Vừa thấy liền chẳng thấy

無護甚勤苦

Vô hộ thậm cần khổ

Thì sẽ rất đau khổ

尊老聞此問

Tôn lão văn thử vấn

Tôn lão nghe hỏi vậy

世間大光明

Thế gian đại quang minh

Ánh sáng ở thế gian

棄世亦何速

Khí thế diệc hà tốc

Sao lại mau bỏ đời

不任詣長老

Bất nhâm nghệ trường lão

Chẳng chịu đến trường lão

正覺願更遣

Chánh giác nguyện canh khiển

Nguyện luôn luôn tinh giác

於是佛為阿難說偈。

Ư thị Phật vì A-nan thuyết kệ。

Lúc đó Phật vì A-nan nói kệ rằng:

阿難巨億大

A-nan cự ức đại

A-nan quá âm ức

宮殿難檀廬

Cung điện nan đàn lu

Cung điện và đàn lu

宣告諸比丘

Tuyên cáo chư Tỳ-kheo

Tuyên cáo các Tỳ-kheo

泥曰後來者

Nê-hoàn hậu lai giả

Sau ngày nhập Niết-bàn

爾時賢者阿那律於須彌山頂。

Nhĩ thời hiền giả A na luật ư Tu-Di sơn đỉnh。

Lúc bấy giờ, hiền giả A-na-luật ở trên đỉnh núi Tu-di,

為忉利諸天廣講法語。見諸大尊神妙天子。

Vì Đao Lợi chư Thiên quảng giảng Pháp ngữ. kiến chư Đại tôn Thần diệu Thiên tử。

vì chư Thiên của cõi trời Đao Lợi giảng rộng pháp ngữ, liền thấy các đại tôn thần diệu Thiên tử

各從宮殿遑遑不安。阿那律心念言。此諸天子。

Các tòng cung điện hoàng hoàng bất an. A na luật tâm niệm ngôn. thử chư Thiên tử。

từ nơi cung điện vội vàng chẳng yên. A-na-luật trong tâm nghĩ rằng: Các Thiên tử này,

何故棄捨天妓之娛。擾擾上下或飛或走。

Hà cố khí xả Thiên kĩ chi ngu. nhiễu nhiễu thượng hạ hoặc phi hoặc tẩu。

có sao lại bỏ thú vui kỹ nữ của cõi trời mà lên xuống lung tung, hoặc bay, hoặc chạy

眷屬離散其處空虛忽不復現。時阿那律從須彌頂。

Quyển chúc lý tán kỳ xử không hư hốt bất phục hiện. thời A na luật tòng Tu-Di đỉnh。

Vĩnh thất ư ủng hộ

Mất hẳn người ủng hộ

何忍任往告

Hà nhâm nhâm vãng cáo

Sao nỡ lại ra đi

安能堪惶悚

An năng kham hoàng cù

Đâu thể nào lo sợ

滅盡為甚疾

Diệt tận vi thậm tật

Mất hẳn rất nhanh chóng

厄難遂盲冥

Ách nạn toại manh minh

Ách nạn lần lượt đến

陳此酸毒事

Trần thử toan độc sự

Trình bày ác độc này

無有愁感者

Vô hữu sầu thích giả

Không còn sầu bi nữa.

啼泣感悲哀

Đề khắp cảm bi ai

Khóc lóc buồn thê thảm

空虛無人天

Không hư vô nhân Thiên

Trống rỗng không trời người

侍者之常業

Thị giả chi thường nghiệp

Nghiệp thường của thị giả

得無益哀酷

Đắc vô ích ai khốc

Khóc lóc chẳng lợi ích

quyển thuộc li tán, chỗ đó bỗng nhiên không còn ai nữa. Lúc đó A-na-luật từ trên đỉnh núi Tu-di

遙見寶積山下之地。於是阿那律立須彌頂。

Dao kiến Bảo Tích sơn hạ chi địa. u thị A na luật lập Tu-Di đỉnh.

xa thấy dưới chân núi chất đầy báu vật. Lúc đó A-na-luật đứng trên đỉnh núi
舉聲以偈讚歎佛言。

Cử thanh dĩ kệ tán thán Phật ngôn.

cát tiếng nói kệ khen ngợi Phật rằng:

導利於群黎

Đạo lợi ư quần lê

Bậc đạo sư xuất hiện

正覺為眾祐

Chánh giác vì chúng hữu

Chánh Giác vì chúng sanh

嗚呼世尊喻父母

Ô hô Thế tôn dụ phụ mẫu

Than ôi! Thế Tôn như cha mẹ

為世良醫療眾病

Vì thế lương y liệu chúng bệnh

Cứu lành các bệnh cho chúng sanh

見姪怒人如放逸

Kiên dâm nộ nhân như phóng dật

Gặp người dâm nộ và buông lung

為法尊上傷慳貪

Vì pháp tôn thượng thương khan tham

Đem pháp tôn thượng đoạn san tham

天中天尊右金臂

Thiên trung Thiên tôn hữu kim tỷ

Thế Tôn giống như cánh tay vàng

佛動是國六震地

Phật động thị quốc lục chấn địa

Sáu nước đất đai đều chấn động

如大石山一旦崩

Như Đại thạch sơn nhất đán băng

Như núi đá một sớm nổ tung

世雄如是今泥曰

Thế Hùng như thị kim Nê-hoàn

Như vậy Thế Tôn nay Niết-bàn

魔兵興惡若干變

Ma binh hưng ác nhược can biến

Binh ma nổi ác biến hóa khắp

有戴大山或持火

Hữu đại sơn hoặc trì hỏa

Đầu đội núi lớn hoặc cầm lửa

降伏怒害魔官屬

Hàng phục nộ hại ma quan thuộc

Hàng phục sân hại quyến thuộc ma

便轉法輪解四諦

Tiện chuyển Pháp luân giải tứ đế

Liên chuyển pháp luân nói bốn đế

世尊見化無數種

Thế tôn kiến hóa vô số chủng

Thế Tôn giáo hóa vô số loại

能令眾生無毀害

Năng lệnh chúng sanh vô hủy hại

Năng khiến chúng sanh không bị hại

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

施世之安隱

Thí thế chi an ổn

Ban cho đời an ổn

云何便泥曰

Vân hà tiện Nê-hoàn

Có sao lại Niết-bàn

為世之眼除諸冥

Vì thế chi nhãn trừ chư minh

Vì đời phá trừ sự mê muội

今世尊雄便泥曰

Kim Thế tôn hùng tiện nê v

Ngày nay Thế Tôn lại Niết-bàn

覺悟愚癡斷生死

Giác ngộ ngu si đoạn sanh tử

Giác ngộ ngu si đoạn sanh tử

令離瞋諍立大道

Lệnh ly sân tránh lập đại đạo

Lìa xa sân giận đạt đạo lớn

枚拭一切授正戒

Mai thức nhất thiết thụ chánh giới

Tất cả đều được thọ chánh giới

周遍世界聞大音

Châu biến thế giới văn Đại âm

Âm thanh vang dội khắp thế giới

其音宣廣聞者悸

kỳ âm tuyên quảng văn giả quý

Âm thanh giảng thuyết nghe động lòng

音暢遐方聞摧悴

Âm sướng hà phương văn tởi tụy

Phương xa nghe tiếng đều rơi rụng

金剛器械不可數

Kim cương khí giới bất khả số

Kim cương khí giới không thể tính

世雄威光毛不動

Thế hùng uy quang mao bất động

Thế Tôn oai quang lông chẳng động

得甘露跡無憂懼

Đắc cam lộ tích Vô ưu cụ

Dấu tích cam lồ không lo sợ

今日尊雄便泥曰

Kim nhật tôn hùng tiện Nê-hoàn

Ngày nay Thế Tôn lại Niết-bàn

三千世界如一毛

Tam Thiên thế giới như nhất mao

Ba ngàn thế giới bằng sợi lông

今日尊雄便泥曰

Kim nhật tôn hùng tiện Nê-hoàn

Ngày nay Thế Tôn lại Niết-bàn

今天中天為來入
Kim Thiên trung Thiên vi lai nhập
Nay Thiên Trung Thiên lại nhập diệt
五百眷屬圍繞佛
Ngũ bách quyến chúc vây quanh Phật
Năm trăm quyến thuộc vây quanh Phật
佛天中天百世來
Phật Thiên trung Thiên bách thế lai
Phật Thiên Trung Thiên trăm đời đến
所修行道闡甘露
Sở tu hành đạo xiển cam lộ
Tu hành đạt đạo cam lộ mở
所遊往來無生死
Sở du vãng lai vô sanh tử
Không còn qua lại trong sanh tử
其奉正戒無諛諂
Kỳ phụng chánh giới vô du siểm
Phụng hành chánh giới không dua nịnh
於億劫中那術數
Ư ức kiếp trung Na-thuật số
Ở trong ức kiếp na-thuật-số
忍辱無量譬若地
Nhân nhục vô lượng thí như đất
Nhân nhục vô lượng thí như đất
佛天中尊所生處
Phật Thiên Trung Tôn sở sanh xứ
Nơi đã sanh Phật Thiên Trung Tôn
致甘露跡志惟壹
Trí cam lộ tích chí duy nhất
Duy nhất chí dấu vết cam lộ
佛天中尊所生處
Phật Thiên trung tôn sở sanh xứ
Nơi đã sanh Phật Thiên Trung Tôn
十方世雄無罣礙
Thập phương Thế Hùng vô quái ngại
Thế Hùng mười phương không quái ngại
大力有十等一切
Đại lực hữu thập đẳng nhất thiết
Đại Lực có mười bậc tất cả
求比難比無殊者
Cầu bỉ nan bỉ vô thù giả
Tìm cầu khó sánh rất thù thắng
十力世雄相嚴身
Thập lực thế hùng tướng nghiêm thân
Thế Hùng mười lực thân trang nghiêm
進止所歷如金摸
Tiến chỉ sở lịch như kim mạc
Tiến dừng trải qua như tìm vàng
化億那術立道證
Hóa ức Na-thuật lập đạo chứng
Chứng đạo giáo hóa ức Na-thuật
濟人生死燒勤苦
Tế nhân sanh tử thiêu cần khổ
Giúp người bớt khổ đoạn sanh tử
天億那術立虛空
Thiên ức Na-thuật lập hư không

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

至于力士所生地
Chí vu lực sĩ sở sanh địa
Đến nơi mãnh đất bậc lực sĩ
於雙樹間便泥曰
Ư song thụ gian tiện Nê-hoàn
Giữa rừng song thọ lại Niết-bàn
奉行四禪開度人
Phụng hành tứ Thiền khai độ nhân
Phụng hành tứ thiền khai độ người
我最後見佛泥曰
Ngã tối hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta sau ngày thấy Phật niết-bàn
其惠布施無悔恨
Kỳ huệ bố thí vô hối hận
Ban ân bố thí không hối hận
我最後見佛泥曰
Ngã tối hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta cuối cùng thấy Phật Niết-bàn
所為精進無過者
Sở vi tinh tấn vô quá giả
Tinh tấn tu hành không luống qua
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
供養諸覺億那術
Cung dưỡng chư giác ức Na-thuật
Cúng dường giác ngộ ức Na-thuật
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
智慧第一了三達
Trí tuệ đệ nhất liễu tam đạt
Trí tuệ đệ nhất đạt Tam Minh
今我後見佛泥曰
Kim ngã hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
通無與等立金剛
Thông vô dữ đẳng lập kim cương
Thông suốt vô cùng lập kim cương
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
所周旋處光巍巍
Sở châu toàn xứ quang nguy nguy
Vẹn toàn ánh sáng cao vòi vọi
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
消盡諸欲無塵垢
Tiêu tận chư dục vô trần cấu
Tiêu trừ các dục không dính bụi
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
雨種種色拘文華
Vũ chủng chủng sắc câu văn hoa

Úc Na-thuật Thiên đứng hư không
雨雜名香天芬薰
Vũ tạp danh hương Thiên phân huân
Mưa rơi xen lẫn mùi hoa thơm
佛人中尊行住立
Phật Nhân Trung Tôn hành trụ lập
Phật Nhân Trung Tôn đi đứng ở
盲者得眼觀諸色
Manh giả đắc nhãn đồ chư sắc
Như người mù mắt được thấy sắc
佛人中尊蹈門時
Phật Nhân Trung Tôn đạo môn thời
Lúc Phật Nhân Trung Tôn đạp cửa
一切安隱脫勤苦
Nhất thiết an ổn thoát cần khổ
Hết thầy an ổn thoát khổ đau
佛入城時拘閉解
Phật nhập thành thời câu bế giải
Phật vào thành áp mở hết cửa
愁苦休除慧最上
Sầu khổ hưu trừ tuệ tối thượng
Sầu khổ chấm dứt tuệ tối thượng
身不知老無死憂
Thân bất tri lão vô tử ưu
Thân chẳng biết già không lo chết
為人泰祖無過佛
Vi nhân thái tổ vô quá Phật
Vi người phụng tổ không luống Phật
十力世尊上切利
Thập lực Thế Tôn thượng Đạo Lợi
Thế Tôn mười lực lên Đạo Lợi
化那術天不可計
Hóa Na-thuật Thiên bất khả kế
Hóa Na-thuật Thiên không thể tính
第七梵天住眾疑
Đệ thất Phạm Thiên trụ chúng nghi
Phạm Thiên thứ bảy nổi lòng nghi
彼王自投來稽首
Bỉ Vương tự đầu lai kê thủ
Vua kia tự cúi đầu đánh lễ
有兇暴賊罪力強
Hữu hung bạo tặc tội lực cường
Hung bạo giặc giã dùng sức mạnh
納邪術人無央數
Nạp tà thuật nhân vô ương số
Nhận người tà thuật vô ương số
調達懷毒兇恚盛
Điều Đạt hoài độc hung khuyển thịnh
Điều-đạt đầy đầy tánh ác độc
佛於大城令調伏
Phật ư Đại thành lệnh điều phục
Phật ở trong thành lớn điều phục
佛於眾會法導人
Phật ư chúng hội Pháp đạo nhân
Phật dẫn người ở trong pháp hội
大海波蕩水居擾

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

Mưa rơi vẽ thành các vòng hoa
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
若入都邑蹈門闢
Nhược nhập đô áp đạo môn khỏn
Đi vào thành áp đạp cửa khỏ
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
病者得愈懷喜踊
Bệnh giả đắc dĩ hoài hi dũng
Người bệnh lành hẳn mừng khôn xiết
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
長得安隱自歡娛
Trường đắc an ổn tự hoan ngu
An ổn lâu dài tự mừng vui
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
已脫眾礙智無雙
Đĩ thoát chúng ngại trí vô song
Đã thoát chướng ngại trí vô song
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
度母摩耶立妙道
Độ mẫu Ma-da lập diệu đạo
Độ mẹ Ma-da lập đạo mẫu
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
佛剎其罔授道真
Phật sát kỳ vông thụ đạo chân
Phật phá lưới nghi thọ đạo chân
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
降立害者甘露道
Hàng lập hại giả cam lộ đạo
Cam lồ hàng phục người hại đạo
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
驅作醉象力難當
Khu tác túy tượng lực nan đương
Dùng sức đuổi voi say chưa được
我今後見佛泥曰
Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn
能動天地震山陵
Năng động Thiên địa chấn sơn lăng
Khiến cho trời đất núi chấn động
我今後見佛泥曰

Đại hải ba dăng thủy cư nhiều
Biển lớn ba đào sóng vỗ ầm
是時阿那律說此偈已。

Ngã kim hậu kiến Phật Nê-hoàn
Ta nay sau thấy Phật Niết-bàn

Thị thời A-na-luật thuyết thừ kệ dĩ.

Lúc bấy giờ, A-na-luật nói kệ này xong,
應時佛放威神令閻浮提所在比丘。除大迦葉眷屬餘盡來會。

Ứng thời Phật phóng uy Thần lệnh Diêm-phù-đề sở tại Tỳ-kheo. trừ Đại ca diệp
quyển chúc dư tận lai hội.

túc thời Phật phóng oai thần khiến cho Tỳ-kheo ở Diêm-phù-đề trừ quyển thuộc
đại Ca-diệp ngoài ra đều đến hội họp đông đủ.

三千大千世界諸天龍神。

Tam Thiên Đại Thiên thế giới chư Thiên Long Thần.

Ba ngàn đại Thiên thế giới chư Thiên Long Thần

捷杳和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒眾等。共到力士生地。

Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la Chân-đà-la Ma-hầu-lặc chúng đấng. cộng đáo lục
sĩ sanh địa.

Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc v.v..

詣佛所稽首作禮。皆大啼哭舉聲呼佛。

Nghệ Phật sở kê thủ tác lễ. giai Đại đề khốc cử thanh hô Phật.

đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ khóc lóc ra tiếng mà than với Phật rằng:

思慕崩絕如喪父母。各各相牽共悲泣者。

Tư mộ băng tuyệt như tang phụ mẫu. các các tướng khiên cộng bi khắp giả.

Chúng con nhớ nhung đau xót Thế Tôn như cha mẹ mất, mỗi mỗi cùng kéo nhau khóc
lóc,

還顧相視共淚出者。或手相搏拍臚拍頭。

Hoàn cố tướng thị cộng lệ xuất giả. hoặc thủ tướng bác phách tẩn phách đầu.

ngoái đầu nhìn nhau mà lệ rơi thành dòng. hoặc lấy tay đấm ngực vỗ đầu,

或開目閉目諸根變異。面頰憔悴肥色困皺。

Hoặc khai mục bế mục chư căn biến dị. diện giáp tiêu tụy phi sắc khốn trứu.

Hoặc mở mắt nhắm mắt, các căn đều biến đổi, mặt mày tiêu tụy khốn khổ
nhăn nhó,

或有却行右膝著地。呼嗟攢眼涕泣交橫。

Hoặc hữu khước hành hữu tất trứ địa. hô ta vãn nhãn thế khắp giao hoạnh.

hoặc có người đi lui bên phải đầu gối chằm đất, khóc lóc than thở lệ rơi dầm dề
悲哀歎佛皆言毒痛。嗚呼世雄。嗚呼大醫。嗚呼師子。

Bi ai thán Phật giai ngôn độc thông. ô hô thế hùng. ô hô Đại y. ô hô Sư-tử.

buồn đau tán thán Phật, nói lên nỗi thống thiết khổ đau với đức Thế Tôn. Than
ô! Bạc Đại Y Vương. Than ô! Bạc Sư Tử.

嗚呼法王。嗚呼日月王。嗚呼覺正覺。

Ô hô Pháp Vương. ô hô nhật nguyệt Vương. ô hô giác chánh giác.

Than ô! Bạc Pháp Vương. Than ô! Giác Chánh Giác.

嗚呼大光明施甘露。無量蹟如是號吽。

Ô hô Đại quang-minh thí cam lộ. vô lượng tích như thị hiệu đào.

Than ô! Bạc ban bố ánh sáng cam lồ cho chúng sanh không còn nữa. Khóc lóc than
thở như vậy,

或有自撲而擗地者。或有覆面拍地者。

Hoặc hữu tự phác nhi bịch địa giả. hoặc hữu phúc diện phách địa giả.

hoặc có người tự đánh mình vỗ bụng lăn xuống đất, hoặc có người vá mặt mà lăn
xuống đất.

爾時阿難從座起下胡跪累膝。兩手據地仰向視佛。而說偈言。

Nhĩ thời A-nan tòng tọa khởi hạ hồ quy luy tất. lượng thủ cú địa ngưỡng hướng
thị Phật. nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối sát đất, hai tay sát đất ngưỡng
hương đến đức Phật mà nói kệ rằng:

見人眾號慕
Kiến nhân chúng hiệu mộ
Thấy các người khóc lóc
各各號哭哀
Các các hiệu khóc ai
Mỗi mỗi đều khóc la
譬如賈客行
Thí như cổ khách hành
Thí như người bán hàng
逢見大火光
Phùng kiến Đại hỏa quang
Thấy lửa bốc cháy to
因見熾火故
Nhân kiến sí hỏa cố
Nhân vì thấy lửa cháy
意以懷悚慄
Ý dĩ hoài tùng lật
Tâm vì quá run sợ
我情勤無極
Ngã tình cần vô cực
Ta tình cần vô cùng
又見蒸庶人
Hựu kiến chung thứ nhân
Lại nung nấu con người
惟慮去來事
Duy lự khứ lai sự
Việc đến không ai lo
今日何忍見
Kim nhật hà nhẫn kiến
Ngày nay sao nỡ thấy
我常行求佛
Ngã thường hành cầu Phật
Ta thường luôn cầu Phật
祇洎用丘空
Kì hoàn dụng khâu không
Nhập diệt nơi gò trống
若入維耶離
Nhược nhập duy da ly
Nếu vào Duy-da-ly
無上尊所生
Vô thượng tôn sở sanh
Chỗ sanh Vô Thượng Tôn
無央數千人
Vô ương số Thiên nhân
Vô ương số ngàn người
無上釋師子
Vô thượng thích Sư tử
Vô Thượng Thích Sư Tử
諸人哀哭摧
Chư nhân ai khóc tồi
Mà các người khóc lóc
云何入大城
Vân hà nhập đại thành
Làm sao vào thành lớn

皆與悲毒俱
Giai dữ bi độc câu
Đều cùng chung như thế
益令我酸毒
Ích lệnh ngã toan độc
Càng khiến ta chua xót
中道逢劇賊
Trung đạo phùng kịch tặc
Giữa đường gặp giặc cướp
若草懼焦然
Nhược thảo cụ tiêu nhiên
Như cỏ bị thiêu rụi
其心為恐惶
Kỳ tâm vi khủng hoàng
Nên tâm rất sợ hãi
拜天從求哀
Bái Thiên tòng cầu ai
Lạy trời để cầu xin
憂鬱焉可勝
Ưu uất yên khả thắng
Ưu uất yên khả thắng
Nỗi lo đâu thể thắng
悲叫舉兩臂
Bi khiêu cử lưỡng tỷ
Khóc than dơ hai tay
願佛住一劫
Nguyện Phật trụ nhất kiếp
Xin Phật trụ một kiếp
尊人般泥曰
Tôn nhân bát Nê-hoàn
Ngày Thế Tôn Niết-bàn
不見天中天
Bất kiến Thiên Trung Thiên
Chẳng thấy Thiên Trung Thiên
但覩於餘人
Đãn đồ ư dư nhân
Mà chỉ thấy các người
豪右問訊佛
Hào hữu vấn tấn Phật
Bên phải hỏi thăm Phật
我當云何答
Ngã đương vân hà đáp
Con nay làm sao đáp
泣涕淚流面
Khấp thế lệ lưu diện
Khóc lóc lệ tràn trề
仁今使安在
Nhân kim sử an tại
Nay đã ở an ổn
無不思見佛
Vô bất tư kiến Phật
Nghĩ không còn thấy Phật
違遠人中尊
Vi viễn Nhân Trung Tôn
Vắng bóng bậc Trung Tôn

當立於誰後
Đương lập ư thùỳ hậu
Sau này ai lãnh đạo
為誰掌衣被
Vi thùỳ chương y bị
Ai là người mang y
誰當為我說
Thùỳ đương vi ngã thuyết
Ai sẽ vì con thuyết
誰解我疑言
Thùỳ giải ngã nghi ngôn
Ai giải nghi lời con
從誰聞正法
Tòng thùỳ văn chánh pháp
Theo ai nghe chánh pháp
我當從何受
Ngã đương tòng hà thọ
Con sẽ theo thọ gì
爾時佛告阿難。

Nhĩ thời Phật cáo A-nan.
Lúc bấy giờ, Phật bảo A-nan.

汝為如來於雙樹間敷師子床。所以者何。多羅竭於夜半時乃般泥洹。

Nhữ vi Như-Lai ư song thụ gian phu sư tử sàng. sở dĩ giả hà. A-nan ư dạ bán thời
nãi Bát-nê-hoàn.

Ông vì Như Lai mà trải giường sư tử giữa Ta La song thọ. Vì sao thế? Vì lúc nửa
đêm Ta mới nhập Niết-bàn tại Đa-la-kiết

與本願合故也。於是阿難啼從座起。

Dữ Bản Nguyện hợp cố dã. ư thị A-nan đề tòng tọa khởi.

Để hợp với bản nguyện. Lúc đó, A-nan khóc lóc từ chỗ ngồi đứng dậy

於力土地雙樹下敷師子床。令北首敷已。說此偈言。

Ư lực sĩ địa song thụ hạ phu Sư-tử sàng. lệnh Bắc thủ phu dĩ. thuyết thủ kệ
ngôn.

trải giường sư tử dưới hai cây song thọ của các bậc Lục Sĩ, đầu xoay về hướng
Bắc, nói kệ này rằng:

今為大神通
Kim vi Đại Thần thông
Nay vì đại thần thông
終始不能得
Chung thùỳ bất năng đắc
Trước sau chẳng thể được

我當何忍人
Ngã đương hà nhẫn nhân
Sao ta nỡ thấy người

光明今滅度
Quang minh kim diệt độ
Nay ánh sáng diệt độ

於是阿那律為阿難說偈言。

Ư thị A na luật vi A-nan thuyết kệ ngôn.
Lúc đó A-na-luật vi A-nan nói kệ rằng:

佛從本已說
Phật tòng bản dĩ thuyết
Phật từ xưa đã nói

獨不得自在
Độc bất đắc tự-tại

當為誰持鉢
Đương vi thùỳ trì bát
Ai là người cầm bát
誰當親勸我
Thùỳ đương thân khuyến ngã
Ai sẽ sách tấn con
聞持是何謂
Văn trì thị hà vị
Làm sao giữ gìn đây
阿難知如海
A-nan tri như hải
A-nan biết như biển
深奧難解句
Thâm áo nan giải cú
Thâm sâu khó hiểu nổi
無量興妙法
Vô lượng hưng diệu pháp
Vô lượng pháp vi diệu

最後敷此床
Tối hậu phu thủ sàng
Cuối cùng trải giường này

復安清淨座
Phục an thanh tịnh tọa
Lại an tịnh ngồi yên

於是雙樹間
Ư thị song thụ gian
Lúc đó giữa song thọ

遠離於至尊
Viễn li ư chí tôn
Xa lìa bậc Chí Tôn

萬物盡無常
Vạn vật tận vô thường
Vạn vật vốn vô thường

於是為何啼
Ư thị hà vi đề

Không có gì tồn tại

Có gì đâu mà khóc.

爾時阿難以偈答阿那律言。

Nhĩ thời A-nan dĩ kệ đáp A na luật ngôn.

Lúc bấy giờ, A-nan dùng kệ trả lời với A-na-luật rằng:

云何說是談

Vân hà thuyết thị đàm

Thế nào gọi là bàn

見尊般泥洹

Kiến tôn bát nê hoàn

Thấy Thế Tôn nhập diệt

於是阿那律以偈答阿難言。

Ư thị A na luật dĩ kệ đáp A-nan ngôn.

Lúc đó A-na-luật dùng kệ trả lời với A-nan rằng:

我見人哀危

Ngã kiến nhân ai nguy

Ta thấy người buồn đau

我淚流滿目

Ngã lệ lưu mãn mục

Hai mắt ta rơi lệ

我亦察天人

Ngã diệc sát Thiên Nhơn

Ta cũng xét trời người

我亦用是故

Ngã diệc dụng thị cố

Ta vì lý do đó

不用啼哭故

Bất dụng đề khóc cố

Vì ta không khóc than

是故勉喻人

Thị cố miễn dụ nhân

Vì thế gắng khuyên người

四童現生品第二

Tứ đồng hiện sanh phẩm đệ nhị

Bốn Đồng Tử hiện sanh phẩm thứ nhất.

爾時世尊從座起入雙樹間。

Nhĩ thời Thế tôn tòng tọa khởi nhập song thụ gian.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn giữa song thụ từ chỗ ngồi đứng dậy

於師子床上右脇倚臥臥已。

Ư Sư-tử sàng thượng hữu hiệp ỷ ngọa ngọa dĩ.

Ở trên giường sư tử nghiêng mình về bên phải.

應時東方去此百億萬佛國有佛。號師子嚮作如來。今現在說法。

Ứng thời Đông phương khứ thử bách ức vạn Phật quốc hữu Phật. hiệu Sư-tử hướng tác Như-Lai. kim hiện tại thuyết Pháp.

Túc thời, ở phương Đông cách đây trăm vạn ức có một cõi nước có vị Phật tên là Sư Tử Hương Tác Như Lai, hiện nay đang thuyết pháp.

其世界名解脫華。佛告阿難。

Kỳ thế giới danh giải thoát hoa. Phật cáo A-nan.

Thế giới đó, tên là Giải Thoát Hoa. Phật bảo A-nan:

彼之世界何故名曰解脫華乎。常以七寶華遍布滿地無有空缺。

Bỉ chi thế giới hà cố danh viết giải thoát hoa hồ. thường dĩ thất bảo hoa biến bố mãn địa vô hữu không khuyết.

Vì sao thế giới đó tên là giải thoát hoa? Vì thế giới đó thường có bảy loài hoa báu rải khắp mặt đất không thiếu chỗ nào.

仁便答我意

Nhân tiện đáp ngã ý

Nhân tiện đáp lời ta

仁豈無憂耶

Nhân khởi Vô-ưu da

Há không thể buồn chẳng

動與憂惱俱

Động dữ ưu não câu

Dao động và ưu não

悲涕潺橫流

Bỉ thể sần hoạnh lưu

Khóc lóc chảy thành dòng

以天眼涕泣

Dĩ Thiên nhãn thể khắp

Dùng Thiên nhãn khóc lóc

悲叫憎悒毒

Bỉ khiêu tăng áp độc

Khóc than và lo lắng

便可有所得

Tiện khả hữu sở đắc

Liên có thể sở đắc

莫啼亦勿愁

Mạc đề diệc vật sầu

Đừng khóc cũng đừng buồn

其花柔軟色甚鮮好出一切香。

Kỳ hoa nhu nhuyễn sắc thậm tiên hảo xuất nhất thiết hương。

[Hoa ở thế giới đó màu sắc đẹp dễ tốt tươi thơm tho.](#)

有七寶樹以寶合成。有梅檀樹以諸梅檀共相裝校。

Hữu thất bảo thụ dĩ bảo hợp thành. hữu chiên đàn thụ dĩ chư chiên đàn cộng tướng trang hiệu。

[Có bảy hàng cây báu làm bằng vật báu, có cây Chiên-đàn dùng để trang sức.](#)

其色妙絕種種無數。有樹常出伎樂之音。

Kỳ sắc diệu tuyệt chủng chủng vô số. hữu thụ thường xuất kỹ nhạc chi âm。

[Có vô số màu sắc tuyệt diệu. Có cây thường phát ra tiếng kỹ nhạc](#)

音節和雅無量調合。有樹常出七寶之器種種具足。

Âm tiết hòa nhã vô lượng điều hợp. hữu thụ thường xuất thất bảo chi khí chủng chủng cụ túc。

[âm thanh hòa nhã êm dịu hợp với tất cả mọi người. Có cây thường phát ra đầy đủ mỗi mỗi đồ dùng bảy báu.](#)

有樹常出眾寶瓔珞無量之飾。

Hữu thụ thường xuất chúng bảo anh lạc vô lượng chi sức。

[Có cây thường phát ra vô lượng anh lạc quý báu để làm trang sức.](#)

其國土有無數寶園。以眾七寶轉雜相成。

Kỳ quốc độ hữu vô số bảo viên. dĩ chúng thất bảo chuyển tạp tướng thành。

[Cõi nước đó, có vô số vườn báu do bảy báu tạo thành.](#)

如天所有所止宮殿。以諸如意摩尼天珠。紫磨黃金校鏤相成。

Như Thiên sở hữu sở chỉ cung điện. dĩ chư như ý ma-ni Thiên châu. tử ma hoàng kim 校鏤 tướng thành。

[Có cung điện nghỉ ngơi như cõi trời. Có các thứ Ma-ni Thiên Châu như ý, vàng bạc châu báu tạo thành.](#)

譬如第六天上所居宮殿。

Thí như đệ lục Thiên thượng sở cư cung điện。

[Thí như cung điện của cõi trời thứ sáu.](#)

其菩薩大士生彼佛國者。皆離世會專尚法講。

Kỳ Bồ-tát Đại sĩ sanh bỉ Phật quốc giả. giai ly thế hội chuyên thượng Pháp giảng。

[Bồ-tát Đại Sĩ Sanh ở cõi nước kia đều xa lìa thế tục, thường chuyên giảng pháp神通大聖度於無極。得諸佛法高明之慧。](#)

Thần thông Đại Thánh độ ưu vô cực. đắc chư Phật Pháp cao minh chi tuệ。

[thần thông đại thánh độ vô số, gặp được Phật pháp trí tuệ cao minh](#)

所問能答及離世間。所語所念常志法事。以善方便現於內明。

Sở vấn năng đáp cập ly thế gian. sở ngữ sở niệm thường chí Pháp sự. dĩ thiện phương tiện hiện ưu nội minh。

[hỏi có thể đáp và xa lìa thế gian, chỗ nói chỗ nghĩ thường luôn hướng đến pháp sự, khéo dùng phương tiện thị hiện nội minh.](#)

遠諸諛諂得法會離。諸想得智慧度無極。

Viễn chư du siểm đắc Pháp hội ly. chư tướng đắc trí tuệ độ vô cực。

[Tránh xa các thứ nịnh hót ở trong pháp hội, xa lìa các vọng tưởng đạt được trí tuệ độ vô cùng,](#)

度彼岸已具足學善權方便。

Độ bỉ ngạn dĩ cụ túc học thiện quyền phương tiện。

[vượt qua bờ bên kia đầy đủ chánh giác khéo dùng phương tiện quyền xảo,](#)

常供事諸佛離於世語。但說不退轉菩薩法事。

Thường cung sự chư Phật ly ưu thế ngữ. dẫn thuyết bất thoái chuyển Bồ-tát Pháp sự。

thường cung phụng chư Phật lìa ngôn ngữ thế gian, chỉ nói pháp sự của Bồ-tát bất Thối Chuyển.

是諸菩薩不樂餘話。但議菩薩陀隣尼金剛行法三品清淨。

Thị chư Bồ-tát bất lạc dư thoại. đăn nghị Bồ-tát đà lân ni Kim cương hành Pháp tam phẩm thanh tịnh.

Các vị Bồ-tát đó chẳng thích nói chuyện, chỉ thích bàn luận Bồ-tát Đà Lân Kim Cang hành pháp thanh tịnh phẩm thứ ba.

佛功德力無所畏。是故彼界名解脫華。

Phật công đức lực vô sở úy. thị cố bi giới danh giải thoát hoa.

Công đức của đức Phật đó vô sở úy, vì thế cõi nước kia tên là Giải Thoát Hoa
彼有菩薩名善思義。

Bì hữu Bồ-tát danh Thiện Tư Nghĩa

Cõi nước kia có vị Bồ-tát tên là Thiện Tư Nghĩa

忽遷神命生閻浮提羅閱祇國。為王阿闍世作子適生。

Hốt Thiên Thần mạng sanh Diêm-phù-đề la duyệt kì quốc. vì Vương A đồ thế tác tử thích sanh.

bỗng nhiên mạng chung sanh ở cõi Diêm-phù-đề-la-duyệt-kỳ

即便結加趺坐。而說偈言。

Tức tiện kết gia phu tọa. nhi thuyết kệ ngôn.

liền kết thêm phu tòa, mà nói kệ rằng:

吾今所以從

Ngô kim sở dĩ tòng

Ta nay sở dĩ theo

欲見釋師子

Dục kiến Thích Sư Tử

Muốn gặp Thích Sư Tử

於是有他天。為童子說此偈言。

Ư thị hữu tha Thiên. vì Đồng Tử thuyết thừ kệ ngôn.

Lúc đó có một vị trời vì Đồng Tử mà nói kệ rằng:

今日人中尊

Kim nhật Nhân Trung Tôn

Ngày nay Nhân Trung Tôn

當於雙樹間

Đương ư song thụ gian

Sẽ ở giữa song thụ

爾時童子以偈答天言。

Nhĩ thời Đồng Tử dĩ kệ đáp Thiên ngôn.

Lúc bấy giờ, Đồng Tử dùng kệ đáp với vị trời rằng:

吾從東方來

Ngô tòng Đông phương lai

Ta từ phương Đông đến

至於釋師子

chí ư Thích Sư Tử

Đến ở nơi Sư Tử

今日人中尊

Kim nhật Nhân Trung Tôn

Ngày nay Nhân Trung Tôn

至此吾有緣

Chí thừ ngô hữu duyên

Ta có duyên đến đây

今日吾來至

Kim nhật ngô lai chí

Ngày nay ta lại đến

天上及世間

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

師子嚮剎來

Sư Tử Hương sát lai

Đến cõi Sư Tử Hương

正覺為在不

Chánh giác vi tại bất

Chánh giác có được chẳng.

釋師子垂衣

Thích Sư Tử thùy y

Mặc áo Thích Sư Tử

寂然定泥曰

Tịch nhiên định Nê-hoàn

Vắng lặng nhập Niết-bàn

經百億萬剎

Kinh bách ức vạn sát

Qua trăm vạn ức cõi

欲聽聞上法

Dục thính văn thượng pháp

Muốn lắng nghe thượng pháp

當寂取泥曰

Đương tịch thủ Nê-hoàn

Sẽ tịch diệt Niết-bàn

不以無緣到

Bất dĩ vô duyên đáo

Không vì vô duyên đến

佛當般泥曰

Phật đương Bát-Nê-hoàn

Phật sẽ nhập Niết-bàn

當憂何況我

15

Tuequang Foundation

Thiên thượng cập thể gian
Thiên thượng và thể gian
發意頃不住
Phát ý khoảnh bất trụ
Trong khoảnh khắc chẳng yên
吾來至於此
Ngô lai chí ư thử
Ta lại đến nơi đây
佛興難可值
Phật hưng nan khả trị
Phật khó có thể gặp
無得為放逸
Vô đắc vi phóng dật
Không được vì buông lung
億百千劫中
Úc bách thiên kiếp trung
Trong trăm ngàn ức kiếp
於德化當知
Ư đức hóa đương tri
Phải biết từ nơi đức
今日於大王
Kim nhật ư Đại Vương
Ngày nay muốn Đại Vương
放意從欲故
Phóng ý tòng dục cố
Phóng ý theo dục lạc
習近惡知識
Tập cận ác tri thức
Quen gần ác tri thức
王從受彼教
Vương tòng thọ bị giáo
Vua theo thọ giáo kia
起於吾我想
Khởi ư ngô ngã tưởng
Khởi lên các ngã tưởng
王父為法行
Vương phụ vi Pháp hành
Vua cha nhờ hành pháp
王已得其罪
Vương dĩ đắc kỳ tội
Vua đã đắc tội đó
以故墮沈冥
Dĩ cố đọa trầm minh
Nên đọa nơi tối tăm
喜意淨信佛
Hỷ ý tịnh tín Phật
Ý vui tin theo Phật
然後為人尊
Nhiên hậu vi nhân tôn
Sau đó làm Nhân Tôn
佛般泥曰已
Phật Bát-Nê-hoàn dĩ
Phật Nhập Niết-bàn xong
但能得供養
Đãn năng đắc cung dường
Chỉ có thể cúng dường

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

Đương ưu hà hưởng ngã
Đau buồn hưởng gì ta
即欲往見佛
Tức dục vãng kiến Phật
Tức muốn đến gặp Phật
有益不唐舉
Hữu ích bất đường cử
Ích lợi chẳng vô ích
故啟大王言
Cố khai Đại Vương ngôn
Nên hỏi Đại Vương rằng
當詣多陀竭
Đương nghê đa đà kiệt
Phải đến Đa-đà-kiệt
時有一佛起
Thời hữu nhất Phật khởi
Thời có một vị Phật
佛枉眾庶民
Phật uổng chúng thứ dân
Phật uổng nắn mọi người
諫寤國之尊
Giản ngụ quốc chi tôn
Phải thức tỉnh nước đó
云何絕父命
Vân hà tuyệt phụ mạng
Sao lại tuyệt mạng cha
調達則大賊
Điều đạt tắc đại tặc
Điều Đạt tức đại tặc
斷絕父之命
Đoạn tuyệt phụ chi mạng
Đoạn tuyệt mạng của cha
癡欲造逆害
Si dục tạo nghịch hại
Ngu si muốn tạo nghịch
則佛之子孫
Tắc Phật chi tử tôn
Tức con cháu của Phật
為犯於逆事
Vi phạm ư nghịch sự
Do phạm tội ngũ nghịch
阿鼻摩地獄
A-tì-ma địa ngục
Địa ngục A-tỳ-ma
便當得解脫
Tiện đương đắc giải thoát
Liên sẽ được giải thoát
即可得正覺
Tức khả đắc chánh giác
Liên đắc được chánh giác
正覺雖復見
Chánh giác tuy phục kiến
Chánh giác tuy lại gặp
於無我舍利
Ư vô ngã xá-lợi
Ta không có xá lợi

16

Tuequang Foundation

吾不以欲故
Ngô bất dĩ dục cố
Ta không vì ham muốn
大王見忍從
Đại Vương kiến nhẫn tòng
Đại Vương thấy từ nhẫn
今日夜半時
Kim nhật dạ bán thời
Ngày nay lúc nửa đêm
吾從師子嚮
Ngô tòng Sư Tử Hướng
Ta theo Sư Tử Hướng
我欲見佛故
Ngã dục kiến Phật cố
Vì ta muốn gặp Phật
敬謝中外親
Kính tạ trung ngoại thân
Kính tạ trong và ngoài
我當往覲佛
Ngã đương vãng cậ Phật
Ta phải đến gần Phật
欲見佛者俱
Dục kiến Phật giả câu
Người mà muốn gặp Phật
於是王阿闍世以偈告子言。

Ư thị Vương A đồ thế dĩ kệ cáo tử ngôn。
Lúc đó, A-xà-thế dùng kệ nói với Đồng Tử rằng:

子汝且忍於是夜
Tử nhữ thả nhẫn ư thị dạ
Đêm đó Đồng Tử ông nán lại
力士之士去此遠
Lực sĩ chi độ khứ thử viễn
Đất Lực Sĩ cách đây rất xa
爾時童子以偈答父王阿闍世言。

Nhĩ thời Đồng Tử dĩ kệ đáp phụ Vương A-đồ-thế ngôn。
Lúc bấy giờ, Đồng Tử dùng kệ đáp với phụ vương A-xà-thế rằng:

我精進力甚眾多
Ngã tinh tấn lực thậm chúng đa
Ta tinh tấn dùng sức rất nhiều
是夜能越無數劫
Thị dạ năng việt vô số kiếp
Trong một đêm vượt vô số kiếp
我今日夜所從來
Ngã kim nhật dạ sở tòng lai
Trong ngày nay ta sẽ theo đến
超越中間無數國
Siêu việt trung gian vô số quốc
Vượt qua trung gian vô số nước
爾時童子從座下步。行出羅闍祇大城。

Nhĩ thời Đồng Tử tòng tọa hạ bộ。hành xuất la duyệt kì Đại thành。
Lúc bấy giờ, Đồng Tử từ chỗ ngồi đứng dậy đi bộ ra khỏi đại thành La-duyệt-kỳ
便說偈言。

Tiện thuyết kệ ngôn。
liền nói kệ rằng:

其欲生天離地獄

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

來到於此國
Lai đáo ư thử quốc
Lại đến ở cõi này
我欲往見佛
Ngã dục vãng kiến Phật
Ta muốn đến gặp Phật
世尊當泥曰
Thế Tôn đương Nê-hoàn
Thế Tôn sẽ Niết-bàn
聞佛說如是
Văn Phật thuyết như thị
Nghe Phật nói như vậy
故至此忍界
Cố chí thử nhẫn giới
Nên nhẫn đến cõi này
諸家且自安
Chư gia thả tự an
Các nhà đều an ổn
神通生死盡
Thần thông sanh tử tận
Thần thông sanh tử hết
前侍尊泥曰
Tiền thị tôn Nê-hoàn
Trước hầu Phật Niết-bàn

我當求勇并力往
Ngã đương cầu dũng tinh lực vãng
Ta sẽ dùng sức mạnh để đi
不可便以車乘至
Bất khả tiện dĩ xa thừa chí
Không thể dùng xe cộ đi đến

發意之頃便能來
Phát ý chi khoảnh tiện năng lai
Ý phát ra chốc lát liền đến
我不懈怠如大王
Ngã bất giải đãi như Đại Vương
Ta không nhát như đại vương đâu
亦不可計甚長遠
Diệc bất khả kế thậm trường viễn
Cũng không thể tính dài hay xa
力士之處何足言
Lực sĩ chi xử hà túc ngôn
Chỗ Lực Sĩ nói sao cho đủ

欲得名聞為尊雄

Kỳ dục sanh Thiên ly địa ngục
Muốn sanh Thiên thì lìa địa ngục
可疾隨我後從來
Khả tật tùy ngã hậu tông lai
Mau theo ta mà đi đến đó

Dục đắc danh văn vi tôn hùng
Muốn tiếng thơm thì làm Tôn Hùng
當前詣佛最泥曰
Đương tiên nghê Phật tối Nê-hoàn
Phải đi đến trước Phật Niết-bàn

童子適出羅閱祇大城說此偈已。

Đồng Tử thích xuất la duyệt kì Đại thành thuyết thừ kệ dĩ.

Đồng Tử ra khỏi đại thành La-duyệt-kỳ nói kệ này xong,

應時城中二萬人無數億天龍鬼神。

Ứng thời thành trung nhị vạn nhân vô số ức Thiên Long quỷ Thần.

túc thời trong thành hai vạn người và vô số ức chư Thiên, Long Vương, Quỷ thần

撻杏和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒來會於是。

Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la Chân-đà-la Ma-hầu-lặc lai hội ư thị.

Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-lặc lại đến tụ hội ở đó,

與若干之眾圍繞。共到力士生地雙樹間至佛所。

Dữ nhược can chi chúng vây quanh. cộng đảo lục sĩ sanh địa song thụ gian chí

Phật sở.

cùng vô số chúng vây quanh, đến chỗ Lục Sĩ sanh địa giữa Ta La song thụ nơi chỗ Phật.

爾時佛於師子床上右脇倚臥。

Nhĩ thời Phật ư Sư-tử sàng thượng hữu hiệp ỷ ngọa.

Lúc bấy giờ, Phật nằm trên giường sư tử nghiêng mình về bên phải.

時南方去此五十萬佛國有佛。號寶積示現如來。

Thời Nam phương khứ thử ngũ thập vạn Phật quốc hữu Phật. hiệu Bảo Tích thị hiện Như-Lai.

Lúc đó ở phương Nam cách đây năm trăm vạn cõi Phật có một vị Phật, hiệu là Bảo-Tích Thị Hiện Như Lai

今現在說法。其世界名寶種。

Kim hiện tại thuyết pháp. kỳ thế giới danh bảo chủng.

hiện đang thuyết pháp. Thế giới đó tên là Bảo Chủng.

彼有菩薩名曰喜信淨。忽遷神命生閻浮提舍衛大城。

Bỉ hữu Bồ-tát danh viết hi tín tịnh. hốt Thiên Thần mạng sanh Diêm-phù-đề xá vệ Đại thành.

Cõi đó có một vị Bồ-tát tên là Hỷ-tịnh-tín, bỗng nhiên mạng chung sanh vào đại thành Xá-vệ cõi Diêm-phù-đề

為師子長者作子適生。即便結加趺坐。說此偈言。

Vi Sư-tử Trưởng-Giả tác tử thích sanh. tức tiện kết gia phu tọa. thuyết thừ kệ ngôn.

sanh làm con của trưởng giả Sư Tử, tức liền kết thêm phu tòa, nói kệ này:

所以手足施

及用耳與鼻

Sở dĩ thủ túc thí

Cập dụng nhĩ dĩ từ

Nay bố thí tay chân

Cùng dùng tai và mắt

至于億世中

忍以頭為惠

Chí vu ức thế trung

Nhẫn dĩ đầu vi huệ

Cho đến trong ức đời

Nhẫn lấy đầu làm ân

勇惠施無懼

妻婦及男女

Dũng huệ thí vô cụ

Thê phụ cập nam nữ

Ban ân mà không sợ

Vợ con và nam nữ

欲度一切故

釋尊豈在不

Dục độ nhất thiết cố

Thích tôn khởi tại bất

Vì muốn độ tất cả

Thế Tôn đâu ngại chẳng

所以億劫中

肌肉施於人

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

18

Tuequang Foundation

Sở dĩ ức kiếp trung
Sở dĩ trong ức kiếp
欲度眾生故
Dục độ chúng sanh cố
Vì muốn độ chúng sanh

於是師子長者即恐懼衣毛為豎。

Ư thị Sư-tử Trưởng-Giả tức khùng cụ y mao vi thọ.
Lúc đó trưởng giả Sư Tử liền lo sợ lông tóc dựng ngược

以偈問子言。

Dĩ kệ vấn tử ngôn.
dùng kệ hỏi ta rằng:

為天撻沓和
Vi Thiên Kiên-đạp-hòa
Vị trời Kiên-đạp-hòa
嬰孩能讚歎
Anh hài năng tán thán
Trẻ thơ đều khen ngợi

中外皆怪怖
Trung ngoại giai quái phở
Trong ngoài đều sợ hãi

吾用聞佛聲
Ngô dụng văn Phật thanh
Ta nhờ nghe tiếng Phật

爾時童子以偈答父言。

Nhĩ thời Đồng Tử dĩ kệ đáp phụ ngôn.
Lúc bấy giờ, Đồng Tử dùng kệ trả lời với cha rằng:

我為天亦龍
Ngã vi Thiên diệc long
Con nhờ trời và rồng

我為天中天
Ngã vi Thiên Trung Thiên
Con nhờ Thiên Trung Thiên

於是師子長者以偈問子言。

Ư thị Sư-tử Trưởng-Giả dĩ kệ vấn tử ngôn.

Lúc đó, trưởng giả Sư Tử dùng kệ hỏi con rằng:

用聞是語故
Dụng văn thị ngữ cố
Vì nhờ nghe lời này

所歎乃如是
Sở thán nãi như thị
Do khen ngợi như vậy

云何為天龍
Vân hà vi Thiên Long
Có sao làm trời rồng

何謂天中天
Hà vị Thiên Trung Thiên
Sao gọi Thiên Trung Thiên

爾時童子以偈答父言。

Nhĩ thời Đồng Tử dĩ kệ đáp phụ ngôn.

Lúc bấy giờ, Đồng Tử dùng kệ trả lời với cha rằng:

南方有佛名
Nam phương hữu Phật danh
Phương Nam có Phật tên

我從彼剎來
Ngã tòng bỉ sát lai

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

Cơ nhục thí u nhân
Róc thịt thí cho người
世眼為在不
Thế nhãn vi tại bất
Nhìn đời không ngăn ngại

鬼神真陀羅
Quỷ Thần Chân-đà-la
Qui thần Chân-đà-la
辯才說妙言
Biện tài thuyết diệu ngôn
Lời nói luôn biện tài

小大馳四散
Tiểu đại trì tứ tán
Lớn nhỏ đều ruổi theo

是故獨不去
Thị cố độc bất khứ
Vì thế không bỏ đi

亦鬼真陀羅
Diệc quỷ Chân-đà-la
Và qui Chân-đà-la
亦為人長者
Diệc vi nhân Trưởng-Giả
Cũng nhờ người trưởng giả

子益令我疑
Tử ích lệnh ngã nghi
Khiến con càng nghi ta

使我增恐懼
Sử ngã tăng khùng cụ
Khiến con càng lo sợ

何鬼撻沓和
Hà quỷ Kiên-đạp-hòa
Sao làm Kiên-đạp-hòa

何謂子為人
Hà vị tử vi nhân
Sao gọi con là người.

寶積如來尊
Bào Tích Như Lai Tôn
Bào Tích Như Lai Tôn
今至此佛國
Kim chí thử Phật quốc

Con theo cõi kia đến

怒害我為釋

Nộ hại ngã vi thích

Nộ hại con đã bỏ

若苦則為梵

Nhuộc khổ tắc vi phạm

Nếu khổ tức là phạm

於彼威龍像

Ư bì hàm long tượng

Đều nơi rồng voi kia

鬼色捷沓和

Quỷ sắc Kiền-đạp-hòa

Qui sắc Kiền-đạp-hòa

我當為一切

Ngã đương vi nhất thiết

Ta sẽ vì tất cả

致得天人尊

Trí đắc Thiên Nhơn Tôn

Đến được Thiên Nhân Tôn

我所化亦久

Ngã sở hóa diệc cửu

Ta giáo hóa cũng lâu

終無有盡時

Chung vô hữu tận thời

Cuối cùng cũng không còn

童子白父言。寶積示現如來所說當學。

Đồng Tử bạch phụ ngôn。Bảo Tích thị hiện Như-Lai sở thuyết đương học。

Đồng Tử bạch với cha rằng: Bảo Tích Thị Hiện Như Lai đã nói thì phải học。

不當習諸人之事。所修當念行廣大之業。

Bất đương tập chư nhập chi sự。 sở tu đương niệm hành quảng Đại chi nghiệp。

không phải vào tập sự các việc, phải tu, phải niệm, làm các việc lớn lao

菩薩有三法行。

Bồ-tát hữu tam pháp hành。

Bồ-tát có ba pháp hành, phải tu phải niệm làm các việc rộng lớn

疾得阿惟越致無上正真道何等為三。一者種種深覺。二者入無數意。

Tật đắc a duy việt trí Vô Thượng Chánh Chân Đạo hà đẳng vi tam, nhất giả chủng

chủng thâm giác。 nhị giả nhập vô số ý。

mau chứng đắc A-duy-việt cho đến Vô Thượng Chánh Chân Đạo。 Sao gọi là ba?

Một là phải giác ngộ sâu sắc, hai là phải thâm nhập vô số tâm,

三者念要句三昧。是為三法行。

Tam giả niệm yếu cú tam muội。 thị vi tam Pháp hành。

ba là cốt yếu niệm câu Tam Muội。 Đó là ba pháp hành。

菩薩疾得阿惟越致無上正真道。於時師子長者告子言。

Bồ-tát tật đắc a duy việt trí vô thượng chánh chân đạo。 ư thời Sư-tử Trưởng-Già

cáo tử ngôn。

Bồ-tát mau chứng đắc A-duy-việt đến Vô Thượng Chánh chân Đạo。 Lúc đó,

trưởng giả Sư Tử nói với con rằng:

我未知是處。

Ngã vị tri thị xứ。

Ta chưa biết chỗ đó。

童子以偈現說其處。

Đồng Tử dĩ kệ hiện thuyết kỳ xứ。

Đồng Tử dùng kệ nói về chỗ đó。

深慧難曉亦難了

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

Nay đến cõi nước này

為六天亦然

Vi lục Thiên diệc nhiên

Trời thứ sáu cũng vậy

亦作轉輪王

Diệc tác chuyển luân Vương

Cũng làm Chuyển Luân Vương

為神至於此

vi thần chí ư thử

Làm thần đến ở đây

長者當了是

Trưởng giả đương liễu thị

Trưởng Giả sẽ rõ vậy

哀傷設擁護

Ai thương thiết ủng hộ

Xót thương nên ủng hộ

覺則為上度

Giác tắc vi thượng độ

Giác ngộ thì vượt lên

從劫至億劫

Tòng kiếp chí ức kiếp

Từ kiếp đến ức kiếp

長者我欲去

Trưởng Giả ngã dục khứ

Trưởng giả ta muốn đi

世間皆疑於是句

20

Tuequang Foundation

Thâm tuệ nan hiểu diệc nan liễu
 Tuệ sâu khó hiểu cũng khó tỏ
 一切了知是義者
 Nhất thiết liễu tri thị nghĩa giả
 Nghĩa đó hết thấy đều biết rõ
 佛所解句無瑕穢
 Phật sở giải cú vô hà ố
 Câu Phật giải không gì ô ố
 其無思念清淨道
 Kỳ vô tư niệm thanh tịnh đạo
 Không nghĩ nhớ là đạo thanh tịnh
 無央數意無有意
 Vô ương số ý vô hữu ý
 Vô ương số tâm không có tâm
 無所入者是謂意
 Vô sở nhập giả thị vị ý
 Không chỗ vào thì gọi là tâm
 金剛三昧得上覺
 Kim cương tam muội đắc thượng giác
 Đắc kim cương Tam muội thượng giác
 我立於信妙金剛
 Ngã lập ư tín diệu kim cương
 Ta tin kim cương là vi diệu
 彼斷要者不為信
 Bì đoạn yếu giả bất vi tín
 Kia cốt yếu chặt đứt không tin
 是一切法為如空
 Thị nhất thiết Pháp vi như không
 Hết thấy pháp giống như hư không
 一切所知無有智
 Nhất thiết sở tri vô hữu trí
 Hết thấy trí là không có trí
 一切所學無有學
 Nhất thiết sở học vô hữu học
 Hết thấy giác là không có giác
 深入慧者無法想
 Thâm nhập tuệ giả vô Pháp tưởng
 Tuệ thâm sâu thì không tưởng pháp
 雖成覺道無覺想
 Tuy thành giác đạo vô giác tưởng
 Tuy thành giác mà không tưởng giác
 是之勇猛離見罔
 Thị chi dũng mãnh ly kiến vãng
 Dũng mãnh thì lìa xa lưới thấy
 入於一切生死海
 Nhập ư nhất thiết sanh tử hải
 Nhất thiết bước vào biển sanh tử
 於是童子說此偈已。師子長者及二百人。
 Ư thị Đồng Tử thuyết thử kệ dĩ. Sư-tử Trường-Già cập nhị bách nhân。
 Lúc đó, Đồng Tử nói kệ này rồi, trường giả Sư Tử và hai trăm người
 具足發無上正真道意。應時得不起法忍。
 Cụ túc phát vô thượng chánh chân đạo ý. ứng thời đắc bất khởi Pháp nhẫn。
 đều phát tâm Vô Thượng Chánh Chân Đạo, tức thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn,
 八億天發無上正真道意。即立不退轉地。
 Bát ức Thiên phát vô thượng chánh chân đạo ý. tức lập bất thối chuyển địa。
 Bát ức Thiên phát vô thượng chánh chân đạo ý. tức lập bất thối chuyển địa。

Thế gian giai nghi ư thị cú
 Câu đó thế gian cũng đều nghi
 唯獨有佛多陀竭
 Duy độc hữu Phật đa đà kiết
 Chỉ riêng có Phật Đa-đà-kiết
 已有無想為上智
 Dĩ hữu vô tưởng vi thượng trí
 Không có vọng tưởng là thượng trí
 不行想行是謂智
 Bất hành tưởng hành thị vị trí
 Không vọng tưởng đó là người trí
 心之所入志寂定
 Tâm chi sở nhập chí tịch định
 Tâm đã nhập nhất định chí lặng
 此意則為見一切
 Thử ý tắc vi kiến nhất thiết
 Tâm đây tức là thấy tất cả
 於是之句無入句
 Ư thị chi cú vô nhập cú
 Lúc đó câu không nhập vào câu
 此之句跡謂上要
 Thử chi cú tích vị thượng yếu
 Câu đây là dấu chân thượng yếu
 佛讚信法為持最
 Phật tán tín Pháp vi trì tối
 Tin pháp là Phật khen gìn giữ
 習行三昧得為佛
 Tập hành tam muội đắc vi Phật
 Được làm Phật thực hành Tam Muội
 一切所行無有行
 Nhất thiết sở hạnh vô hữu hành
 Hết thấy hành đều không có hành
 一切所說無有說
 Nhất thiết sở thuyết vô hữu thuyết
 Hết thấy thuyết là không có thuyết
 入於寂定無寂想
 Nhập ư tịch định vô tịch tưởng
 Vắng lặng rồi thì không tưởng lặng
 度脫人民無人想
 Độ thoát nhân dân vô nhân tưởng
 Độ thoát người mà không tưởng người
 皆覺了究深道事
 Giai giác liễu cứu thâm đạo sự
 Việc đạo thâm sâu đều hiểu rõ
 度脫群萌諸起滅
 Độ thoát quần sanh khởi diệt
 Độ thoát các sanh diệt quần mê。

tám úc Trời phát tâm Vô Thượng Chánh Chân Đạo, liền lập tức chứng Bất Thối Chuyển Địa

成無上正真道。四那術人遠塵離垢得諸法眼淨。

Thành Vô Thượng Chánh Chân Đạo. tứ Na-thuật nhân viễn trần ly cấu đắc chư Pháp nhãn tịnh.

thành tựu Vô Thượng Chánh Chân Đạo. Bốn ngàn người xa lìa trần cấu đắc các pháp nhãn.

爾時童子便說偈言。

Nhĩ thời Đồng Tử tiện thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ, Đồng Tử liền nói kệ rằng:

吾不徒爾來

Ngô bất đồ nhĩ lai

Ta không chạy đến vậy

度脫無億數

Độ thoát vô úc số

Độ thoát vô úc số

於釋師子法

Ư Thích Sư Tử pháp

Pháp của Thích Sư Tử

立人於忍地

Lập nhân ư nhẫn địa

Người lập nơi đất nhẫn

我立父兄弟

Ngã lập phụ huynh đệ

Ta lập cha anh em

八億諸天人

Bát úc chư Thiên nhân

Tám úc các trời người

我為一切人

Ngã vi nhất thiết nhân

Ta vì tất cả người

我為得法利

Ngã vi đắc Pháp lợi

Ta vì đắc pháp lợi

爾時童子說此偈已。與父母及百千億人。

Nhĩ thời Đồng Tử thuyết thừ kệ dĩ. dữ phụ mẫu cập bách Thiên úc nhân.

Lúc bấy giờ, Đồng Tử nói kệ ấy xong, cùng cha mẹ và trăm ngàn úc người

無數億天龍神捷沓和阿須倫迦留羅真陀羅

Vô số úc Thiên Long Thần Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-lưu-la Chân-đà-la

vô số úc quyển thuộc Rồng, Trời, Thần Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-khẩn-la, Chân-đà-la

摩睺勒眷屬。

Ma-hầu-lặc quyển chúc。

Ma-hầu-lặc

圍繞往到力士生地詣佛所是時佛於師子床上右脇倚臥。

Vây quanh vãng đáo lục sĩ sanh địa nghê Phật sở thị thời Phật ư Sư-tử sàng

thượng hữu hiệp ý ngọa。

vây quanh đi đến nơi Lục Sĩ sanh địa đến chỗ Phật. Lúc đó, đức Phật nằm nghiêng bên phải trên giường sư tử.

時西方去此八十億萬佛國有佛。號妙樂如來。

Thời Tây phương khứ thừ bát thập úc vạn Phật quốc hữu Phật. hiệu diệu lạc Như-Lai。

Lúc đó, phương Tây cách đây mười tám vạn úc cõi nước, có một thế giới hiệu là Diệu Lạc Như Lai

有勸釋尊教

Hữu khuyến thích tôn giáo

Có đức Thích Tôn dạy

令發佛道意

Lệnh phát Phật đạo ý

Khiến phát tâm Phật đạo

懷來宣善義

Hoài lai tuyên thiện nghĩa

Lại tuyên thuyết nghĩa lành

無得不退轉

Vô đắc bất thối chuyển

Không đắc Bất Thối Chuyển

諸家於佛道

Chư gia ư Phật đạo

Các nhà đến đạo Phật

皆命悉大乘

Giai mạng tất Đại Thừa

Hết thấy đều Đại Thừa

除其貧窶行

Trừ kỳ bần cũ hành

Trừ những kẻ ngu dốt

難計難思議

Nan kê nan tu nghị

Khó tính khó nghĩ bàn

今現在說法。其世界名樂園。彼有菩薩名曰空無。

Kim hiện tại thuyết Pháp. kỳ thế giới danh lạc viên. bỉ hữu Bồ-tát danh viết không vô.

hiện đang nói pháp. Thế giới đó tên là Lạc Viên. Cõi đó có Bồ-tát tên là Nhật Không Vô.

忽遷神命生閻浮提。

Hốt Thiên Thần mạng sanh Diêm-phù-đề.

Bỗng nhiên mạng chung sanh vào cõi Diêm-phù-đề

於波羅奈城為須福長者作子適生。便結加趺坐。說此偈言。

Ư ba la nại thành vi tu phúc Trường-Giả tác tử thích sanh. tiện kết gia phu tọa. thuyết thử kệ ngôn.

ở trong thành Ba-la-nại sanh làm con của trường giả Tu Phước, liền kết thêm phu tòa, nói kệ này rằng:

法本為空無

Pháp bản vi không

Pháp vốn là trống không

不得脫勤苦

Bất đắc thoát cần khổ

Chẳng đắc thì thoát khổ

法為不可得

Pháp vi ất khả đắc

Vì pháp không thể đắc

亦盡亦無盡

Diệc tận diệc vô tận

Cũng hết cũng không hết

空者不智習

Không giả bất trí tập

Không là chẳng trí tập

彼若無因緣

Bỉ nhược vô nhân duyên

Kia nếu không nhân duyên

彼所可說法

Bỉ sở khả thuyết pháp

Chỗ kia há nói pháp

釋師子人尊

Thích Sư Tử Nhân Tôn

Thích Sư Tử Nhân Tôn

大師子震吼

Đại Sư tử chấn hồng

Tiếng rống đại sư tử

今日於樹間

Kim nhật ư thụ gian

Ngày nay ở giữa cây

佛於眾僧中

Phật ư chúng tăng trung

Phật ở trong chúng tăng

諸人不復見

Chư nhân bất phục kiến

Các người lại chẳng thấy

佛於眾僧中

Phật ư chúng tăng

Phật ở trong chúng tăng

世尊不復樂

Thế tôn bất phục lạc

Thế Tôn lại chẳng vui

欲有則為著

Vô dục hữu tắc vi trú

Muốn có tức là chấp

常立於慣惱

Thường lập ư hội não

Thường đứng trên rồi ren

是謂為定止

Thị vị vi định chỉ

Đó gọi là dừng lại

彼為悉無有

Bỉ vi tất vô hữu

Kia đều là không có

亦不無有習

Diệc bất vô hữu tập

Cũng chẳng không có tập

何從有所緣

Hà tòng hữu sở duyên

Sao lại có chỗ duyên

深寂亦難解

Thâm tịch diệc nan giải

Sâu lắng cũng khó hiểu

正覺為在不

Chánh giác vi tại bất

Chánh Giác tự tại chẳng

梵音無起滅

Phạm âm vô khởi diệt

Phạm âm không sanh diệt

光日沒不現

Quang nhật một bất hiện

Mặt trời không còn hiện

譬如月盛滿

Thí như nguyệt thịnh mãn

Thí như vầng trăng tròn

世雄說法時

Thế Hùng thuyết pháp thời

Lúc Thế Hùng nói pháp

如踞須彌頂

Trung như cú Tu Di đỉnh

Như ngồi đánh tu di

出入於城中

Xuất nhập ư thành trung

Vào ra ở trong thành

為天世吼道
Vì Thiên thế hồng đạo
Rỗng đạo vì Thiên thế
一切不復得
Nhất thiết bất phục đắc
Hết thấy lại chẳng đắc
離吾無有我
Ly ngô vô hữu ngã
Lìa ta không có ngã
今世尊泥曰
Kim Thế Tôn Nê-hoàn
Nay Thế Tôn nhập diệt
爾時童子說此偈已。

說空無我法
Thuyết không vô ngã Pháp
Nói pháp không vô ngã
聞服大音聲
Văn phục đại âm thanh
Âm thanh nghe rất lớn
讚唱於空法
Tán xướng ư không pháp
Ca ngợi ở pháp không
寢疾於樹間
Tâm tật ư thụ gian
Nằm ở nơi rừng cây.

Nhĩ thời Đồng Tử thuyết thù kệ dĩ.
Lúc bấy giờ, Đồng Tử nói bài kệ này xong,
應時波羅奈大城中十萬人。同時舉聲俱讚歎言。未曾有也。
Ứng thời ba la nại Đại thành trung thập vạn nhân。đồng thời cử thanh câu tán
thán ngôn。vị tăng hữu dã。
túc thời trong đại thành Ba-la-nại, mười vạn người đồng thời cất tiếng khen ngợi
rằng:

此幼童子乃能有是深智慧意智慧入。

Thử ấu Đồng Tử nãi năng hữu thị thâm trí tuệ ý trí tuệ nhập。
Đồng Tử trẻ thơ này mới có trí tuệ thâm sâu, trí tuệ thâm nhập。
智慧光明智慧清淨智慧高明。

Trí tuệ quang-minh trí tuệ thanh tịnh trí tuệ cao minh。
trí tuệ sáng suốt, trí tuệ thanh tịnh, trí tuệ cao minh đó,
說上妙偈生而逮忍嚮慧權慧。其處難及所未嘗有。

Thuyết thượng diệu kệ sanh nhi đãi nhẫn hướng tuệ quyền tuệ。 kỳ xử nan cập sở vị
thường hữu。

nói kệ cao thượng vi diệu mà nhanh chóng đạt được hướng tuệ quyền tuệ。
Chỗ đó khó sánh bằng chưa từng có。

其身未長乃有大力。譬如目見如來正覺。願令我等智慧如是。

Kỳ thân vị trường nãi hữu Đại lực。 thí như mục kiến Như-Lai chánh giác。 nguyện
lệnh ngã đẳng trí tuệ như thị。

Thân đó chưa lớn mà đã có sức mạnh。 Thí như mắt thấy Như Lai Chánh Giác
ấy, thân xin nguyện chúng tôi có trí tuệ như vậy。

童子曰。仁等。真願是智慧。當願如佛之智慧。

Đồng Tử viết。 nhân đẳng。 chân nguyện thị trí tuệ。 đương nguyện như Phật chi trí
tuệ。

Đồng Tử trả lời rằng: Các người nguyện chân thật là trí tuệ, phải nguyện được
trí tuệ vi diệu của Như Lai

微妙無合會寂無與等者。

Vi diệu vô hợp hội tịch vô dữ đẳng giả。

chú trí tuệ của ta không vắng lặng, không phù hợp bằng Như Lai.

離諸所有高明無損。致諸行法一切善本。一切諸佛力無所畏。

Ly chư sở hữu cao minh vô tổn。 trí chư hành Pháp nhất thiết thiện bản。 nhất
thiết chư Phật lực vô sở úy。

Xa lìa các chỗ có trí tuệ cao minh thì không tổn hại, cho đến hết thấy các pháp
hành vốn là lành, hết thấy các sức lực của chư Phật vô sở úy,

立於大慈大哀。仁等。當願得此智慧。

Lập ư Đại từ đại ai。 nhân đẳng。 đương nguyện đắc thù trí tuệ。

được thành lập trên cơ sở đại từ, đại bi. Các người phải nguyện có được trí tuệ này.

我今與仁當共發無上正真道意。

Ngã kim dĩ nhân đương cộng phát Vô Thượng Chánh Chân Đạo ý.

Ta nay cùng với các người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Chân Đạo

應時大眾俱發無上正真道意。尋為說法皆立不退轉。

Ứng thời đại chúng câu phát Vô Thượng Chánh Chân Đạo ý. tầm vi thuyết Pháp giai lập bất thối chuyển.

Túc thời đại chúng đều phát tâm Vô Thượng Chánh Chân Đạo, liền nói pháp chúng Bất Thối Chuyển.

成無上正真道。仁等。已發大道意。

Thành Vô Thượng Chánh Chân Đạo. nhân đẳng. dĩ phát Đại đạo ý.

thành tựu Vô Thượng Chánh Chân Đạo. Các người đã phát tâm lớn ở trong đạo rồi,便可共往見如來無所著等正覺。於是童子與父母及十萬人。

Tiên khả cộng vãng kiến Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác. ư thị Đồng Tử dĩ phụ mẫu cập thập vạn nhân.

liền có thể cùng nhau đi đến gặp Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc đó Đồng Tử cùng quyến thuộc cha mẹ và mười vạn người

無數億天龍鬼神捷沓和阿須倫迦留羅真陀

Vô số ức Thiên Long quý Thần Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la chân đà

vô số ức trời, rồng, qui thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la

羅摩睺勒眷屬圍繞。到力士生地詣佛所。

La Ma-hầu-lặc quyến thuộc vi nhiều. đáo Lực Sĩ sanh địa nghệ Phật sở.

Ma-hầu-lặc vây quanh đến Lực Sĩ Sanh Địa.

是時佛於師子床上右脇倚臥。

Thị thời Phật ư Sư-tử sàng thượng hữu hiệp ý ngọa.

Lúc đó, đức Phật nằm nghiêng mình trên giường sư tử.

時北方去此六十四萬億佛國有佛。號覺跡如來。

Thời Bắc phương khứ thử lục thập tứ vạn ức Phật quốc hữu Phật. hiệu giác tích Như-Lai.

Túc thời ở phương Bắc cách đây sau mười bốn vạn ức cõi Phật có một vị Phật hiệu là Giác Tích Như Lai,

今現在說法。其世界名華跡。彼界及樹華實。

Kim hiện tại thuyết Pháp. kỳ thế giới danh hoa tích. bỉ giới cập thụ hoa thật.

hiện nay đang nói pháp. Thế giới đó gọi là Hoa Tích. Thế giới đó có cây cối hoa quả

晝夜常出覺華行之音。

Trú dạ thường xuất giác hoa hành chi âm.

ngày đêm thường phát ra âm thanh tinh giác,

諸天龍鬼神捷沓和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒。其聞音者。

Chư Thiên long quý Thần Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la Chân-đà-la Ma-hầu-lặc. kỳ văn âm giả.

Các trời, rồng, qui thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc nghe âm thanh đó

皆立覺跡之道德。彼如來有是德。

Giai lập giác tích chi đạo hành. bỉ Như-Lai hữu thị đức.

đều đi vào đạo đứng gần Giác Tích. Như Lai kia có đức tính đó,

其有人見覺跡行光明者。皆得不退轉無上正真道。

Kỳ hữu nhân kiến giác tích hành quang-minh giả. giai đắc bất thối chuyển vô thượng chánh chân đạo.

nên có người thấy ánh sáng phát ra của Giác Tích đều chứng được bất thối chuyển Vô Thượng Chánh Chân Đạo.

彼如來本願之所致。佛語阿難。

Bỉ Như-Lai Bốn Nguyện chi sở trí. Phật ngữ A-nan.
Bốn nguyện của Như Lai kia đã đến, Phật nói với A-nan.

覺跡如來華跡世界無求二道者。亦不教人求。

Giác tích Như-Lai hoa tích thế giới vô cầu nhị đạo giả. diệc bất giáo nhân cầu.
Thế giới Hoa Tích của Giác Tích Như Lai, không cầu hai đường vậy. Cũng dạy người cầu,

亦不為弟子緣覺之乘也。但學大乘亦教勸人。佛言。

diệc bất vi đệ-tử duyên giác chi thừa dã. dẫn học Đại thừa diệc giáo khuyến nhân. Phật ngôn.

cũng chẳng vì đệ tử Duyên Giác mà cầu. Chỉ học Đại Thừa cũng khuyến dạy người học Đại Thừa

Phật nói:

覺跡如來作佛已來六十萬四千劫無弟子緣覺眾。

Giác tích Như-Lai tác Phật dĩ lai lục thập vạn tứ Thiên kiếp vô đệ-tử duyên giác chúng.

Giác Tích Như Lai làm Phật đã đến sáu mươi bốn vạn ngàn ngàn kiếp không có chúng đệ tử Duyên Giác,

唯有菩薩眾。譬如轉輪聖王其子眾多。

Duy hữu Bồ-tát chúng. thí như Chuyển luân Thánh Vương kỳ tử chúng đa.
Chỉ có chúng Bồ-tát. Thí như Chuyển Luân Thánh Vương con cái đông nhiều.

以子為臣。子為門監。子為侍者。覺跡如來國亦如是。

Dĩ tử vi Thân. tử vi môn giám. tử vi thị giả. giác tích Như-Lai quốc diệc như thị.

lấy làm thân, lấy con làm môn cái, con làm thị giả, cõi nước của Giác Tích Như Lai cũng như vậy.

唯以諸菩薩為輔弼。以諸菩薩為元首。

Duy dĩ chư Bồ-tát vi phụ bật. dĩ chư Bồ-tát vi nguyên thủ.

Chỉ lấy sự giúp đỡ của Bồ-tát, lấy Bồ-tát làm nguyên thủ,

以諸菩薩為珍寶。以是故。

Dĩ chư Bồ-tát vi trân bảo. dĩ thị cố.

lấy Bồ-tát làm trân bảo. Vì thế,

其佛國諸菩薩充滿具足為佛境界。阿難。覺跡如來世界所有。

Kỳ Phật quốc chư Bồ-tát sung mãn cụ túc vi Phật cảnh giới. A-nan. giác tích như lai thế giới sở hữu.

cõi nước của đức Phật đó sung mãn đầy đủ cảnh giới làm Phật. A-nan! Thế giới Giác Tích Như Lai còn có

豐殖熾盛安隱快樂。菩薩輻湊周遍清淨。

Phong thực sí thịnh an ổn khoái lạc. Bồ-tát phúc thâu châu biến thanh tịnh.

đầy đủ sung sướng an ổn khoái lạc, Bồ-tát xe cộ sạch sẽ đậu khắp nơi

無不神通者也。以諸金剛為財物。

Vô bất Thần thông giả dã. dĩ chư Kim cương vi tài vật.

người có thần thông vậy. Lấy kim cương làm tài vật,

合會所聞無疑結。其會所聞皆精進行。以法意會皆勤力行。

Hợp hội sở văn văn vô nghi kết. kỳ hội sở văn giai tinh tấn hành. dĩ Pháp ý hội giai tinh cần lục hành.

hội họp lại mà không nghe tiếng, không nghi ngờ. Chỗ hội họp đó, nghe đều tinh tấn tu hành. Lấy pháp ý nhóm họp lại đều siêng năng tu hành,

勉修定意一切尊習。

miễn tu định ý nhất thiết tôn tập.

siêng năng tu thiền định, nhất thiết đều tập theo đức Thế Tôn,

諸惣持門積於智慧平等之要。彼有菩薩名神通華。

Chư 惣 trì môn tích ư trí tuệ bình đẳng chi yếu. bi hữu Bồ-tát danh Thần thông hoa.

giữ gìncốt yếu chứa nhóm trí tuệ bình đẳng. Cõi kia có Bồ-tát tên là Thần Thông Hoa

忽遷神命生閻浮提維耶離大城中。

Hốt Thiên Thần mạng sanh Diêm-phù-đề duy da ly Đại thành trung.

Bỗng nhiên mạng chung sanh vào trong đại thành Duy-na-ly

為師子主兵臣作子適生便結加趺坐。說此偈言。

Vì Sư-tử chủ binh Thần tác tử thích sanh tiện kết gia phu tọa. thuyết thù kệ ngôn.

sanh làm con của Sư Tử Chủ Binh Thần liền kết thêm phu tòa, nói kệ này rằng:

於釋釋中尊

善說上妙法

Ư thích thích trung tôn

Thiện thuyết thượng diệu Pháp

Ở Thích Thích Trung Tôn

Khéo nói pháp thượng diệu

度脫億億人

正覺為在不

Độ thoát ức ức nhân

Chánh giác vi tại bất

Độ thoát ức ức người

Chánh Giác tự tại chẳng

法意所隨起

其意不可得

Pháp ý sở tùy khởi

Kỳ ý bất khả đắc

Tâm pháp tùy chỗ khởi

Tâm đó không thể đắc

三界無與等

正覺為在不

Tam giới vô dữ đẳng

Chánh giác vi tại bất

Tam giới không cùng bậc

Chánh Giác tự tại chẳng

無世尊無色

於人無所比

Vô Thế Tôn vô sắc

Ư nhân vô sở bì

Thế Tôn cũng không sắc

Với người không thể sánh

無有與等者

明眼為在不

Vô hữu dữ đẳng giả

Minh nhãn vi tại bất

Không có người cùng bậc

Minh nhãn tự tại chẳng

精進度無極

一心禪三昧

Tinh tấn độ vô cực

Nhất tâm thiền tam muội

Tinh tấn độ vô cực

Nhất tâm thiền Tam Muội

智慧譬如海

正覺為在不

Trí tuệ thí như hải

Chánh giác vi tại bất

Trí tuệ giống như biển

Chánh Giác tự tại chẳng

於是覺跡如來化作天象童子。說偈言。

Ư thị giác tích Như-Lai hóa tác Thiên tượng Đồng Tử. thuyết kệ ngôn.

Lúc đó, Giác Tích Như Lai hóa làm Thiên Tượng Đồng Tử,

正覺住一劫

當復過是數

Chánh giác trụ nhất kiếp

Đương phục quá thị số

Chánh giác trụ một kiếp

Lại quá hơn số đó

正覺後故在

可住自娛樂

chánh giác hậu cố tại

Khả trụ tự ngu lạc

Sau khi Chánh Giác trụ

Tự mình rất vui thích

童子且習欲

是為大王家

Đồng Tử thả tập dục

Thị vi đại vương gia

Đồng Tử muốn tập quen

Làm Đại Vương gia đó

鼓樂絃清曲

簫成以自娛

Cổ lạc huyền thanh khúc

Tiêu thành dĩ tự ngu

Đánh nhạc kéo dây đàn

Thối ống tiêu tự vui.

爾時童子以天意想說偈。報覺跡如來言。

Nhĩ thời Đồng Tử dĩ Thiên ý tưởng thuyết kệ. báo giác tích Như-Lai ngôn.

Lúc bấy giờ, Đồng Tử dùng ý tưởng của loài trời mà nói kệ với Giác Tích Như Lai rằng:

其有隨欲者
Kỳ hữu tùy dục giả
Người chạy theo ham muốn
不了解正覺
Bất liễu giải chánh giác
Không hiểu rõ Chánh Giác
豬馬及駱駝
Tru mã cập lạc đà
Heo ngựa và lạc đà
是輩為習欲
Thị bối vi tập dục
Muốn học theo lũ đó
盲聾無所知
Manh lung vô sở tri
Mù điếc không biết chỗ
是輩為習欲
Thị bối vi tập dục
Muốn học theo lũ đó
飛蛾蜜蜂蠅
Phi nga mật phong dăng
Ngõng bay ong hút mật
是輩為習欲
Thị bối vi tập dục
Muốn học theo lũ đó
假使閻浮利
Giả sử diêm phù lợi
Giả sử lợi Diêm-phù
寧墮於其中
Ninh đọa ư kỳ trung
Thà đọa ở trong đó
樂欲以為上
Lạc dục dĩ vi thượng
Dục lạc là trên hết
其有稱譽欲
Kỳ hữu xưng dự dục
Có người ca ngợi dục
不以貪欲故
Bất dĩ tham dục cố
Cho nên chẳng tham muốn
佛化來問我
Phật hóa lai vấn ngã
Phật hóa đến hỏi ta
我從佛所聞
Ngã tòng Phật sở văn
Ta theo Phật để nghe
今日夜半時
Kim nhật dạ bán thời
Lúc nửa đêm ngày nay
我當往見佛
Ngã đương vãng kiến Phật
Ta sẽ đến gặp Phật
欲往可共俱
Dục vãng khả cộng câu
Có thể cùng nhau đến
覺跡天中天
Giác tích Thiên Trung Thiên

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

此人則為癡
Thử nhân tắc vi si
Người này tức là si
及佛之教誡
Cập Phật chi giáo giới
Lời răn dạy của Phật
狐狼之與驢
Hồ lang chi dữ lư
Chồn chó sói cùng lừa
非佛子所行
Phi Phật-Tử sở hạnh
Chẳng phải con Phật làm
瘖瘂不能言
Âm á bất năng ngôn
Câm ngọng không thể nói
非佛子所行
Phi Phật tử sở hạnh
Chẳng phải là con Phật
馬畜不自知
Mã súc bất tự tri
Nuôi ngựa không tự biết
非佛子所行
Phi Phật tử sở hạnh
Chẳng phải là Phật tử
合滿其中火
Hợp mãn kỳ trung hỏa
Hợp đủ trong lửa đó
不習於欲事
Bất tập ư dục sự
Không chạy theo dục lạc
於欲何足習
Ư dục hà túc tập
Đâu đáng để học ư
是為不知法
Thị vi bất tri pháp
Đó là chẳng biết pháp
彼蒙見識別
Bỉ mông kiến thức biệt
Kia mới biết phân biệt
我謂為是天
Ngã vị vi thị Thiên
Ta trả lời là trời
法王說如見
Pháp vương thuyết như kiến
Pháp Vương nói như thấy
世尊當泥洹
Thế Tôn đương nê hoàn
Thế Tôn nhập Niết-bàn
神通無起滅
Thần thông vô khởi diệt
Thần thông không sanh diệt
詣於尊泥洹
Ngộ ư tôn nê hoàn
Nơi Thế Tôn Niết-bàn
人中尊說爾
Nhân Trung Tôn thuyết nhĩ
Nhân Trung Tôn thuyết nhĩ

28

Tuequang Foundation

Giác Tích Thiên Trung Thiên

得善度無極
Đắc thiện độ vô cực
Khéo độ người vô cực
於百千劫中
Ư bách Thiên kiếp trung
Trong trăm ngàn ức kiếp
不如泥洹日
Bất như nê hoàn viết
Chẳng như nhập Niết-bàn
矜覆一切者
Cặng phúc nhất thiết giả
Che phủ hết tất cả
今佛當泥洹
Kim Phật đương nê hoàn
Nay Phật sẽ Niết-bàn
佛為一切眼
Phật vi nhất thiết nhãn
Phật nhìn hết tất cả
是世當更遇
Thị thế đương canh ngộ
Thế gian rồi sẽ gặp
醫王滅眾病
Y Vương diệt chúng bệnh
Y Vương chữa các bệnh
已無人中尊
Dĩ vô Nhân Trung Tôn
Không có Nhân Trung Tôn
能斷一切疑
Năng đoạn nhất thiết nghi
Đoạn nghi hết tất cả
是世狐疑者
Thị thế hồ nghi giả
Sẽ có người hồ nghi
佛除姪怒癡
Phật trừ dâm nộ si
Phật trừ nghi dâm nộ
是世當復值
Thị thế đương phục trị
Thế gian lại sẽ gặp
為一切所敬
Vi nhất thiết sở kính
Tất cả đều cung kính
今沒是樹間
Kim một thị thụ gian
Nay giữa cây tích diệt
四童品第三
Tứ đồng phẩm đệ tam
Bốn Đồng Tử phẩm thứ ba.

是時佛於師子床上右脇倚臥。

Thị thời Phật ư Sư-tử sàng thượng hữu hiệp ý ngọa。
Lúc đó, Phật nằm trên giường sư tử nghiêng mình về bên phải。

應時四方有四童子。以大功德而自莊嚴。

Ứng thời tứ phương hữu tứ Đồng Tử。dĩ Đại công đức nhi tự trang nghiê
Túc thời phương Tây có bốn Đồng Tử công đức to lớn tự trang nghiê

Nhân Trung Tôn nói vậy

以光導御人
Dĩ quang đạo ngự nhân
Đem ánh sáng dẫn người
所建功德事
Sở kiến công đức sự
Đã kiến lập công đức
世尊之所度
Thế Tôn chi sở độ
Chỗ Thế Tôn độ đó
是世為擁護
Thị thế vi ủng hộ
Được Thế Tôn ủng hộ
眾生復勤苦
Chúng sanh phục cần khổ
Chúng sanh lại rất khổ
今日當泥洹
Kim nhật đương Nê-hoàn
Ngày nay sẽ Niết-bàn
值於大闍冥
Trị ư đại ám minh
Gặp ở nơi tối tăm
今日當泥洹
Kim nhật đương Nê-hoàn
Ngày nay Phật Niết-bàn
世間甚勤苦
thế gian thậm cần khổ
Thế gian rất đau khổ
今日當泥洹
Kim nhật đương Nê-hoàn
Ngày nay Phật Niết-bàn
當復轉盛火
Đương phục chuyển thịnh hỏa
Lại chuyển thành lửa dữ
今日當泥洹
kim nhật đương nê hoàn
Ngày nay Phật Niết-bàn
三火之興熾
Tam hỏa chi hưng sí
Ba ngọn lửa thiêu đốt
天人所欽奉
Thiên Nhơn sở khâm phụng
Trời người quá khâm phục
眾庶永無見
Chúng thứ vĩnh vô kiến
Mãi mãi không còn thấy。

動為感應往詣佛所。此四童子所至郡國城郭縣邑。

Động vi cảm ứng vãng nghê Phật sở. thừ tứ Đồng Tử sở chí quận quốc thành quách huyện ấp.

động lòng cảm ứng đi đến chỗ Phật. Bốn Đồng Tử này đến chỗ thành ấp quận huyện
一切人民無遠無近。皆傾側瞻仰無不欣戴。

Nhất thiết nhân dân vô viễn vô cận. giai khuynh trắc chiêm ngưỡng vô bất hân ái.

tất cả nhân dân không xa không gần, trong chốc lát đều vui mừng chiêm ngưỡng
此四童子經行之時。上諸天眾從四方來。

Thừ tứ Đồng Tử kinh hành chi thời. thượng chu Thiên chúng tòng tứ phương lai.
Bốn Đồng Tử này lúc đi kinh hành trên các chu Thiên bốn phương đều đến.

雨於天華遍滿其地。於虛空中鼓億那術百千伎樂。

Vũ u Thiên hoa biến mãn kỳ địa. u hư không trung cổ úc Na-thuật bách Thiên kỳ nhạc.

Mưa ở trên trời hoa rơi xuống khắp nơi cõi đất đó. Ở trong hư không trăm ngàn úc Na-thuật tiếng trống tiếng nhạc trôi lên.

佛爾時於四面現四師子座。

Phật nhĩ thời u tứ diện hiện tứ sư tử tọa。

Lúc bấy giờ, bốn phía Phật hiện ra bốn tòa sư tử .

於時阿難見大變化在所色像。以偈問佛言。

Ư thời A-nan kiến đại biến hoá tại sở sắc tượng. dĩ kệ vấn Phật ngôn.

Lúc đó, A-nan thấy Phật biến hóa ra sắc tướng như vậy liền dùng kệ hỏi Phật rằng:

世間之光明

Thế gian chi quang minh

Ánh sáng của thế gian

右敷師子座

Hữu phu sư tử tọa

Bên phải tòa sư tử

世間之光明

Thế gian chi quang minh

Ánh sáng của thế gian

震動一切地

Chấn động nhất thiết địa

Tất cả đất chấn động

世間之光明

Thế gian chi quang minh

Ánh sáng của thế gian

四童子之來

Tứ Đồng Tử chi lai

Bốn Đồng Tử lại đến

世間之光明

Thế gian chi quang minh

Ánh sáng của thế gian

譬如夜半時

Thí như dạ bán thời

Thí như lúc nửa đêm

世間之光明

Thế gian chi quang minh

Ánh sáng của thế gian

人物一切動

Nhân vật nhất thiết động

Động tất cả người vật

世間之光明

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

誰於是四方

thùy u thị tứ phương

Ai ở bốn phương đó.

願尊為我說

Nguyện tôn vi ngã thuyết

Thế Tôn vì con nói

誰於是四面

Thùy u thị tứ diện

Ai ở bốn phía đó

名山及大海

Danh sơn cập đại hải

Núi non và biển cả

誰於是四方

Thùy u thị tứ phương

Ai ở bốn phương đó

為僧那大鎧

Vi tăng na Đại khải

Làm tăng na đại khải

誰於是四面

Thùy u thị tứ diện

Ai ở bốn phía đó.

月出奮其耀

Nguyệt xuất phần kỳ diệu

Trăng vằng vặc chiếu soi

誰於是四方

Thùy u thị tứ phương

Ai ở bốn phương đó

江河水波蕩

Giang hà thủy ba đãng

Sóng vỗ nước sông ngòi

誰於是四面

Thế gian chi quang minh
Ánh sáng của thế gian

一切之音聲

Nhất thiết chi âm thanh
Tất cả âm thanh đó

世間之光明

Thế gian chi quang minh
Ánh sáng của thế gian

譬如日月住

Thí như nhật nguyệt trụ
Thí như nhật nguyệt trụ

佛告阿難。汝寧見四方四童來不。

Phật cáo A-nan. nhữ ninh kiến tứ phương tứ đồng lai bất.

Phật bảo với A-nan: Ông có thấy bốn Đồng Tử từ bốn phương đến không?

其威德光類面貌殊妙。神明炤耀端正無量。

Kỳ uy đức quang loại diện mạo thù diệu. thần minh chiếu diệu đoan chánh vô lượng.

Mặc mà sáng sủa, đẹp đẽ, oai đức thù thắng, thần minh chiếu soi đoan chánh vô lượng,

其行具足有四種梵音。入深施義有愧吉祥。

Kỳ hành cụ túc hữu tứ chủng Phạm Âm. nhập thâm thí nghĩa hữu quý cát tường.

đầy đủ đức hạnh có bốn loại phạm âm, thâm nhập nghĩa bố thí, có sự tốt lành quý báu,

常自羞慚以自勉成。其所至到輒度人民。

Thường tự tu tâm dĩ tự miễn thành. kỳ sở chí đáo triếp độ nhân dân.

thường tự biết hổ thẹn, tự mình cố gắng mà thành, đi đến chỗ đó mà nhiếp độ dân chúng,

有智黠眼有威神德。有布施戒忍精進一智慧。

Hữu trí hiệt nhãn hữu uy Thần đức. hữu bố thí giới nhẫn tinh tấn nhất tâm trí tuệ.

có trí sáng suốt, có đầy đủ oai thần, có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ

神通諸度無極。皆起一切戒善法義。譬如優曇鉢華。

Thần thông chư độ vô cực. giai khởi nhất thiết giới thiện pháp nghĩa. thí như ưu đàm bát hoa.

có các thần thông độ vô số, đều nói tất cả thiện giới pháp nghĩa. Thí như hoa Ưu-đàm-bát

億那術百千劫難值難見。

Úc Na-thuật bách Thiên kiếp nan trị nan kiến.

Trăm ngàn ức Na-thuật kiếp khó gặp khó thấy

奉行無數諸佛之行。於無量億那術百千佛所殖諸德本。

Phụng hành vô số chư Phật chi hành. ư vô lượng ức Na-thuật bách Thiên Phật sở thực chư đức bản.

phụng hành vô số các việc làm của Phật. Ở trong trăm ngàn ức Na-thuật chỗ Phật trồng các cội rễ đạo đức,

各從四方諸異佛剎天中所來生。

Các tông tứ phương chư dị Phật sát Thiên trung sở lai sanh.

đều từ bốn phương các cội Phật khác, trong cội trời đến sanh.

此閻浮提聞我身當般泥洹。欲見我般泥洹。

Thử Diêm-phù-đề văn ngã thân đương bát nê hoàn. dục kiến ngã bát nê hoàn.

Cõi Diêm-phù-đề này nghe thân ta sẽ Niết-bàn, muốn thấy ta nhập Niết-bàn

今日夜半如來當於力士所生地般泥洹。

Thùy ư thị tứ diện

Ai ở bốn phía đó

皆隨四童後

Giai tùy tứ đồng hậu
Đều theo bốn Đồng Tử

誰與天神俱

Thùy dĩ Thiên thần câu
Ai đều là Thiên thần

在於虛空中

Tại ư hư không trung
Ở trong hư không đó

Kim nhật dạ bán Như-Lai đương ư lục sĩ sở sanh địa bát nê hoàn.
Ngày nay lúc nửa đêm Như Lai sẽ ở nơi chỗ Lục Sĩ sanh nhập Niết-bàn.

定般泥洹佛告阿難。見此童子從東方來者不乎。

Định Bát-nê-hoàn Phật cáo A-nan. kiến tử Đông Tử tòng Đông phương lai giả bất hồ.

Phật nói với A-nan, nhất định Ta nhập Niết-bàn. Thấy các Đông Tử này có phải từ phương Đông đến phải chăng?

姿顏溫雅光色閑妙。

Tu nhan ôn nhã quang sắc nhàn diệu.

Dung mạo đẹp để hòa nhã, sắc tướng khôi ngô,

與無數億那術百千之眾眷屬圍繞。為億天所供養天華伎樂。

Dữ vô số ức Na-thuật bách Thiên chi chúng quyến chúc vây quanh. vi ức Thiên sở cung dưỡng Thiên hoa kỹ nhạc.

cùng vô số trăm ngàn ức Na-thuật quyến thuộc vây quanh, được ức chư Thiên cúng dường hoa trời và kỹ nhạc,

來詣如來者。阿難。此童子於師子嚮作如來國來。

Lai nghệ Như-Lai giả. A-nan. tử Đông Tử ư Sư-tử hướng tác Như-Lai quốc lai.

lại đến Như Lai. A-nan! Bốn Đông Tử này, ở nơi Sư Tử Hướng Tác Như Lai Như-Lai. đến,

常於彼國作轉輪王與主千世界。

Thường ư bỉ quốc tác chuyển luân Vương dữ chủ Thiên thế giới.

thường ở nước đó làm chuyển luân thánh vương và làm chủ ngàn thế giới,

為一切天人講說法事。以神通慧聖賢之智。

Vi nhất thiết Thiên Nhơn giảng thuyết Pháp sự. dĩ Thần thông tuệ Thánh hiền chi trí.

vì hết thầy trời người giảng thuyết pháp sự, đem thần thông trí tuệ của thánh hiền

往來周旋曾無斷絕。治國積十八億歲。

Vãng lai châu toàn tăng vô đoạn tuyệt. trị quốc tích thập bát ức tuế.

đi lại khắp nơi không thiếu chỗ nào. Trị nước tám mươi ức năm

十八億歲中教授十八億那術菩薩。

Ư thập bát ức tuế trung giáo thọ thập bát ức Na-thuật Bồ-tát.

trong tám mươi ức năm làm giáo thọ, tám mươi ức Na-thuật Bồ-tát

令始發意立無所從生法忍。應時捨家行學。

Lệnh thủy phát ý lập vô sở tòng sanh Pháp nhẫn. ứng thời xả gia hành học.

khiến từ lúc đầu đã phát tâm lập Vô Sanh Pháp Nhẫn. Tức thời, bỏ nhà cửa, bỏ học hành,

八十一億歲常修梵清淨之行。八十一億歲未曾知坐。

Bát thập nhất ức tuế thường tu phạm thanh tịnh chi hạnh. bát thập nhất ức tuế vị tăng tri tọa.

tám mươi một ức năm tu phạm hạnh thanh tịnh, tám mươi một ức năm chưa từng ngồi,

八十一億歲未曾睡臥。未曾念欲未曾念靜說。

Bát thập nhất ức tuế vị tăng thủy ngọa. vị tăng niệm dục vị tăng niệm tránh thuyết.

tám mươi một ức năm chưa từng nằm ngủ, chưa từng nhớ nghĩ đến dục lạc, chưa từng nghĩ đến sự tranh cãi

未曾念毀害。亦無欲想亦無事想無毀害想。

Vị tăng niệm hủy hại. diệc vô dục tưởng diệc vô sự tưởng vô hủy hại tưởng.

chưa từng nhớ nghĩ đến hủy hoại, cũng không tưởng nhớ đến ham muốn, cũng không tưởng nhớ đến việc làm, cũng không tưởng nhớ đến hủy hoại

亦無地水火風想。亦無說想亦無虛空想。

Diệc vô địa thủy hỏa phong tướng. diệc vô thuyết tướng diệc vô hư không tướng.
Cũng không tưởng nhớ đến đất nước gió lửa, cũng không tưởng nhớ đến nói năng,
cũng không tưởng nhớ đến hư không,
亦無男子想亦無女人想。亦無飢想亦無渴想。

Diệc vô nam tử tướng diệc vô nữ nhân tướng. diệc vô cơ tướng diệc vô khát tướng.

cũng không tưởng nhớ đến con trai, cũng không nhớ đến con gái, cũng không tưởng nhớ đến đói no, cũng không tưởng nhớ đến đói khát,
亦無樹想亦無我想亦無我人想。亦無城郭想。

Diệc vô thụ tướng diệc vô ngã tướng diệc vô ngã nhân tướng. diệc vô thành quách tướng.

cũng không tưởng nhớ đến cây cối, cũng không tưởng nhớ đến ta, cũng không tưởng nhớ đến ta người và ta, cũng không tưởng nhớ đến thành quách

亦無起滅想。所以者何。

Diệc vô khởi diệt tướng. sở dĩ giả hà.

cũng không tưởng nhớ đến sanh diệt. Tại vì sao?

是菩薩大士得滅諸想三昧空無相無願。得無起行三昧無滅三昧。

Thị Bồ-tát Đại sĩ đắc diệt chư tướng tam muội không vô tướng vô nguyện. đắc vô khởi hành tam muội vô diệt tam muội.

Tại vì Bồ-tát Đại Sĩ đã diệt hết các vọng tưởng, đắc được Tam Muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, đắc được Vô Khởi Hành Tam Muội, Vô Diệt Hành Tam Muội, thị Bồ
得一切菩薩三昧。得越一切陀隣尼門三昧。

Đắc nhất thiết Bồ-tát tam muội. đắc việc nhất thiết đà lân ni môn tam muội.

đắc được Nhất Thiết Bồ-Tát Tam Muội, đắc được Nhất Thiết Đà La Ni Tam Muội

皆得一切善權方便。得神通智慧度無極。

Giai đắc nhất thiết thiện quyền phương tiện. đắc Thần thông trí tuệ độ vô cực.
đều đắc được hết thầy khéo dùng phương tiện, đắc được thần thông trí tuệ độ vô số,

得一切菩薩大慈哀行。於一切世界轉法輪。

Đắc nhất thiết Bồ-tát Đại từ ai hành. ư nhất thiết thế giới chuyển Pháp luân.
đắc được hết thầy hạnh từ bi của Bồ-tát, ở trong tất cả thế giới chuyển pháp luân

立一切人於無上正真道所。願轉於不退轉法輪。

Lập nhất thiết nhân ư vô thượng chánh chân đạo sở. nguyện chuyển ư bất thối chuyển Pháp luân.

cho hết thầy mọi người ở trong Vô Thượng Chánh Chân, nguyện chuyển pháp luân Bất Thối Chuyển.

如是於一切有大哀令一切安隱。

Như thị ư nhất thiết hữu Đại ai lệnh nhất thiết an ổn.

Như vậy đối với tất cả chúng sanh đều có lòng đại từ bi khiến cho hết thầy đều
童子之德無數具足如是。為復精進更行上二法。何等為二。

Đồng Tử chi đức vô số cụ túc như thị. vi phục tinh tấn canh hành thượng nhị Pháp. hà đẳng vi nhị.

Đức của Đồng Tử đầy đủ vô số như vậy, lại tinh tấn thực hành hai pháp trên. Sao gọi là hai?

離於肉眼行彼亦無離行。

Lý ư nhục nhãn hành bỉ 亦無離行。

Lìa xa nhục nhãn thực hành pháp kia cũng không lìa thực hành kia.

說於法會行亦無說之想。如是之比曾無雜言。但詠菩薩法品。

Thuyết ư Pháp hội hành 亦無說之想. 如是之比曾無雜言. 但詠菩薩法品.
Thuyết ư Pháp hội hành diệc vô thuyết chi tướng. như thị chi bi tăng vô tạp ngôn. đản vịnh Bồ-tát Pháp phẩm.

Ở trong hội chúng nói pháp cũng không tưởng nhớ đến việc nói pháp. Như vậy so sánh chưa từng nói bậy. Chỉ nói pháp của Bồ-tát

於八十億歲教授八十億那術菩薩。

Ư bát thập ức tuế giáo thọ bát thập ức Na-thuật Bồ-tát。

Ở trong tám mươi ức năm làm giáo thọ tám mươi ức Na-thuật Bồ-tát,

立於無上正真道。皆始發意悉立於不起法忍。

Lập u vô thượng chánh chân đạo. giai thủy phát ý tất lập u bất khởi Pháp nhẫn. lập được Vô Thượng Chánh Chân Đạo. Đều bắt đầu phát tâm lập nguyện đối với Vô Sanh Pháp Nhẫn.

應時八十一億那術菩薩。

Ứng thời bát thập nhất ức Na-thuật Bồ-tát。

Túc thời tám mươi ức Na-thuật-bồ-tát

各各去至他方佛國中天所。

Các các khứ chí tha phương Phật quốc Thiên trung Thiên sở。

mỗi mỗi đi đến chỗ Thiên Trung Thiên cõi nước khác.

是諸佛一等以今日夜半同時於師子床上右脇倚臥。是諸世尊皆名釋迦文。

Thị chư Phật nhất đẳng dĩ kim nhật dạ bán đồng thời u Su-tử sàng thượng hữu hiệp

ý ngọa. thị chư Thế tôn giai danh Thích Ca văn。

Các chư Phật đó nửa đêm ngày nay đồng thời nằm nghiêng về bên phải trên giường su tử.

皆於五濁惡世作佛。是諸佛天中天。

Giai u ngũ trược ác thế tác Phật. thị chư Phật Thiên trung Thiên。

đều ở trong năm đời ác trược làm Phật. Các vị Phật đó,

今日中夜皆於力士生地雙樹間當般泥洹。阿難。

Kim nhật trung dạ giai u lực sĩ sanh địa song thụ gian đương bát nê hoàn. A-nan。

nửa đêm ngày nay đều ở nơi Lực Sĩ giữa hai cây song thọ sẽ nhập Niết-bàn. A-nan!

如來皆知皆見不以肉眼見也。復過見無央數。

Như-Lai giai tri giai kiến bất dĩ nhục nhãn kiến dã. phục quá kiến vô ương số。

Như Lai đều biết đều thấy chẳng do nhục nhãn mà thấy. Lại còn thấy quá hơn vô ương số,

不啻一切弟子緣覺所不及也。阿難。

Bất thí nhất thiết đệ-tử duyên giác sở bất cập dã. A-nan。

chẳng những tất cả đệ tử Duyên Giác cũng không sánh kịp. A-nan!

若比丘比丘尼清信士清信女。

Nhược Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni thanh tín sĩ thanh tín nữ。

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh Tín sĩ, Thanh Tín nữ

天龍鬼神提沓和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒人非人。

Thiên Long quý Thân Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la Chân-đà-la Ma-hầu-lặc nhân phi nhân。

rồng, trời, quỷ thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la,

Khân-na-la, Ma-hầu-la-lặc, nhân và phi nhân

其有聞是經法歡喜信一發意頃。

Kỳ hữu văn thị Kinh Pháp hoan hỷ tín nhất phát ý khoảnh。

có nghe kinh pháp hoan hỷ tín thọ phát tâm trong khoảnh khắc

勝於供養那術佛終竟那術劫也。阿難。此童子其智慧意如是。

thắng u cung dưỡng Na-thuật Phật chung cánh Na-thuật kiếp dã. A-nan. tử Đồng Tử

kỳ trí tuệ ý như thị。

còn hơn cúng dường Na-thuật Phật, trọn Na-thuật kiếp. A-nan! Đồng Tử này trí tuệ như vậy.

今日於我法中。一夜所開度蠕動之類。

Kim nhật u ngã Pháp trung. nhất dạ sở khai độ nhuyển động chi loại。

Ngày nay ở trong pháp của Ta, một đêm khai mở độ các loài nhuyển động,
勝舍利弗及一切弟子從本已來所教授。

Thắng Xá lợi Phát cập nhất thiết độ-từ tông bốn dĩ lai sở giáo thọ.
hơn Xá-lợi-phát và tất cả từ xưa đã đến làm giáo thọ.

若一劫壽說法所不能及也。此童子所度人民功德無量乃如是。

Nhược nhất kiếp thọ thuyết Pháp sở bất năng cập dã. thử Đồng Tử sở độ nhân dân
công đức vô lượng nãi như thị.

Nếu một kiếp thuyết pháp không thể sánh vậy. Bốn Đồng Tử này, đã độ nhân dân
công đức vô lượng như vậy.

佛告阿難。寧見。此童子從南方來者不乎。

Phật cáo A-nan. ninh kiến. thử Đồng Tử tông Nam phương lai giả bất hồ.

Phật nói với A-Nan. Có lẽ Ta thấy bốn Đồng Tử này từ phương Nam đến phải không?

譬如夏日之光照於水中。如月盛滿有盛明也。

Thí như hạ nhật chi quang chiếu ư thủy trung. như nguyệt thịnh mãn hữu thịnh
minh dã.

Thí như mùa hạ mặt trời chiếu ánh sáng xuống ở trong nước. Như ngày đêm rằm đầy
đủ ánh sáng.

如持寶杖捶地已出大音。

Như trì bảo trượng chúy địa dĩ xuất Đại âm.

như cầm trích trượng quý báu thả xuống đất phát ra tiếng kêu lớn.

譬如良工作金銀鉢。其形圓好無有瑕穢。

Thí như lương công tác kim ngân bát. kỳ hình viên hảo vô hữu hà uế.

Thí người thợ khéo tay làm ra cái bát bằng kim ngân. Hình dáng tròn trịa đẹp
để không có sứt mẻ chỗ nào.

已離於垢出五品具足音。十品因緣音。離六十二塵音。

Dĩ ly ư cấu xuất ngũ phẩm cụ túc âm. thập phẩm nhân duyên âm. ly lục thập nhị
trần âm.

đã bỏ các loại nhơ nhớp, phát ra năm loại cụ túc âm, mười loại nhân duyên âm,
lìa xa sáu mươi hai trần âm,

百一品具足音。五十種具足音。十品手具足音。

Bách nhất phẩm cụ túc âm. ngũ thập chủng cụ túc âm. thập phẩm thủ cụ túc âm.
một trăm cụ túc âm, năm mươi loại cụ túc âm, mười loại thủ cụ túc âm,

十品眼清淨音。奉行十六善音。八部具足音。

Thập phẩm nhãn thanh tịnh âm. phụng hành thập lục Thiện Âm. bát bộ cụ túc âm.
mười loại âm thanh, phụng hành sáu mươi âm thanh

十二事具足音。千品金銀清淨音。所信所生輒勝音。

Thập nhị sự cụ túc âm. Thiên phẩm kim ngân thanh tịnh âm. sở tín sở sanh triếp
thắng âm.

hai mươi sự cụ túc âm, ngàn loại kim ngân thanh tịnh âm, sở tín sở sanh nhiếp
thắng âm,

寂生金色音。離一切諸瑕音。以香作成音。

Tịch sanh kim sắc âm. ly nhất thiết chư hà âm. dĩ hương tác thành âm.
tịch sanh kim sắc âm, li nhất thiết chư hà âm, dĩ hương tác thành âm,

所作廣生音。六品男子清淨微妙音。

Sở tác quảng sanh âm. lục phẩm nam tử thanh tịnh vi Diệu-Âm.

sở tác quảng sanh âm, sáu loại nam nữ thanh tịnh vi diệu âm,

其種具足音。五億柔軟音。有安隱想除勤苦音。

Kỳ chủng cụ túc âm. ngũ ức nhu nhuyển âm. hữu an ổn tưởng trừ cần khổ âm.

Kỳ chủng cụ túc âm, năm ức nhu nhuyển âm, hữu an ổn tưởng trừ vi cần khổ âm,
念如來如歡喜想音。降伏魔力音。壞見罔音。

Niệm Như-Lai như hoan hỷ tưởng âm. hàng phục ma lực âm. hoại kiến vọng âm.

niệm Như Lai hoan hỷ tưởng âm, hàng phục ma lực âm, hoại kiến vọng âm,

滅諸塵勞音。有踊躍於佛想音。安隱無生想音。

Diệt chu trần lao âm. hữu dũng dược ư Phật tưởng âm. an ẩn vô sanh tưởng âm.
diệt chu trần lao âm, hữu dũng dược ư Phật tưởng âm, an ẩn vô sanh tưởng âm,
不退轉法輪音。安隱寂音覺音。

Bất thối chuyển pháp luân âm. an ổn tịch âm giác âm.
bất thối chuyển pháp luân âm, an ổn tịch âm giác âm,
一心法門三昧三摩越音。十力無畏音。大慈大哀音。

Nhất tâm Pháp môn tam muội tam ma viết âm. thập lực vô úy âm. Đại từ Đại ai âm.
nhất tâm pháp môn Tam Muội tam ma diệt âm, mười lực vô úy âm, đại từ đại ai âm,
出十嚮音。寶杖捶地出是鞞聲。阿難。

Xuất thập hướng âm. bảo trượng chúy địa xuất thị bồi thanh. A-nan.
xuất thập hướng âm. Ném khiên chùy quý báu xuống đất phát ra các loại âm thanh
như vậy. A-nan!

南方去是五十萬佛國有佛。

Nam phương khứ thị ngũ thập vạn Phật quốc hữu Phật.
Phương nam cách đây năm mươi vạn cõi Phật có một vị Phật
名寶積示現如來無所著等正覺。今現在說法。其世界名寶種。

Danh Bảo Tích thị hiện Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác. kim hiện tại thuyết
Pháp. kỳ thế giới danh bảo chủng.
tên là Bảo Tích Thị Hiện Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Hiện nay đang nói
pháp. Thế giới đó tên là Bảo Chủng

彼世界所以名寶種。其國無眾邪異道。

Bỉ thế giới sở dĩ danh bảo chủng. kỳ quốc vô chúng tà dị đạo.
Thế giới đó, vì sao gọi là Bảo Chủng? Vì cõi nước đó không có các đạo tà khác.
皆審發無上正真道真人國也。其國不聞穢濁塵勞之名也。

Giai thẩm phát vô thượng chánh chân đạo chân nhân quốc dã. kỳ quốc bất văn ược
trược trần lao chi danh dã.
Người nước đó chân thật đều phát tâm Vô Thượng Chánh Chân Đạo. Cõi nước đó không
nghe tên ược trần lao.

亦不聞三念名謂姪怒癡念也。亦無男女想。

Diệc bất văn tam niệm danh vị dâm nộ si niệm dã. diệc vô nam nữ tưởng.
cũng chẳng nghe nghĩ nhớ ba tên dâm dục, sân giận, ngu si. Cũng không có nghĩ
nhớ đến người nữ người nam.

所以者何。皆修清淨梵行。

Sở dĩ giả hà. giai tu thanh tịnh phạm hành.
Tại vì sao? Vì người cõi đó phạm hạnh thanh tịnh.

彼國不以揣食養身。其人唯有二食。何等為二。

Bỉ quốc bất dĩ sùu thực dưỡng thân. kỳ nhân duy hữu nhị thực. hà đẳng vi nhị.
Cõi nước đó không cần ăn uống để nuôi thân. Người nước đó chỉ có hai loại thức
ăn.

樂歡喜說一切智以為食。彼亦無說二事弟子緣覺乘也。

Lạc hoan hỷ thuyết nhất thiết trí dĩ vi thực. bỉ diệc vô thuyết nhị sự đệ-tử
duyên giác thừa dã.

Một là, vui vẻ hoan hỷ nói tất cả trí dùng làm thức ăn, hai là người cõi nước
kia không nói hai việc đệ tử và Duyên Giác thừa vậy.

但說一切智事。如是專行一行菩薩法品。

Đãn thuyết nhất thiết trí sự. như thị chuyên hành nhất hành Bồ-tát Pháp phẩm.
Chỉ nói tất cả các loại trí. Như vậy chuyên hành Nhất Hạnh Bồ-tát pháp phẩm
天人亦諷誦此事。阿難。彼世界以是名寶種。

Thiên Nhơn diệc phúng tụng thử sự. A-nan. bỉ thế giới dĩ thị danh bảo chủng.
Trời người cũng phúng tụng việc đó. A-nan! Vì lý do đó thế giới đó tên là Bảo
Chủng.

若他方世界菩薩生彼佛國者。

Nhược tha phương thế giới Bồ-tát sanh bi Phật quốc giả.

Nếu có Bồ-tát sanh ở thế giới khác, cõi nước Phật kia,

適生即立不退轉地及無上正真道。見無央數那術菩薩。

Thích sanh tức lập bất thối chuyển địa cấp vô thượng chánh chân đạo. kiến vô ương số Na-thuật Bồ-tát.

liền sanh Bất Thối Chuyển Địa và Vô Thượng Chánh Chân Đạo, thấy vô ương số Na-thuật Bồ-tát

說如來一切事。廣議菩薩法句。適生一切佛國。

Thuyết Như-Lai nhất thiết sự. quảng nghị Bồ-tát Pháp cú. thích sanh nhất thiết Phật quốc.

nói hết thầy việc của Như Lai, câu pháp rộng bàn của Bồ-tát, liền sanh hết thầy các cõi Phật.

皆聞今日某菩薩生此佛國。阿難。

Giai văn kim nhật mỗ Bồ-tát sanh thử Phật quốc. A-nan.

Ngày nay đều nghe Bồ-tát sanh ở cõi nước Phật này. A-nan!

我若一劫億那術劫。

Ngã nhược nhất kiếp úc Na-thuật kiếp.

Nếu Ta một kiếp úc Na-thuật kiếp

說寶種世界一人所行功德尚未竟。亦不可以喻說盡也。

thuyết bảo chủng thế giới nhất nhất nhân sở hạnh công đức thượng vị cánh. diệc bất khả dĩ dụ thuyết tận dã.

nói về thế giới mỗi mỗi việc làm của người công đức còn chưa hết, cũng không thể thí dụ cho hết vậy.

我但粗略為汝說寶種世界之德耳。喜信淨菩薩於彼神變。

Ngã đãn thô lược vi nhữ thuyết bảo chủng thế giới chi đức nhĩ. hỷ tín tịnh Bồ-tát ư bi Thần biến.

Ta chỉ vì ông mà nói sơ lược công đức của thế giới Bảo Chủng vậy. Vị Bồ-Tát Hỷ Tín Tịnh ở cõi thần biến kia

生閻浮提土。欲見我般泥洹時。

sanh Diêm-phù-đề độ. dục kiến ngã bát nê hoàn thời.

sanh Diêm-phù-đề, muốn thấy Ta nhập Niết-bàn,

亦欲歎其本國功德。宣彼佛之名字。為諸求菩薩道者。

Diệc dục thán kỳ bản quốc công đức. tuyên bi Phật chi danh tự. vi chu cầu Bồ-tát đạo giả.

cũng muốn khen ngợi công đức của bản quốc kia, nói về tên gọi của đức Phật kia vì cầu đạo Bồ-tát

故來自觀意無想也。阿難。是喜信淨菩薩。

Cố lai tự quán ý vô tưởng dã. A-nan. thị hỷ tín tịnh Bồ-tát.

Cho nên tự mình quán sát tâm ý không còn vọng tưởng. A-nan! Hỷ Tín Tịnh Bồ-tát đó,

本行菩薩道時。於提桓竭如來世時。

Bản hành Bồ-tát đạo thời. ư đề hoàn kiệt như lai thế thời.

khí xưa hành đạo Bồ-tát, lúc Như Lai ở Đề-hoàn-kiệt chưa xuất gia

轉輪聖王名祇世多。從日出至早食時。

Chuyển luân Thánh Vương danh kì thế đa. tòng nhật xuất chí tảo thực thời.

Chuyển luân Thánh Vương tên Kì Thế Đa. Ban ngày sáng sớm ra khỏi thành đi khát thực

授教開度三十六億菩薩。皆令發意立不起法忍。

Thọ giáo khai độ tam thập lục úc Bồ-tát. giai lệnh phát ý lập bắt khởi Pháp nhãn.

thọ giáo khai mở độ cho ba mươi sáu úc Bồ-tát, đều khiến phát tâm chứng Vô Sanh Pháp Nhãn.

提桓竭般泥曰已後。出下鬚髮具足。

Đề Hoàn Kiệt Bát-Nê-hoàn dĩ hậu. xuất hạ tu phát cụ túc.

Sau khi nhập Niết-bàn tại Đề-hoàn-kiệt tóc mọc ra đầy đủ,

千歲中轉法輪度無數人。然後日欲入時開導具足。

Thiên tuế trung chuyển Pháp luân độ vô số nhân. nhiên hậu nhật dục nhập thời khai đạo cụ túc.

trong ngàn năm chuyển pháp luân độ vô số người. Vậy ngày sau muốn khai mở dẫn dắt đầy đủ

六十億菩薩令初發意立不起法忍。

Lục thập úc Bồ-tát lệnh sơ phát ý lập bắt khởi Pháp nhãn.

sáu mươi úc Bồ-Tát khiến mới phát tâm chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn.

應時令七十那術人漏盡意解。阿難。般泥洹經所益義如是。

Ứng thời lệnh thất thập Na-thuật nhân lậu tận ý giải. A-nan. bát nê hoàn Kinh sở ích nghĩa như thị.

Túc thời khiến bảy mươi Na-thuật người giải thoát lậu tận. A-nan! Kinh Niết-bàn nghĩa lý lợi ích như vậy.

我若為汝說喜信淨菩薩之功德。那術劫尚未竟也。

Ngã nhược vi nhữ thuyết hí tín tịnh Bồ-tát chi công đức. Na-thuật kiếp thượng vị cánh dã.

Nếu Ta vì ông nói về công đức của Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh, Na-thuật kiếp còn chưa hết.

汝為喜信淨菩薩於我前敷座。所以者何。

Nhữ vi hí tín tịnh Bồ-tát ư ngã tiền phu tọa. sở dĩ giả hà.

Ông vì Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh ở trước chỗ ngồi của Ta. Tại vì sao?

此童子行道已久心不罷厭。

Thử Đồng Tử hành đạo dĩ cửu tâm bất bãi yếm.

Tại vì bốn Đồng Tử này hành đạo đã lâu mà tâm không chán nản.

其有聞喜淨信菩薩名。歡喜者如值佛世。

Kỳ hữu văn hí tín tịnh tín Bồ-tát danh. hoan hí giả như trị Phật thế.

Người nào có nghe tên Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh đó, hoan hỷ như gặp Phật ở đời

何況面自見踊躍者。阿難。其有比丘比丘尼清信士清信女。

Hà huống diện tự kiến dũng dục giả. A-nan. kỳ hữu Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni thanh tín sĩ thanh tín nữ.

huống gì tự mình thấy mặt mà không nhảy nhót sao. A-nan! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thanh tín nam, thanh tín nữ,

天龍鬼神捷沓和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒

Thiên Long quý Thân Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la Chân-đà-la Ma-hầu-lặc

Rồng, Trời, Quý Thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc,

人非人。聞是經能一發意頂戴歡喜。

Nhân phi nhân. văn thị Kinh năng nhất phát ý đỉnh đai hoan hí.

người và không phải người, nghe kinh đó có thể phát tâm hoan hỷ đội đầu

如來皆見是輩。吾預記是等。

Như Lai giai kiến thị bối. ngô dự kí thị đẳng.

Như Lai đều thấy những người đó, ta thọ ký cho những người đó

皆當見寶種示現如來。及寶種世界諸菩薩。阿難。

giai đương kiến bảo chúng thị hiện Như-Lai. cập bảo chúng thế giới chư Bồ-tát. A-nan.

Bảo Chúng Thị Hiện Như Lai và các vị Bồ-tát của thế giới Bảo Chúng. A-nan!

默持是經勿妄輕傳。所以者何。閻浮提人未曾聞是經。

Mặc trì thị Kinh vật vọng khinh truyện. sở dĩ giả hà. Diêm-phù-đề nhân vị tăng văn thị Kinh.

Im lặng mà thọ trì kinh đó, chớ vọng tâm xem nhẹ. Tại vì sao? Tại vì người cõi Diêm-phù-đề chưa từng nghe kinh đó,

未暢菩薩無限之法故也。

vị sướng Bồ-tát vô hạn chi pháp cố dã

chưa từng xướng lên pháp vô hạn của Bồ-tát.

佛告阿難。寧見此童子從西方來者不乎。

Phật cáo A-nan. ninh kiến thử Đồng Tử tòng Tây phương lai giả bất hồ.

Phật bảo với A-nan. Có lẽ bốn Đồng Tử này từ phương Tây đến phải không?

舞其兩足叵俄其身。地為二反大震動。

Vũ kỳ lưỡng túc phá nga kỳ thân. địa vi nhị phản đại chấn động.

Hai chân của bốn Đồng Tử đó trong chốc lát không thể múa như thân của Ta.

Đất bị hai lần trở lại chấn động lớn,

見者肅然衣毛為豎。降伏一切眾邪外道。

Kiến giả túc nhiên y mao vi thọ. hàng phục nhất thiết chúng tà ngoại đạo.

người thấy cung kính áo lông dựng ngược, hàng phục hết thầy tà ma ngoại đạo,

盡却一切諸魔官屬。壞諸往見。令一切安除諸勤苦。

Tận khước nhất thiết chư ma quan chúc. hoại chư vãng kiến. lệnh nhất thiết an trừ chư tinh cần khổ.

trừ diệt hết thầy các quyền thuộc của ma, hoại hết cái thấy trước, khiến hết thầy an ổn diệt trừ các khổ đau.

令一切歡喜。消諸地獄餓鬼畜生。

Lệnh nhất thiết hoan hỷ. tiêu chư Địa-ngục ngã quỷ súc sanh.

khiến tất cả đều hoan hỷ, không còn các con đường địa ngục, ngã quỷ, súc sanh độ脫一切令歸善道。以大音救濟眾生。

Độ thoát nhất thiết lệnh quy thiện đạo. dĩ Đại âm cứu tế chúng sanh.

độ thoát hết thầy chúng sanh khiến quay về con đường lành, đem âm thanh lớn cứu giúp chúng sanh.

又見西方大香交露帳來不。唯然天中天。已見。阿難。

Hựu kiến Tây phương đại hương giao lộ trướng lai bất. duy nhiên Thiên trung Thiên. dĩ kiến. A-nan.

Lại thấy ở phương Tây mùi hương tỏa ra thơm tho, màn trướng căng lên, chỉ có Thiên Trung Thiên thấy thôi. A-nan!

從西方來香交露者。是謂導御一切菩薩之香也。

Tòng Tây phương lai hương giao lộ giả. thị vị đạo ngự nhất thiết Bồ-tát chi hương dã.

Từ phương Tây hương thơm tỏa ra bay đến, đó là mùi thơm của Bồ-tát Đạo Ngự Nhất Thiết.

汝豈復聞西方有大音聲出不。

Nhữ khởi phục văn Tây phương hữu Đại âm thanh xuất bất.

Ông có nghe ở phương Tây có tiếng phát ra không?

空聲光明聲寂定聲佛聲唯天中天。已聞。阿難。

Không thanh光明聲寂定聲佛聲唯天中天. dĩ văn. A-nan.

Tiếng hư không, tiếng ánh sáng, tiếng vắng lặng, tiếng Phật chỉ có Thiên Trung Thiên đã nghe các thứ tiếng đó. A-nan!

此之所出四大音者。

Thử chi sở xuất tứ Đại âm giả.

Bốn thứ tiếng này phát ra

是空無菩薩緣身毛孔之所出也。四大音聲柔軟可意微妙無瑕。

Thị không vô Bồ-tát duyên thân mao khổng chi sở xuất dã. tứ Đại âm thanh nhu
nhuyễn khả ý vi diệu vô hà.

là do duyên nơi lỗ chân lông của Bồ-tát mà phát ra. Bốn âm thanh đó lãnh lót êm
tai,

出是聲時令六十八億那術百千人漏盡意解。

Xuất thị thanh thời lệnh lục thập bát ức Na-thuật bách Thiên nhân lậu tận ý
giải.

lúc phát ra tiếng khiến cho sáu mươi tám ức Na-thuật trăm ngàn người tâm thoát
khỏi lậu tận.

六十八億那術百千人立不起法忍。

Lục thập bát ức Na-thuật bách Thiên nhân lập bất khởi Pháp nhẫn.

Sáu mươi tám ức Na-thuật trăm ngàn người chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

九億人立不退轉地。為無上正真道使諸佛國。各二那術天。

Cửu ức nhân lập bất thối chuyển địa. vi vô thượng chánh chân đạo sử chư Phật
quốc. các nhị Na-thuật Thiên.

chín ức người chứng Bất Thối Chuyển, Vô Thượng chánh Chân Đạo, khiến các cõi
Phật hai Na-thuật Thiên

遠塵離垢諸法眼淨。阿難。

Viễn trần ly cấu chư Pháp Pháp nhãn tịnh. A-nan.

xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh. A-nan!

西方去此八十億萬佛刹。有佛名妙樂如來無所著等正覺。

Tây phương khứ thử bát thập ức vạn Phật sát. hữu Phật danh diệu lạc Như-Lai vô
sở trú đẳng chánh giác.

Phương Tây cách đây tám mươi ức vạn cõi Phật, có một vị Phật tên là Diệu Lạc Như
Lai Vô Sở Trú Trước Đẳng Chánh Giác,

今現在說法。其世界名樂園。阿難。

Kim hiện tại thuyết pháp. kỳ thế giới danh lạc viên. A-nan.

hiện nay đang thuyết pháp. Thế giới đó, tên là Lạc Viên. A-nan!

彼世界所以名樂園。一切皆以佛法為樂。

Bỉ thế giới sở dĩ danh lạc viên. nhất thiết giai dĩ Phật Pháp vi lạc.

Thế giới đó sở dĩ gọi là Lạc Viên. Vì thế giới đó toàn là Phật pháp, toàn là an
lạc.

珍寶為人光明清淨。不退轉菩薩大士所居。

Trân bảo vi nhân quang minh thanh tịnh. bất thối chuyển Bồ-tát đại sĩ sở cư.

vật báu làm người sáng sủa trong sạch, chỗ ở của Bất thối chuyển Bồ-tát đại sĩ.

清淨諸菩薩無數。無有弟子緣覺二乘也。

Thanh tịnh chư Bồ-tát vô số. vô hữu đệ tử Duyên Giác nhị thừa dã.

Vô số các Bồ-tát thanh tịnh, không có hai thừa đệ tử Duyên Giác.

唯學一切智乘但行佛道。諸天皆立一切智。其得音安諦。

Duy học nhất thiết trí thừa đãn hành Phật đạo. chư Thiên giai lập nhất thiết
trí. kỳ đắc âm an đế.

Chỉ học nhất trí, chỉ hành Phật đạo, chư Thiên đều lập nhất thiết trí. Chứng
được âm thanh đó an ổn lắng nghe

解知一切法界往來。

Giải tri nhất thiết Pháp giới vãng lai.

biết rõ tất cả pháp đến đi,

供養諸佛天中天以萬種物。降伏眾魔力化墮見人。滅盡一切塵勞。

Cung dưỡng chư Phật Thiên trung Thiên dĩ vạn chủng vật. hàng phục chúng ma lục hóa đọa kiến nhân. diệt tận nhất thiết trần lao.

cúng dường chư Phật Thiên Trung Thiên đem sức lực hàng phục các ma giáo hóa không bị rơi vào kiếp người, diệt hết hết thầy trần lao

裂壞一切魔羅網。

Liệt hoại nhất thiết ma la võng.

xé nát tất cả lưới ma,

志於法品令一切立不退轉地。不說餘說但講一切智事。

Chí u Pháp phẩm lệnh nhất thiết lập bất thối chuyển địa. bất thuyết du thuyết dẫn giảng nhất thiết trí sự.

chí tâm đối với pháp khiến cho hết thầy chúng Bất Thối Chuyển Địa, không nói thừa chỉ giảng nhất thiết trí

轉菩薩法品。超諸塵勞之界。無復魔行意無恚怒。

Chuyển Bồ-tát Pháp phẩm. siêu chu trần lao chi giới. vô phục ma hành ý vô khuể nộ.

chuyển pháp Bồ-tát vượt qua cảnh giới trần lao, lại hàng phục các ma tâm không còn sân giận

行慈悲喜護一切。

Hành từ bi hi hộ nhất thiết.

hành từ bi hoan hỷ giúp đỡ tất cả.

一一諸毛孔出此六百不退轉法聲。菩薩法品之義得三脫門。

Nhất nhất chu mao khổng xuất thử lục bách bất thối chuyển Pháp thanh. Bồ-tát Pháp phẩm chi nghĩa đắc tam thoát môn.

mỗi mỗi các lỗ chân lông đều phát ra tiếng pháp Bất Thối Chuyển, nghĩa của phẩm loại Bồ-tát đực ba cửa giải thoát

過於弟子緣覺之事。度於三界行一切法界。

Quá u đệ-tử duyên giác chi sự. độ u tam giới hành nhất thiết Pháp giới.

vượt trội hơn đệ tử Duyên Giác, độ hơn ba cõi hành tất cả pháp giới.

於彼世界住皆見諸佛。越一切總持法門。得諸佛之覺智。

Ư bỉ thế giới trụ giai kiến chư Phật. việt nhất thiết tổng trì Pháp môn. đắc chư Phật chi giác trí.

Ở trong thế giới đó đều thấy chư Phật, vượt hơn tất cả các pháp môn Tổng Trì ở đắc được trí giác của chư Phật,

得諸菩薩之三昧。離諸惡智斷諸疑結。

Đắc chư Bồ-tát chi tam muội. ly chư ác trí đoạn chư nghi kết.

đắc được Tam Muội của Bồ-tát, xa lìa trí ác, đoạn các nghi ngờ

得諸佛身智之智。得神通度無極離於諛詔。

Đắc chư Phật thân trí chi trí. đắc Thần thông độ vô cực ly u du siểm.

đắc được trí tuệ của chư Phật, đắc được thần thông độ vô cực, lìa xa các dua nịnh

所願轉得供養諸佛。立一切人於無上正真道。

Sở nguyện chuyển đắc cung dưỡng chư Phật. lập nhất thiết nhân u vô thượng chánh chân đạo.

đắc được sở nguyện, được cúng dường chư Phật, độ hết thầy mọi người ở trong vô thượng chánh chân đạo.

令多願人得無起度無極智。

Lệnh đa nguyện nhân đắc vô khởi độ vô cực trí.

độ vô cực khiến cho nhiều người đạt được trí vô sanh,

當來劫菩薩之行所立無瑕穢。發意頃現生一切諸佛前。

Đương lai kiếp Bồ-tát chi hành sở lập vô hà uế. phát ý khoảnh hiện sinh nhất thiết chư Phật tiền.

kiếp đương lai hành hạnh Bồ-tát nguyện không bị tỳ vết, phát tâm trong chốc lát
hiện sanh trước hết thầy chu Phật,

無復生老病死啼哭愁憂。

Vô phục sanh lão bệnh tử đề khốc sầu ưu.

không còn sanh, già, bệnh, chết, khóc than, sầu lo.

已得寂善權現三十二相裝挾其色。已得法身現於凡身。

Dĩ đắc tịch thiện quyền hiện tam thập nhị tướng trang 挾 kỳ sắc. dĩ đắc Pháp thân
hiện ư phàm thân.

Xong được khéo léo dùng phương tiện thị hiện ba mươi hai sắc tương trang nghiêm
đẹp đẽ. Đã đắc được pháp thân thị hiện thân phàm phu,

供養奉事一切諸佛。心意踊躍娛樂。智慧度於無極。

Cung dưỡng phụng sự nhất thiết chu Phật. tâm ý dũng duợc ngu lạc. trí tuệ độ ư
vô cực.

cúng dường phụng sự hết thầy chu Phật, tâm ý hoan hỷ vui mừng, trí tuệ độ vo
cực.

樂此之樂令餘人亦然。

Lạc thù chi lạc lệnh dư nhân diệc nhiên.

an lạc của cõi này khiến cho mọi người cũng vậy.

其世界諸菩薩所行所樂如是。以故名曰樂園。復次其樂園世界。

Kỳ thế giới chu Bồ-tát sở hạnh sở lạc như thị. dĩ cố danh viết lạc viên. phục
thứ kỳ lạc viên thế giới.

Sở hành an lạc của các vị Bồ-tát của thế giới đó như vậy, vì thế có tên là Lạc
Viên. Lại nữa, thế giới lạc viên đó

有八種交道七寶浴池。中有八味水滿其池。

Hữu bát chủng giao đạo thất bảo dục trì. trung hữu bát vị thủy mãn kỳ trì.

có tám loại đường giao nhau. Có bảy ao tắm báu, trong ao có tám thứ nước

其水底有七寶沙。中有四種蓮華。青曰優鉢。

Kỳ thủy đế hữu thất bảo sa. trung hữu tứ chủng liên hoa. thanh viết ưu bát.

Dưới đáy bể có bảy loại cát báu, trong ao đó có bốn loại hoa sen. Màu xanh là
hoa Ưu-bát

紅曰波曇。黃曰拘文。白曰分陀利。

Hồng viết Ba-đàm. hoàng viết câu văn. bạch viết phân đà lợi.

hồng là Ba-đàm, vàng là Câu-văn, trắng là Phân-đà-lợi.

其光色具好有無數耀。其國有八重寶樹。金樹銀樹。

Kỳ quang sắc cụ hảo hữu vô số diệu. kỳ quốc hữu bát trọng bảo thụ. kim thụ ngân
thụ.

Màu sắc ánh sáng của hoa đó vô số đẹp đẽ. Cõi nước đó có tám hàng cây báu. Cây
vàng, cây bạc,

瑠璃樹水精樹。車磔樹碼碯樹。象磔寶樹。

Lưu ly thụ thủy tinh thụ. xa-cừ thụ mã não thụ. tượng não bảo thụ.

cây lưu ly, cây thủy tinh, cây xa cừ, cây mã não, cây tượng não bảo

祥寶樹。覺轉寶樹。舍羅塞寶樹。碧英寶樹。

Cát tường bảo thụ. giác chuyển bảo thụ. xá la tắc bảo thụ. bích anh bảo thụ.

cây cát tường, cây giác chuyển bảo, xá la tắc bảo, cây bích anh bảo,

月光寶樹。踰日月寶樹。雜玉寶樹。

Nguyệt quang bảo thụ. du nhật nguyệt bảo thụ. tạp ngọc bảo thụ.

cây nguyệt quang bảo, cây du nhật nguyệt bảo, cây tạp ngọc bảo,

阿牟勒寶樹。鳩彌勒味寶樹。赤青白色真珠樹。

A mưu lạc bảo thụ. cưu di lạc vị bảo thụ. xích thanh bạch sắc chân châu thụ.

cây a mưu lạc bảo, cây cưu di lạc vị, cây xích bạch sắc chân châu,

赤梅檀青梅檀黃梅檀。蒲萄酒梅檀。樂會天梅檀。

Xích chiên đàn thanh chiên đàn hoàng chiên đàn. bồ đào từ chiên đàn. lạc hội Thiên chiên đàn.

chiên đàn đỏ, chiên đàn xanh, chiên đàn vàng, chiên đàn bồ đào từ, chiên đàn lạc hội Thiên

作味梅檀。汚勒梅檀樹。蜜香黑妙。

Tác vị chiên đàn. 汚lạc chiên đàn thụ. mật hương hắc diệu.

chiên đàn tác vị, cây chiên đàn ô lạc, cây mật hương hắc diệu

香樹根香莖節。技葉華實各各熾盛。有果樹器樹衣樹。

Hương thụ căn hương hành tiết. kĩ diệp hoa thật các các sí thịnh. hữu quả thụ khí thụ y thụ.

hương, rễ cây cành lá hoa quả mỗi mỗi đều tươi tốt. Có cây thì có trái, có cây thì có đồ dùng, có cây thì có áo mặc,

瓔珞裝飾樹伎樂樹。其枝葉華實各亦熾盛。

Anh lạc trang sức thụ kĩ nhạc thụ. kỳ chi diệp hoa thật các diệp sí thịnh.

có cây trang sức bằng chuỗi ngọc. Cành lá hoa quả của các cây đó tất cả đều tươi tốt sum xuê.

樹香之氣芬馥甚美。如天上所有。阿難。

Thụ hương chi khí phân phúc thậm mỹ. như Thiên thượng sở hữu. A-nan.

Mùi hương của cây tỏa ra thơm phúc rất đẹp, như trên cõi trời đã có. A-nan!

其世界如是。以金為交露。出柔軟音聲。

Kỳ thế giới như thị. dĩ kim vi giao lộ. xuất nhu nhuyễn âm thanh.

Thế giới đó như vậy, dùng vàng để qua lại, âm thanh phát ra êm dịu,

其餘不可計功德亦出柔軟音。世界是故名樂園。

Kỳ dư bất khả kê công đức xuất nhu nhuyễn âm. thế giới thị cố danh lạc viên.

công đức không thể tính, ngoài các thứ đó ra lại cũng phát ra âm thanh êm dịu.

Cho nên thế giới đó gọi là Hoa Viên.

空無菩薩於彼神變。來生於此閻浮提。

Không vô Bồ-tát ư bỉ thần biến. lai sanh ư thử Diêm-phù-đề.

Bồ-tát Không Vô ở trong thần biến kia, lại sanh ở trong cõi Diêm-phù-đề này, .

欲見我般泥洹。適生度無央數人。以為佛事轉於法輪。

dục kiến ngã bát nê hoàn. thích sanh độ vô ương số nhân. dĩ vi Phật sự chuyển ư Pháp luân.

muốn thấy Ta nhập Niết-bàn, liền sanh độ vô ương số người, chuyển pháp luân làm Phật sự.

ngã-Ta bát nê hoàn. đi đến sanh độ vô ở giữa/yêu cầu số nhân. do làm Phật sự chuyển ở Pháp luân.

空無菩薩從無數劫來。

Không Vô Bồ-tát tòng vô số kiếp lai.

Bồ-tát Không Vô từ vô số kiếp đến nay

身體諸毛出是四大音。柔軟可意微妙無瑕。佛言。阿難。

thân thể chư mao xuất thị tứ Đại âm. nhu nhuyễn khả ý vi diệu vô hà. Phật ngôn. A-nan.

thân thể và các lỗ chân lông đều phát ra bốn loại âm thanh êm dịu mẫu nhiệm vi diệu vừa ý mọi người. Phật nói với A-nan.

乃往去世有佛名無垢眼。爾時有比丘名慧樂。

Nãi vãng khứ thế hữu Phật danh vô cấu nhãn. nhĩ thời hữu Tỳ-kheo danh tuệ lạc.

Cách đây có một thế giới, có một vị Phật tên là Vô Cấu. Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Huệ Lạc.

其比丘從佛聞四大音義。無數慧句。勤力句處處句。

Kỳ Tỳ-kheo tòng Phật văn tứ Đại âm nghĩa. vô số tuệ cú. tẩn lực cú xứ xứ cú.

Tỳ-kheo Huệ Lạc đó theo Phật nghe được bốn nghĩa lý âm thanh vi diệu lớn lao này: Câu vô số huệ, câu cần lực, câu xú xú,

眼句天句音句信句。佛句法句僧句。

Nhân cú Thiên cú âm cú tín cú. Phật cú Pháp cú tăng cú.

Câu nhân, câu Thiên, câu tín, câu Phật, câu pháp, câu tăng

師子句金剛句。樂慧句因緣句。導御句遠現句。

Sư-tử cú Kim cương cú. lạc tuệ cú nhân duyên cú. đạo ngự cú viễn hiện cú.
câu sư tử, câu kim cương, câu lạc huệ, câu nhân duyên, câu đạo ngự, câu viễn hiện
苦諦句苦習句。苦盡句向道句。

Khổ đế cú khổ tập cú. khổ tận cú hướng đạo cú.

câu khổ đế, câu khổ tập, câu khổ tận, câu hướng đạo.

彼於七夜常念不離是句。遠於異講心念四義。無所捨無所起。

Bỉ ư thất dạ thường niệm bất ly thị cú. viễn ư dị giảng tâm niệm tứ nghĩa. vô sở xả vô sở khởi.

Tỳ-kheo đó bảy đêm luôn luôn nhớ nghĩ không lìa một câu. Xa lìa cách giảng khác tâm nhớ nghĩ bốn nghĩa, không xốt chỗ nào, không khởi lên điều gì,

清淨志觀壞諸見。

Thanh tịnh chí quán hoại chư kiến.

tâm thanh tịnh luôn quán sát để phá hoại các tri kiến sai lầm.

從億數佛受是四大無數義句。住於法說至諸郡國縣邑。

Tòng ức số Phật thọ thị tứ Đại vô số nghĩa cú. trụ ư Pháp thuyết chí chư quận quốc huyện ấp.

theo ức số Phật thọ nhận bốn câu đó, nhiều vô số nghĩa. Đến các thành ấp thôn xóm làng mạc quận huyện ở để thuyết pháp.

在人家六年於眾中講法。度無數人。阿難。

Tại nhân gia lục niên ư chúng trung giảng pháp. độ vô số nhân. A-nan.

Sáu năm ở nơi nhà của mọi người mà giảng pháp, độ vô số người. A-nan!

爾時有魔名曰耆陀。化作龍象其眾無數。

Nhĩ thời hữu ma danh viết kì đà. hóa tác long tượng kỳ chúng vô số.

Lúc bấy giờ, có một vị ma tên là Kỳ-đà biến hóa ra vô số các long tượng

雨澆金剛墮此比丘身上令其命過。阿難。其慧樂比丘者。

Vũ kiều Kim cương đọa thử Tỳ-kheo thân thượng lệnh kỳ mạng quá. A-nan. kỳ tuệ lạc Tỳ-kheo giả.

phun ra thành kim cương rơi xuống trên thân vị Tỳ-kheo này khiến cho mạng chung.

A-nan! Tỳ-kheo Huệ Lạc đó,

空無菩薩是也。用彼精進多智。

Không vô Bồ-tát thị dã. dụng bỉ tinh tấn đa trí.

chính là Bồ-tát Không Vô vậy. Nhờ sự tinh tấn đó nên có nhiều trí tuệ

六年於眾會中說法。故從無數劫已來。

Lục niên ư chúng hội trung thuyết Pháp. cố tòng vô số kiếp dĩ lai.

sáu năm ở trong chúng thuyết pháp. Vì thế từ vô số kiếp đã qua

毛孔出此柔軟可意微妙無瑕四大音聲。其一一毛度無數人。

Mao không xuất thử nhu nhuyễn khả ý vi diệu vô hà tứ Đại âm thanh. kỳ nhất nhất mao độ vô số nhân.

các lỗ chân lông đều phát ra bốn loại âm thanh vi diệu khả ý. Mỗi mỗi lỗ chân lông đều độ vô số người

閻浮提人其聞空無菩薩名者。為得大利善慶。

Diêm-phù-đề nhân kỳ văn không vô Bồ-tát danh giả. vi đắc Đại lợi thiện khánh.

Người ở cõi Diêm-phù-đề nghe tên Bồ-tát Không Vô thì có nhiều điều tốt lành, lợi lạc

何況面見歡喜者。空無菩薩得無數諸度無極。

hà huống diện kiến hoan hỉ giả. không vô Bồ-tát đắc vô số chư độ vô cực.

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

huống gì gặp mặt mà không hoan hỷ. Bồ-tát Không Vô độ được vô số chúng sanh.
故來欲見如來般泥洹。阿難。

Cổ lai dục kiến Như Lai Bát-nê-hoàn. A-nan.
Vì muốn đến thấy Như Lai nhập Niết-bàn. A-nan!

汝為空無菩薩於我前敷座。從是當得大智慧尊。於是阿難。

Nhữ vi không vô Bồ-tát u ngã tiền phu tọa. tòng thị đương đắc Đại trí tuệ tôn. u
thị A-nan.

Ông vì Bồ-tát Không Vô trải phu tòa trước Ta, từ đây sẽ đắc được đại trí tuệ tối
tôn. Lúc đó, A-nan

即受教於佛前為空無菩薩敷座。佛言。

Túc thọ giáo u Phật tiền vi không vô Bồ-tát phu tọa. Phật ngôn.

liền nhận lời vì Bồ-tát Không Vô trải phu tòa trước mặt đức Phật. Phật nói với
Bồ-tát Không Vô rằng:

汝用敷是座故。我般泥洹後汝於座上。

Nhữ dụng phu thị tọa cố. ngã bát nê hoàn hậu nữ u tọa thượng.

Ông hãy sử dụng chỗ ngồi đó, sau khi Ta nhập Niết-bàn ông ngồi lên,

當一心得六通。福若不志為現清淨行者。

Đương nhất tâm đắc lục thông. phúc nhược bất chí vi hiện thanh tịnh hành giả.
sẽ nhất tâm đắc được sáu phép thần thông. Nếu không nhất tâm thì phước báu chỉ
làm một hành giả thanh tịnh mà thôi.

敷座之福可得恒沙之數轉輪聖王。一作聖王當一見佛。

sở tọa chi phúc khả đắc hằng sa chi số Chuyển luân Thánh Vương. nhất tác Thánh
Vương đương nhất kiến Phật.

Luôn ngồi ở trên đó thì sẽ đạt được phước báu như số cát sông Hằng, Chuyển Luân
Thánh Vương, làm Thánh Vương sẽ gặp được Phật,

得為無上正真道最正覺。

Đắc vi vô thượng chánh chân đạo tối chánh giác.

đắc được Vô Thượng Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác.

其有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

Kỳ hữu Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di.

Có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

天龍鬼神犍沓和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒。及餘含氣蠕動之類。

Thiên Long quý Thần Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân Ca-luu-la, Chân-đà-la Ma-hầu-

lặc. cập du hàm khí nhuyễn động chi loại.

Rồng, Trời, Quỷ, Thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-
lặc và các loài bò bay nhuyễn động

聞是大清淨法。若今日見現在如來。

Văn thị Đại thanh tịnh Pháp. nhược kim nhật kiến hiện tại Như-Lai.

nghe pháp đại thanh tịnh này, nếu ngày nay gặp Như Lai hiện tiền,

若如來般泥洹後。為法師比丘敷座。適敷當得十座功德。

Nhược Như-Lai bát nê hoàn hậu. vi Pháp sư Tỳ-kheo phu tọa. thích phu đương đắc
thập tọa công đức.

hoặc sau Như Lai nhập Niết-bàn vì pháp sư Tỳ-kheo mà trải chỗ ngồi thì sẽ được
mười chỗ ngồi công đức.

何等十。一者尊者座。二者轉輪聖王座。

Hà đẳng thập. nhất giả Tôn-Già tọa. nhị giả Chuyển luân Thánh Vương tọa.

Sao gọi là mười? Một là chỗ ngồi tôn giả, hai là chỗ ngồi Chuyển Luân Thánh
Vương,

三者釋座。四者梵座。五者第六天座。

Tam giả thích tọa. tứ giả phạm tọa. ngũ giả đệ lục Thiên tọa.

ba là chỗ ngồi của họ Thích, bốn là chỗ ngồi Phạm Chí, năm chỗ ngồi cõi trời thứ
sáu,

六者法師比丘座。七者在所座處當得法座。

Lục giả Pháp sư Tỳ-kheo tọa. thất giả tại sở tọa xử đương đắc Pháp tọa.
sáu là Pháp Sư Tỳ-kheo, bảy là chỗ ngồi tại sở, chỗ ngồi sẽ được nghe pháp,
八者菩薩大士詣佛樹下時當得佛座。

Bát giả Bồ-tát Đại sĩ nghê Phật thụ hạ thời đương đắc Phật tọa.
tám là chỗ mà Bồ-tát Đại Sĩ đến ngồi dưới cây để làm Phật.

九者得轉法輪度脫無數億天人。一切世界普聞音座。

Cửu giả đắc chuyển Pháp luân độ thoát vô số ức Thiên Nhơn. nhất thiết thế giới
phổ văn âm tọa.
chín là chỗ ngồi chuyển pháp luân độ thoát vô số ức trời người hết thảy thế giới
đều nghe được âm thanh.

十者作如是般泥洹時。天龍鬼神撻沓和等眷屬圍遶。

Thập giả tác như thị bát nê hoàn thời. Thiên Long quý Thần Kiền-đạp-hòa đẳng
quyển chúc vi nhiều.

mười là chỗ ngồi sư tử lúc Phật Niết-bàn như vậy, trời rồng qui thần Kiền-đạp-
hòa và quyến thuộc v.v.. đến vây quanh

然後得如來師子座。是為十。阿難。

Nhiên hậu đắc Như-Lai Sư-tử tọa. thị vi thập. A-nan.
Như Lai. Đó là mười. A-nan!

汝為空無菩薩又十指。說是偈言。

Nữ vi không vô Bồ-tát xoa thập chỉ. thuyết thị kệ ngôn.
Ông vì Bồ-tát Không Vô chấp mười ngón tay mà nói kệ rằng:

其離根為寂定

Kỳ ly căn vi tịch định

Xa lìa căn là vắng lặng

我為勇猛叉手

Ngã vi dũng mãnh xoa thủ

Ta vì dũng mãnh chấp tay

志一心及精進

Chí nhất tâm cập tinh tấn

Nhất tâm tinh tấn chí thành

我為真善叉手

Ngã vi chân thiện xoa thủ

Ta vì chân thật chấp tay

於是佛為賢者阿難。說偈言。

Ư thị Phật vi hiền giả A-nan. thuyết kệ ngôn

Lúc đó, Phật vì hiền giả a-nan nói kệ rằng:

為空無菩薩

Vi không vô Bồ-tát

Vì Bồ-tát Không Vô

所當得福者

Sở đương đắc phúc giả

Thì sẽ được phước báu

佛告阿難。汝用是叉手福德。

Phật cáo A-nan. nữ dụng thị xoa thủ phúc đức.

Phật nói với A-nan rằng: Ông nhờ chấp tay mà được phước đức.

我般泥洹已後六月中。當獨作佛。天上天下人。

Ngã bát nê hoàn dĩ hậu lục nguyệt trung. đương độc tác Phật. Thiên thượng Thiên
hạ nhân.

Sau khi Ta nhập Niết-bàn trong sáu tháng, Ông sẽ thành Phật, trên trời dưới đất
đều đương稽首向汝作禮。若行道入郡國若住精舍。

空無出大光明

Không vô xuất Đại quang-minh

Không Vô ánh sáng phát ra

為師子大吽禮

Vi sư tử đại hồng lễ

Rồng vang sư tử đại hùng

積智慧以具足

Tích trí tuệ dĩ cụ túc

Chứa chan trí tuệ đủ đầy

禮無有與等者

Lễ vô hữu dữ đẳng giả

Đánh lễ không có biệt phân.

汝一心叉手

Nữ nhất tâm xoa thủ

Ông hết lòng chấp tay

且聽我所說

Thả thính ngã sở thuyết

Hãy lắng nghe ta nói.

Giai đương kê thủ hướng nhữ tác lễ. nhược hành đạo nhập quận quốc nhược trụ Tịnh Xá.

đều phải cúi đầu hướng về ông mà đánh lễ. Hoặc vào ở trong làng nước mà hành đạo, hoặc ở trong tịnh xá mà hành đạo.

男子女人小男小女。諸邪異道沙門梵志。諸王大臣。

Nam tử nữ nhân tiêu nam tiêu nữ. chu tà dị đạo Sa Môn phạm chí. chu Vương Đại Thần.

Con trai con gái lớn nhỏ, các tà đạo khác, Sa Môn, Phạm Chí, các vua quan, đại thần

講堂交露及鼓山谷。

Giảng đường giao lộ cập cổ sơn cốc.

ở chốn giảng đường hay là chốn thâm sơn cùng cốc,

師子虎野牛象駱駝牛馬驢獼猴。

Sư tử hổ dã ngưu tượng lạc đà ngưu mã lu Mi-Hầu.

su tử, cọp, sói, trâu bò, voi ngựa, lạc đà, vượn khỉ,

捷沓和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒天龍鬼神女鬼。樹木枝葉華實諸藥草。

Kiên-đạp-hòa A-tu-luân Ca-luu-la, Chân-đà-la Ma-hầu-lặc, Thiên Long quỷ Thần nữ quỷ. thụ mộc chi diệp hoa thật chu dược thảo.

Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, trời rồng, qui thần, qui nữ, cây cối, cành lá, hoa quả, dược thảo,

有想者無想者。皆當揖讓恭敬禮汝。

Hữu tưởng giả vô tưởng giả. giai đương ấp nhượng cung kính lễ nhữ.

người có tưởng, người không tưởng, đều phải cung kính đánh lễ ông.

佛告阿難譬如如來無所著等正覺。得佛道之門時。

Phật cáo A-nan thí như Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác. đắc Phật đạo chi môn thời.

Phật nói với A-nan: Thí như Như Lai Vô Sở Trú Trước Đẳng Chánh Giác lúc đắc được Phật đạo

諸樹樂樹有想無想者。皆揖讓低仰向佛樹。

Chu thụ lạc thụ hữu tưởng vô tưởng giả. giai ấp nhượng đề ngưỡng hướng Phật thụ.

các cây cối, người có tưởng người không tưởng đều đến cung kính hướng đến cây Phật nằm.

阿難。其有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

A-nan. kỳ hữu Tỷ-kheo Tỷ-kheo-ni Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

A-nan! Có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

天龍鬼神捷沓和等。及餘含氣有命之類。

Thiên Long quỷ Thần Kiên-đạp-hòa đẳng. cập dư hàm khí hữu mạng chi loại.

Rồng Trời quỷ thần, Kiên-đạp-hòa v.v..và các loài hàm linh có mạng sống

有說是大清淨法語者。如來今現在若泥洹後。

Hữu thuyết thị đại thanh tịnh Pháp ngữ giả. Như Lai kim hiện tại nhược nê hoàn hậu.

có nói pháp ngữ thanh tịnh này. Như Lai hiện tại, hoặc Như Lai sau Niết-bàn
以宣心無諛諂之意。一心叉手向說法者。

Dĩ tuyên tâm vô du siểm chi ý. nhất tâm xoa thủ hướng thuyết Pháp giả.

dùng tâm để nói chứ không lấy ý đua nịnh mà nói. Một lòng chấp tay hướng đến người mà nói pháp.

諸佛天中天。皆當授其決。及少功德者。

Chu Phật Thiên trung Thiên. giai đương thụ kỳ quyết. cập thiểu công đức giả.

Chu Phật Thiên Trung Thiên đều sẽ trao lời đó. Và người ít có công đức

皆當具足得是法。何況樂喜無瑕穢者。佛所語無異。

Giai đương cụ túc đắc thị Pháp. hà hưởng lạc hi vô hà uế giả. Phật sở ngữ vô dị.

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

đều sẽ đắc được đầy đủ pháp đó hưởng gì hoan hỷ không có một chút bon nhơ. Chỗ Lời Phật nói không có sai khác.

聞是大清淨法語。少有歡喜信者。

Văn thị Đại thanh tịnh Pháp ngữ. thiếu hữu hoan hỷ tín giả.
nghe pháp ngữ đại thanh tịnh này, người niềm tin ít hoan hỷ
多不樂聞其有聞說信歡喜。如來已豫見知其人。

Đa bất lạc văn kỳ hữu văn thuyết tín hoan hỷ. Như-Lai dĩ dự kiến tri kỳ nhân.
phần nhiều không muốn nghe, có số người nghe nói sanh tâm hoan hỷ Như Lai đã dự
biết trước.

不於一佛所殖諸德本。為悉於億那術佛所。

Bất ư nhất Phật sở thực chư đức bản. vi tất ư ức Na-thuật Phật sở.
chẳng phải ở một chỗ Phật mà trồng các cội rễ công đức. Vì tất cả ức Na-thuật
chỗ Phật

積累功德皆見。我說是大般泥洹會。

Tích luy công đức giai kiến. ngã thuyết thị Đại bát nê hoàn hội.
đều tích lũy được công đức. Ta nói trong hội Đại Bát-nê-hoàn

當復供養彌勒如來。見彌勒佛來下作佛時。

Đương phục cung dưỡng Di Lạc Như-Lai. kiến Di lạc Phật lai hạ tác Phật thời.
lại sẽ cúng dường Di Lạc Như Lai. Phật Di-lạc tương lai sẽ làm Phật

當復聞說大般泥洹經。當復見空無菩薩身毛孔出音大音聲。

Đương phục văn thuyết Đại bát nê hoàn Kinh. đương phục kiến không vô Bồ-tát thân
mao khổng xuất âm Đại âm thanh.

lại sẽ nghe nói kinh Đại Bát-nê-hoàn. Lại sẽ thấy thân của Bồ-tát Không Vô các
lỗ chân lông phát ra âm thanh lãnh lót.

當復得方等經。

Đương phục đắc phương đẳng Kinh.

Lại sẽ đắc được kinh Phương Đẳng.

當復聞見四童子爾時說是經。天人阿須倫諸世間人。

Đương phục văn kiến tứ Đồng Tử nhĩ thời thuyết thị Kinh. Thiên Nhơn A-tu-luân
chư thể gian nhân.

Lúc bấy giờ, lại sẽ nghe thấy bốn Đồng Tử nói kinh này. Trời, người, A-tu-luân
và các người ở thể gian

當復恭敬揖讓叉手作禮。亦當得師子座。

Đương phục cung kính áp nhượng xoa thủ tác lễ. diệc đương đắc Sư-tử tọa.
lại sẽ cung kính chấp tay vái chào làm lễ, cũng sẽ được chỗ ngồi sư tử.

於是佛告賢者阿那律。

Ư thị Phật cáo hiền giả A na luật.

Lúc đó, Phật nói với hiền giả A-na-luật:

汝寧見四十億天於虛空中聞是經法叉手向我者不。對曰。唯然天中天。已見。

Nhữ ninh kiến tứ thập ức Thiên ư hư không trung văn thị Kinh Pháp xoa thủ hướng
ngã giả bất. đối viết. duy nhiên Thiên trung Thiên. dĩ kiến.

Ông có thấy bốn mươi ức chư Thiên ở trong hư không nghe kinh pháp này chấp tay
hướng đến Ta không? A-na-luật trả lời rằng: Bạch đức Thế Tôn con chỉ thấy Thiên
Trung Thiên.

佛告阿那律。是四十億天用是叉手福億。

Phật cáo A-na-luật. thị tứ thập ức Thiên dụng thị xoa thủ phúc ức.

Phật nói với A-na-luật. Bốn ức chư Thiên đó chấp tay hướng đến ta được vô lượng
ức phước,

阿僧祇劫不歸三惡道。

A tăng kì kiếp bất quy tam ác đạo.

trong A Tăng Kỳ kiếp không rơi vào ba đường ác.

各各當一恒沙數更作轉輪聖王。一一作聖王常值見佛。

Các các đương nhất hằng sa sở canh tác Chuyển luân Thánh Vương. nhất nhất tác Thánh Vương thường trị kiến Phật.

Mỗi một hạt cát của sông Hằng lại làm Chuyển Luân Thánh Vương, mỗi mỗi làm Thánh Vương thường luôn gặp Phật.

更是數已然後得作佛。號願寂如來無所著等正覺。

Canh thị sở dĩ nhiên hậu đắc tác Phật. hiệu nguyện tịch Nhu-Lai vô sở trú đẳng chánh giác.

Lại trong số đó sau cùng được làm Phật, hiệu là Nguyện Tịch Nhu Lai Vô sở Trước Đẳng chánh Giác,

皆同一字。爾時於眾會中有力士。

Giai đồng nhất tự. nhĩ thời ư chúng hội trung hữu lực sĩ.

đều cùng một tên. Lúc bấy giờ, ở trong hội chúng có một Lực Sĩ.

一名那尼二名羅提。三名首羅颯四名叉摩迦樓。五名覆呿遯。

Nhất danh Na-ni nhị danh La-đề. tam danh Thủ-la-bạt-tứ-danh-xoa-ma-ca lâu. ngũ danh phúc 呿遯。

Một tên là Na-ni, hai tên là La-đề, ba tên là Thủ-la-bạt-tứ-danh-xoa-ma-ca-lâu, năm tên là Phú-....

六名波囚遮。七名阿比他。八名維那提。

Lục danh Ba-tù-già. thất danh A-bi-tha. bát danh Duy-na-đề.

sáu tên là Bi-tù-già, bảy tên là A-tỳ-tha, tám tên là Duy-na-đề,

九名優多羅。十名浮浮樓遮。十一名和利前。

Cửu danh Ưu-đa-la. thập danh Phù-phù-lâu-già. thập nhất danh Hòa-lợi-tiền.

chín tên là Ưu-đa-la, mười tên là Phù-phù-lâu-già, mười tên là Hòa-lợi-tiền

十二名醯梨闍。十三名醯梨陀樓。十四名叉摩遮。

Thập nhị danh 醯 lê đồ. thập tam danh 醯 lê đà lâu. thập tứ danh xoa ma già.

mười hai tên là 醯 -lê-đồ, mười ba tên là lê-đà-lâu, mười bốn tên là Xoa-ma-già
一一力士與五百之眾俱悲啼哭。

Nhất nhất lực sĩ dữ ngũ bách chi chúng câu bi đề khóc.

Mỗi mỗi Lực Sĩ cùng năm trăm chúng đều khóc than nức nở,

往詣佛所稽首作禮泣下交橫。白佛言。唯世尊。

Vãng nghê Phật sở kê thủ tác lễ khắp hạ giao hoành. bạch Phật ngôn. duy Thế tôn.

đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ khóc rơi nước mắt. Bạch đức Phật rằng: Cúi xin Thế Tôn

我等為空無菩薩。善思議菩薩。喜信淨菩薩。

ngã đẳng vi không vô Bồ-tát. thiện tu nghị Bồ-tát. hỷ tín tịnh Bồ-tát.

chúng con vì Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Thiện Tu Nghị, Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh

神通華菩薩。及大會諸菩薩。

Thần Thông Hoa Bồ-tát. cập Đại hội chư Bồ-tát.

Bồ-tát Thần Thông Hoa cùng các Bồ-tát trong đại hội

及此大經諸大弟子眾。叉手揖讓恭敬作禮。

cập thủ đại nhật kinh chư đại đệ tử chúng. xoa thủ ấp nhượng cung kính tác lễ.

và các chúng đại đệ tử trong đại kinh này, chấp tay cung kính làm lễ

持是功德求無上正真道。時佛便笑。賢者阿難以偈問佛言。

Trì thị công đức cầu vô thượng chánh chân đạo. thời Phật tiện tiếu. hiền giả A-nan dĩ kệ vấn Phật ngôn.

giữ mãi công đức đó để cầu Vô Thượng Chánh Chân Đạo. Lúc đó, Phật liền cười.

Hiền giả A-nan dùng kệ hỏi Phật rằng:

佛為世光明

Phật vi thế quang minh

Phật là ánh quang minh

善為我等解

Thiện vi ngã đẳng giải

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

今何因緣笑

Kim hà nhân duyên tiếu

Nhân duyên gì nay cười

無數億人疑

Vô số ức nhân nghi

49

Tuequang Foundation

Khéo vì con giải rõ
於是佛為阿難。說偈言。
Ư thị Phật vì A-nan. thuyết kệ ngôn.
Lúc đó, Phật vì A-nan nói kệ rằng:

阿難汝為見
A-nan nhữ vi kiến
A-nan vì ông thấy
各五百眷屬
Các ngũ bách quyến chúc
Đều năm trăm quyến thuộc
為我又手恭
Vi ngã xoa thủ cung
Chấp tay cung kính Ta
一切諸菩薩
Nhất thiết chư Bồ-tát
Hết thấy các Bồ-tát
勸助大道意
Khuyến trợ đại đạo ý
Tâm khuyến giúp đại đạo
各與五百眾
Các dữ ngũ bách chúng
Và cùng năm trăm chúng
無央數億劫
Vô ương số ức kiếp
Vô ương số ức kiếp
觀於叉手者
Quán ư xoa thủ giả
Thấy người mà chấp tay
我忍住一劫
Ngã nhân trụ nhất kiếp
Ta nữ trụ một kiếp
諸佛得道時
chư Phật đắc đạo thời
Lúc chư Phật đắc đạo
所行至輒尊
Sở hạnh chí triếp tôn
Hạnh đạo của Thế Tôn
我忍住一劫
Ngã nhân trụ nhất kiếp
Ta nữ trụ một kiếp
阿難我今日
A-nan ngã kim nhật
A-nan Ta ngày nay
汝為最後說
Nhữ vi tối hậu thuyết
Vì ông nói sau cùng

佛告阿難。汝寧見此童子從北方來。

Phật cáo A-nan. nhữ ninh kiến thủ Đồng Tử tòng Bắc phương lai.
Phật nói với A-nan. Ông đâu thấy bốn Đồng Tử từ phương Bắc đến

有大金光耀來者不。其威神照於北方草木藥樹。

Hữu Đại kim quang diệu lai giả bất. kỳ uy Thần chiếu ư Bắc phương thảo mộc dược thụ.

Có ánh sáng vàng chói không? Oai thần đó chiếu ở phương Bắc, cây cối thảo mộc
樹木莖節枝葉華實。宮殿交露山陵谿谷。

Thụ mộc hành tiết chi diệp hoa thật. cung điện giao lộ sơn lăng Khê cốc。

Phật thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn kinh, quyển thượng

Vô số ức người nghi.

諸力士之眾
Chư lực sĩ chi chúng
Chúng của các Lực Sĩ
發大道意不
Phát đại đạo ý bất
Phát đại đạo tâm không
及空無童子
Cập không vô Đồng Tử
Và Không Vô Đồng Tử
於是經尊法
Ư thị kinh tôn pháp
Tôn trọng pháp kinh này
哀念於一切
Ai niệm ư nhất thiết
Ai niệm hết tất cả
皆當得佛道
Giai đương đắc Phật đạo
Đều sẽ đắc Phật đạo
終不歸惡道
Chung bất quy ác đạo
Rốt không về đường ác
其福乃如是
Kỳ phúc nãi như thị
Nên phước báu như vậy
及數億百劫
Cập số ức bách kiếp
Và số ức trăm kiếp
其國甚快樂
Kỳ quốc thậm khoái lạc
Nước đó rất khoái lạc
其國則豐盛
Kỳ quốc tắc phong thịnh
Nước đó được giàu có
說得未能竟
Thuyết đắc vị năng cánh
Nói cũng chưa thể hết
於夜中半時
Ư dạ trung bán thời
Đúng vào lúc nửa đêm
見佛人中尊
Kiến Phật Nhân Trung Tôn
Thấy Phật Nhân Trung Tôn.

cành lá hoa quả, cung điện đường xá, núi non,
及人非人。皆同現為金色。對曰。唯然。天中天。
cập nhân phi nhân。giai đồng hiện vi kim sắc。đôi viết。duy nhiên。Thiên trung
Thiên。
cùng

người và phi nhân đều hiện ra sắc vàng sáng chói đó. Đáp rằng: Dạ vậy,
Thiên Trung Thiên

已見。阿難。汝見北方七寶交露精舍來不。對曰。

Dĩ kiến. A-nan. nhữ kiến Bắc phương thất bảo giao lộ Tịnh Xá lai bất. đôi viết.
đã thấy. A-nan! Ông đến phương Bắc có thấy tịnh xá đường xá làm bằng bảy báu
không? Đáp rằng:

唯然。天中天。已見。阿難。

Duy nhiên. Thiên trung Thiên. dĩ kiến. A-nan.
Dạ! bạch Thiên Trung Thiên con đã thấy. A-nan!

汝見金交露中結加趺坐者不。對曰。唯然。天中天。已見。

Nhữ kiến kim giao lộ trung kết gia phu tọa giả bất. đôi viết. duy nhiên. Thiên
trung Thiên. dĩ kiến.

Ông có thấy có người nào kết thêm phu tòa ở giữa giao lộ không? Đáp rằng: Dạ!
Bạch Thiên Trung Thiên con đã thấy.

佛告阿難。北方去此六十四億萬佛國。

Phật cáo A-nan. Bắc phương khứ thử lục thập tứ ức vạn Phật quốc.
Phật nói với A-nan. Phương Bắc cách đây sáu mươi bốn ức vạn cõi Phật.

有佛名覺跡如來無所著等正覺。今現在說法。

Hữu Phật danh giác tích Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác. kim hiện tại thuyết
Pháp.

Có một vị Phật tên là Giác Tích Như Lai Vô Sở Trú Đẳng Chánh Giác, hiện nay
đang thuyết pháp

神通華菩薩於彼神變。來生此閻浮提。

Thần thông hoa Bồ-tát u bi Thần biến. lai sanh thử Diêm-phù-đề.

Bồ-tát Thần Thông Hoa thần biến ở cõi kia, lại sanh vào Diêm-phù-đề này,

欲見我般泥洹。時光明所照謂是如來光明威神。

Dục kiến ngã bát nê hoàn. thời quang-minh sở chiếu vị thị Như-Lai quang-minh uy
Thần.

muôn thấy Ta nhập Niết-bàn. Tức thời ánh sáng của Như Lai chiếu khắp.

其七寶交露謂華跡世界。

Kỳ thất bảo giao lộ vị hoa tích thế giới.

Giao lộ bằng bảy báu đó là thế giới của Hoa Tích.

其七寶金交露帳中坐童子謂如來也。自然作是世界坐。

Kỳ thất bảo kim giao lộ trướng trung tọa Đồng Tử vị Như-Lai dã. tự nhiên tác thị
thế giới tọa.

Đồng Tử ngồi ở giữa giao lộ làm bằng vàng bạc bảy báu là Như Lai vậy.

Tự nhiên tạo thành thế giới đó để ngồi.

此七寶金交露帳中令無央數人具足於德本。阿難。

thử thất bảo kim giao lộ trướng trung lệnh vô ương số nhân cụ túc u đức bản. A-
nan.

Bốn Đồng Tử ngồi giữa giao lộ làm bằng vàng bạc bảy báu khiến cho vô số người có
đầy đủ phước đức. A-nan!

此佛國有無央數億百千人。與此童子殖眾德本。

Thử Phật quốc hữu vô ương số ức bách Thiên nhân. dữ thử Đồng Tử thực chúng đức
bản.

Cõi Phật này có vô ương số ức trăm ngàn người, cùng Đồng Tử này gieo trồng cõi
rễ công đức.

是童子適生於是佛國。

Thị Đồng Tử thích sanh ư thị Phật quốc.

Bốn Đồng Tử này liền sanh ở trong cõi Phật đó,

悉當令其同輩之眾漏盡意解得住學地。

Tất đương lệnh kỳ đồng bối chi chúng lậu tận ý giải đắc trụ học địa.

hết thầy các lậu đã tận tâm ý giải thoát đắc được Trụ Giác Địa,

於無上正真道得不退轉。於是四菩薩往詣佛所。

Ư vô thượng chánh chân đạo đắc bất thoái chuyển. ư thị tứ Bồ-tát vãng nghê Phật sở.

ở trong Vô Thượng Chánh Chân Đạo, đắc Bất Thoái Chuyển. Lúc đó bốn Bồ-tát đi đến chỗ Phật

同一時前稽首佛足。佛告阿難。如來所當作者。

Đồng nhất thời tiền kê thủ Phật túc. Phật cáo A-nan. Như-Lai sở đương tác giả.

cùng một lúc cúi đầu đánh lễ chân Phật. Phật nói với A-nan. Điều gì Như Lai làm

及如來弟子以令一切具足得其所。是神通華菩薩。

Cập Như-Lai đệ-tử dĩ lệnh nhất thiết cụ túc đắc kỳ sở. thị Thần thông hoa Bồ-tát.

và đệ tử Như Lai làm khiến cho hết thầy đều đầy đủ phước đức vậy. Bồ-tát Thần Thông Hoa đó,

以此金交露之變化。令七十億人得阿羅漢。

Dĩ thử kim giao lộ chi biến hoá. lệnh thất thập ức nhân đắc A La Hán.

Nhờ biến hóa ra giao lộ làm bằng vàng bạc mà khiến cho bảy mươi ức người đắc được quả A-la-hán,

七十億那術人住學地七十億百人立無上正真

Thất thập ức Na-thuật nhân trụ học địa thất thập ức bách nhân lập vô thượng chánh chân

bảy mươi ức Na-thuật người trụ trong Giác Địa, bảy mươi ức trăm người chúng được Vô Thượng Chánh Chân Đạo,

道。七十億那術人得不起法忍立。

Đạo. thất thập ức Na-thuật nhân đắc bất khởi Pháp nhẫn lập.

bảy mươi ức Na-thuật người đắc được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

無數人當值彌勒時。

Vô số nhân đương trị Di Lạc thời.

vô số người sẽ gặp Di-lặc.

佛說方等般泥洹經卷上

Phật thuyết phương đẳng bát nê hoàn Kinh quyển thượng

Phật nói kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn quyển thượng.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tấn Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:30:30 2006

PHẬT THUYẾT PHƯƠNG ĐẰNG BÁT NÊ HOÀN KINH Quyển Thứ Hạ

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 378

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền

Hiệu đính: Thích Nữ Tuệ Quang (11-2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

=====

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 378 佛說方等般泥洹經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.16, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 378 Phật thuyết phương đẳng bát nê hoàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.16, Normalized Version

=====

佛說方等般泥洹經卷下
Phật thuyết phương đẳng bát nê hoàn Kinh quyển hạ
PHẬT THUYẾT PHƯƠNG ĐẲNG BÁT NÊ HOÀN KINH
QUYỂN HẠ
西晉月氏三藏竺法護譯
Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp hộ dịch
Tam tạng Trúc Pháp Hộ người nước Nhục Chi dịch vào thì Tây Tấn
囑累品第四
Chúc Lũy phẩm đệ tứ
PHẨM THỨ TƯ: CHÚC LỤY

爾時賢者阿難白佛言。唯世尊。

nhĩ thì hiền giả A-nan bạch Phật ngôn。 duy Thế Tôn。

Lúc bấy giờ hiền giả A-nan bạch Phật rằng: Ngưỡng mong Thế Tôn

住一劫復過一劫。所以者何。唯天中天。

trụ nhất kiếp phục quá nhất kiếp。 sở dĩ giả hà。 duy Thiên trung Thiên。

trụ lại một kiếp hay hơn một kiếp。 Vì sao? Vì bậc Thiên Trung Thiên

如來無所著等正覺。在於世者是諸正士來至此。

Nhu-Lai vô sở trước đẳng chánh giác。 tại u thể giả thị chu chánh sĩ lai chí
thử。

Nhu Lai Vô Trước Đẳng Chánh Giác ở đời thì các vị Chánh sĩ sẽ lui lại nơi đây,
我等得見跪拜承事。如來般泥洹已後。

ngã đẳng đắc kiến quy bái thừa sự。 Nhu-Lai bát Nê-hoàn dĩ hậu。

chúng con sẽ được diện kiến và lễ bái thừa sự。 Sau khi Nhu Lai nhập Niết-bàn,
我曹永絕於三處。何等為三。佛法僧。是等正士為離三處。

ngã tào vĩnh tuyệt u tam xứ。 hà đẳng vi tam。 Phật Pháp tăng。 thị đẳng chánh sĩ
vi ly tam xứ。

chúng con sẽ mất hẳn ba chỗ。 Những gì là ba? Đó là Phật, Pháp và Tăng。 Xa lìa ba
chỗ chính là xa lìa những bậc Chánh Sĩ này。

於是阿難。說此語已啼泣躑地。

ư thị A-nan。 thuyết thử ngữ dĩ đề khắp tích địa。

A-nan nói lời này xong, kêu khóc rồi chân khuyu xuống đất。

於時善思義菩薩為阿難。說此偈言。

ư thì thiện tu nghĩa Bồ-tát vị A-nan。 thuyết thử kệ ngôn。

Khi ấy, Bồ-tát Thiện Tu Nghi vì A-nan mà nói kệ rằng:

阿難仁莫啼

A-nan nhân mạc đề

A-nan chớ nên khóc

合會有別離

hợp hội hữu biệt ly

Có hợp thì có tan

於是空無法

ư thị không vô Pháp

Không pháp nào là không

萬物皆無常

vạn vật giai vô thường

Vạn vật đều vô thường

況人焉可常

huống nhân yên khả thường

Huống người có thể thường

阿難何為啼

A-nan hà vi đề

A-nan vì sao khóc?

咸有聚會者
hàm hữu tụ hội giả
Các sự hội tụ ấy
佛道亦無得
Phật đạo diệc vô đắc
Phật đạo cũng không đắc
所合會為空
sở hợp hội vi không
Chỗ hợp hội là không
若念若不念
nhược niệm nhược bất niệm
Hoặc niệm hoặc chẳng niệm
無獲空無有
vô hoạch không vô hữu
Không được không không có
又如化象馬
hựu như hóa tượng mã
Lại như hóa voi ngựa
巧幻師所現
xảo huyền sư sở hiện
Người thợ khéo vẽ ra
於是阿難以偈答善思義菩薩言。

ư thị A-nan dĩ kệ đáp Thiện Tư Nghĩa Bồ-tát ngôn.
Rồi A-nan dùng kệ đáp lại Bồ-tát Thiện Tư Nghi rằng:

實然如仁言
thật nhiên như nhân ngôn
Thật như lời Ngài nói
我今日當離
ngã kim nhật đương ly
Hôm nay tôi sẽ lìa
云何入舍衛
vân hà nhập Xá-vệ
Vào Xá-vệ làm gì
正覺為在不
chánh giác vi tại bất
Chánh Giác ở lại chẳng?
若入香積山
nhược nhập hương tích sơn
Nếu vào núi Hương Tích
但見其空座
đãn kiến kỳ không tọa
Chỉ thấy tòa trống không
若出香積山
nhược xuất hương tích sơn
Nếu rời núi Hương Tích
人中尊在中
nhân trung tôn tại trung
Nhân Trung Tôn rộng giảng
見迦利羅空
kiến Ca-lợi La không
Thấy Ca-lợi trống không
若入音聲園
nhược nhập âm thanh viên
Nếu vào vườn âm thanh
用不見正覺
dụng bất kiến chánh giác

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

諸會難得久
chư hội nan đắc cửu
Thầy đều khó được lâu
阿難何為悲
A-nan hà vi bi
A-nan vì sao khóc?
慧慧亦復空
tuệ tuệ diệc phục không
Tuệ tuệ cũng lại không
一切法無念
nhất thiết Pháp vô niệm
Thầy pháp đều vô niệm
譬若如野馬
thí nhược như dã mã
Thí như ngựa đồng trống
園果樹木華
viên quả thụ mộc hoa
Vườn cây cối hoa quả
佛弟子如是
Phật đệ-tử như thị
Đệ tử Phật như vậy

諸法無所念
chư Pháp vô sở niệm
Các pháp đều vô niệm
違遠於世尊
vi viễn ư Thế Tôn
Viễn viễn xa Thế Tôn
彼問以何答
bỉ vân dĩ hà đáp
Kìa hỏi lấy gì đáp?
法眼當來不
Pháp nhãn đương lai bất
Pháp Nhãn sẽ đến chẳng?
不見人中尊
bất kiến nhân trung tôn
Chẳng thấy Nhân Trung Tôn
何忍住於彼
hà nhân trụ ư bi
Ở đó sao chịu nổi?
入迦利精舍
nhập Ca-lợi Tịnh xá
Vào Tịnh xá Ca-lợi
廣說於四諦
quảng thuyết ư tứ đế
Pháp Tứ đế trong đó
無世雄光神
vô Thế Hùng quang Thần
Không ánh sáng của Phật
於中獨啼哭
ư trung độc đề khóc
Một mình khóc trong đó
馳走趣四方
trì tâu thú tứ phương

Cần chẳng thấy Chánh Giác

其淚充滿目

kỳ lệ sung mãn mục

Lệ tràn đầy khoe mắt

爾時喜信淨菩薩為賢者阿難。說偈言。

nhĩ thì Hỷ Tín Tịnh Bồ-tát vị hiền giả

Lúc bấy giờ Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh vì hiền

若億歲愁憂

nhược ức tuế sầu ưu

Nếu ức năm sầu lo

阿難且觀是

A-nan thả quán thị

A-nan hãy tạm quán:

譬如芭蕉樹

thí như ba tiêu thụ

Thí dụ như cây chuối

獲之無所得

hoạch chi vô sở đắc

Cuối cùng chẳng có gì

譬如天雨時

thí như Thiên vũ thì

Thí như khi mưa lớn

適起便復漂

thích khởi tiện phục phiêu

Chính nước nổi thành bọt

譬如水之沫

thí như thủy chi bọt

Thí như bọt trên nước

獲之不可得

hoạch chi bất khả đắc

Nắm bắt chẳng thể được

譬如明鏡淨

thí như minh kính tịnh

Thí như gương sáng sạch

三界亦如是

tam giới diệc như thị

Ba cõi cũng như vậy

於是阿難以偈答喜信淨菩薩言。

ư thị A-nan dĩ kệ đáp Hỷ Tín Tịnh Bồ-tát ngôn.

Rồi A-nan dùng kệ đáp Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh rằng:

非為不知是

phi vi bất tri thị

Chẳng phải không biết vậy

三界無所有

tam giới vô sở hữu

Ba cõi thấy không có

見是億人眾

kiến thị ức nhân chúng

Nhưng vì thấy nhiều người

至我所愁泣

chí ngã sở sầu khấp

Khiến tôi phải sầu khóc

今世尊當去

kim Thế Tôn đương khứ

Nay Thế Tôn sẽ đi

Rào chạy khắp bốn phương

何忍住於彼

hà nhẫn trụ ư bỉ

Ở đó sao chịu nổi?

A-nan。thuyết kệ ngôn。

giả A-nan mà nói kệ rằng:

安可有所得

an khả hữu sở đắc

Nào có thể được gì?

法界甚難得

Pháp giới thậm nan đắc

Pháp giới rất khó được

葉葉分解之

diệp diệp phân giải chi

Phân ra từng bẹ một

萬物皆如是

vạn vật giai như thị

Vạn pháp đều như vậy.

水中之有泡

thủy trung chi hữu phao

Trong nước có bọt nổi

萬物亦如是

vạn vật diệc như thị

Vạn vật cũng như vậy

但可以眼觀

đãn khả dĩ nhãn quán

Chỉ nên lấy mắt nhìn

四種亦如是

tứ chủng diệc như thị

Tứ chủng cũng như vậy

影現不可得

ảnh hiện bất khả đắc

Bóng ấy chẳng thể được

阿難何為啼

A-nan hà vi đề

A-nan vì sao khóc?

不為不見是

bất vi bất kiến thị

Chẳng phải không thấy vậy

經常載說此

Kinh thường tái thuyết thử

Kinh thường nói điều này

淚下皆交流

lệ hạ giai giao lưu

Lệ đều tuôn giàn dựa

用是益感感

dụng thị ích cảm thích

Vì quá ư cảm động

人上忽不現

nhân thượng hốt bất hiện

Như Lai bỗng chẳng hiện

當於何求索
đương ư hà cầu tác
Cần tìm cầu điều gì
當從誰聞法
đương tùng thùy văn Pháp
Phải theo ai nghe pháp
當入何所難
đương nhập hà sở nan
Chỗ nào sẽ khó vào
爾時空無菩薩為阿難。說偈言。

nhĩ thì Không Vô Bồ-tát vị A-nan. thuyết kệ ngôn.
Lúc bấy giờ Bồ-tát Không Vô vì A-nan mà nói kệ rằng:

阿難起莫憂
A-nan khởi mạc ưu
A-nan chớ sầu lo
法為不可得
Pháp vi ất khả đắc
Pháp là chẳng thể được
如諸佛生時
như chư Phật sanh thì
Nhu Phật lúc tại thế
如佛轉法輪
như Phật chuyển Pháp luân
Nhu Phật chuyển Pháp luân
生不生於生
sanh bất sanh ư sanh
Sanh nhưng chẳng phải sanh
於無生之法
ư vô sanh chi Pháp
Pháp ấy là vô sanh
觀我身毛孔
quán ngã thân mao khổng
Quán thân lỗ chân lông
佛說空無有
Phật thuyết không vô hữu
Phật nói không không có
於是阿難以偈答空無菩薩言。

ư thị A-nan dĩ kệ đáp Không Vô Bồ-tát ngôn.
Rồi A-nan dùng kệ đáp Bồ-tát Không Vô rằng:

仁等各當去
nhân đẳng các đương khứ
Nhân đẳng đều sẽ đi
當見億諸佛
đương kiến ức chư Phật
Sẽ thấy ức chư Phật
我等及億天
ngã đẳng cập ức Thiên
Chúng ta và ức Thiên
比丘比丘尼
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
或從數千里
hoặc tùng số thiên lý
Hoặc từ vài thiên lý
號呼聲遠聞

誰復為我護
thùy phục vi ngã hộ
Ai lại sẽ giúp con?
深奧難解句
thâm áo nan giải cú
Câu thâm áo khó giải
嗚呼佛難值
ô hô Phật nan trị
Than ôi Phật khó gặp!

觀於法非法
quán ư Pháp phi Pháp
Hãy quán pháp, phi pháp:
何緣當有滅
hà duyên đương hữu diệt
Duyên gì sẽ có mất?
得道亦如是
đắc đạo diệt như thị
Đắc đạo cũng như vậy
泥洹亦如是
Nê-hoàn diệt như thị
Nê-hoàn cũng như vậy
佛道亦無滅
Phật đạo diệt vô diệt
Phật đạo cũng không diệt
阿難何為啼
A-nan hà vi đề
A-nan sao lại khóc?
諸所講說業
chư sở giảng thuyết nghiệp
Chỗ giảng nói về nghiệp
法界亦如是
Pháp giới diệt như thị
Pháp giới cũng như vậy.

於諸界無憂
ư chư giới Vô ưu
Thế giới không ưu sầu
講說上妙法
giảng thuyết thượng diệu Pháp
Giải nói pháp thượng diệu
周匝相圍繞
châu tạp tương vây quanh
Cùng vây quanh giáp vòng
共舉舉吁嗟
cộng cử cử hu ta
Cùng cất tiếng than ôi
皆來至我所
giai lai chí ngã sở
Đều đi đến chỗ tôi
釋師子所在

hiệu hô thanh viễn văn
Xa vang tiếng hô to
叨利及焰天
Đạo-lợi cập Diệm Thiên
Đạo-lợi cùng Diệm Thiên

世尊為至梵
Thế Tôn vị Chí Phạm
Thế Tôn vị Phạm Chí
在閑居三月
tại nhàn cư tam nguyệt
Ở an cư ba tháng

世雄何時起
Thế Hùng hà thì khởi
Thế Hùng sẽ lúc nào
爾時神通華菩薩為阿難說偈言。

nhĩ thì Thân Thông Hoa Bồ-tát vì A-nan thuyết kệ ngôn.
Lúc bấy giờ Bồ-tát Thân Thông Hoa vì A-nan mà nói kệ rằng:

我為以知是
ngã vi dĩ tri thị
Ta vì biết như vậy
示現於仁前
thị hiện ư nhân tiền
Thị hiện trước nhân giả
我當故為汝
ngã đương cố vị nhữ
Ta cũng sẽ vì ông

令轉第一法
linh chuyển đệ nhất Pháp
Khiến chuyển đệ nhất Pháp

諸佛有大哀
chư Phật hữu đại ai
Chư Phật có đại bi

阿難勿得悲
A-nan vật đắc bi
A-nan chớ sầu bi

諸天龍尚憂
chư Thiên long thượng ưu
Chư Thiên, Rồng còn buồn

如是之光明
như thị chi quang-minh
Ánh sáng Phật như vậy

佛為以說是
Phật vi dĩ thuyết thị
Phật đã dạy như thế

雖住於億劫
tuy trụ ư ức kiếp
Tuy ở đời ức kiếp

於是阿難起住佛前三舉聲。說此偈言。

ư thị A-nan khởi trụ Phật tiền tam cử thanh. thuyết thủ kệ ngôn.
Khi ấy A-nan đứng dậy đến trước Phật cất tiếng ba lần, nói lời kệ này:

佛為一切護
Phật vi nhất thiết hộ
Phật cứu giúp tất cả

世間當復冥
thế gian đương phục minh

Thích Su-tử sở tại
Nơi Thích Su tử ở
兜術泥摩羅
Đâu Thuật Nê Ma La
Đâu-thuật, Nê-ma-la
何時當來下
hà thì đương lai hạ
Lúc nào sẽ giáng hạ
人中尊一心
nhân trung tôn nhất tâm
Nhân Trung Tôn nhất tâm
當復擊法鼓
đương phục kích Pháp cổ
Đánh lại tiếng trống Pháp?

自期於三月
tự kỳ ư tam nguyệt
Tự kỳ hạn ở ba tháng
阿難可勿啼
A-nan khả vật đề
A-nan chớ nên khóc

啟白于如來
khải bạch vu Như-Lai
Khải bạch với Như Lai
用離釋尊故
dụng ly Thích Tôn cố
Dùng khi xa Thích Tôn
當來至人所
đương lai chí nhân sở
Đương lai đến chỗ người

人中尊以起
nhân trung tôn dĩ khởi
Nhân Trung Tôn đã định

何況於汝身
hà huống ư nhữ thân
Huống là đối với ông

乃於世滅盡
nãi ư thế diệt tận
Diệt mất ở cõi đời

面從世尊聞
diện tùng Thế Tôn văn
Cứ nghe theo Thế Tôn

諸會猶別離
chư hội do biệt ly
Họp rồi phải lìa xa.

今日當泥洹
kim nhật đương Nê-hoàn
Hôm nay sẽ nhập diệt
為以失眠明
vi dĩ thất nhãn minh

Thế gian sẽ tối tăm
國王及尊者
Quốc Vương cập Tôn-Giả
Quốc Vương cùng Tôn giả
何忍聞是言
hà nhân văn thị ngôn
Nghe lời này sao đành,
力士力士妻
lực sĩ lực sĩ thê
Lực sĩ vợ lực sĩ
悲哀皆啼泣
bi ai giai đề khấp
Đều buồn thương kêu khóc
諸天龍之類
chư Thiên long chi loại
Các loài rồng cõi Trời
涕流至于膝
thê lưu chí vu tất
Lệ chảy dài xuống gối
難頭和難龍
nan đầu hòA nan long
Rồng Nan-đầu-hòa-nan
皆來共啼哭
giai lai cộng đề khốc
Đều cùng đến kêu khóc
和陵摩奈龍
hòa lăng ma nại long
Rồng Hòa-lăng-ma-nại
淚啼一由旬
lệ đề nhất do-tuần
Lệ chảy một do tuần
阿耨達龍王
a nậu đạt long Vương
A-nậu-đạt Long Vương
淚涕如車輪
lệ thê như xa luân
Nước mắt như bánh xe
伊隸鉢龍王
y lệ bát long Vương
Y-lệ-bát Long Vương
啼泣發洪音
đề khấp phát hồng âm
Phát tiếng kêu khóc lớn
千億諸鬼神
thiên ức chư quỷ Thần
Ngàn ức các quỷ Thần
前稽首佛足
tiền khê thủ Phật túc
Đầu lễ trước chân Phật
諸釋有億千
chư thích hữu ức thiên
Đế-thích có ức ngàn
前行禮佛足
tiền hành lễ Phật túc
Hành lễ trước chân Phật
於是億梵天

Phật Thuyết Phương Đăng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

Vì do mắt mắt sáng
界穢國勤苦
tý si quốc cần khổ
Cho nước mắt, cần khổ
佛當般泥洹
Phật đương Bát Nê-hoàn
Phật sẽ nhập Niết-bàn
力士子俱來
lực sĩ tử câu lai
Con lực sĩ đều đến
最後見世尊
tối hậu kiến Thế Tôn
Thấy Phật lần sau cùng
周匝五由旬
châu tạp ngũ do-tuần
Giáp vòng năm do tuần
除餘諸人民
trừ dư chư nhân dân
Ngoài ra các nhân dân
六十億龍俱
lục thập ức long câu
Rồng đủ sáu mươi ức
最後見世尊
tối hậu kiến Thế Tôn
Thấy Phật lần sau cùng
娑竭有大力
sa kiết hữu Đại lực
Sa Kiết có sức lớn
往詣於佛所
vãng nghê ư Phật sở
Đi đến chỗ của Phật
百億眾圍繞
bách ức chúng vây quanh
Trăm ức chúng vây quanh
往至於佛所
vãng chí ư Phật sở
Đi đến chỗ của Phật
化作大身來
hóa tác Đại thân lai
Hóa làm thân lớn đến
往到於佛所
vãng đáo ư Phật sở
Đi đến chỗ của Phật
及百那術眾
cập bách na-thuật chúng
Cùng trăm na-thuật chúng
最後見世尊
tối hậu kiến Thế Tôn
Thấy Phật lần sau cùng
其眾百那術
kỳ chúng bách na-thuật
Chúng có trăm na-thuật
明眼莫泥洹
minh nhãn mạc Nê-hoàn
Minh Nhãn chó Niết-bàn!
明昭是天地

- 59 -

Tuequang Foundation

ư thị úc Phạm Thiên
Rồi đến úc Phạm Thiên
前禮於佛足
tiên lễ ư Phật túc
Đảnh lễ trước chân Phật

魔子於彼來
ma tử ư bỉ lai
Ma tử kia lại đến

哀念一切故
ai niệm nhất thiết cố
Thương nghĩ hết tất cả
爾時空無菩薩。

nhĩ thì Không Vô Bồ-tát。
Lúc bấy giờ Bồ-tát Không Vô

為釋梵天龍鬼神犍沓和魔子導師。說偈言。

vị thích Phạm Thiên long quý Thần kiên đạ hòa ma tử Đạo sư. thuyết kệ ngôn.
vì ĐẾ-thích, Phạm Thiên, Rồng, Quý Thần, Kiên-đạ-hòa, Ma tử, Đạo sư mà nói kệ
rằng:

汝等皆無知
nhữ đẳng giai vô tri
Các người đều vô tri

已為放逸行
dĩ vi phóng dật hành
Do vì hành phóng dật

譬如諸嵩貌
thí như chư tung tì
Thí như các gấu trắng

若人以刀擊

nhược nhân dĩ đao kích
Nếu người dùng dao đánh

卿等亦如是
khanh đẳng diệc như thị
Các khanh cũng như vậy

若正覺在者
nhược chánh giác tại giả
Nếu Chánh Giác ở lại

今日光當去
kim nhật quang đương khứ
Nay Nhật Quang sẽ đi

卿等當何作
khanh đẳng đương hà tác
Các khanh sẽ làm gì

是時佛告賢者。

thị thì Phật cáo hiền giả。
Khi ấy, Phật bảo các hiền giả

阿那律大迦旃延分釋文陀尼弗鳩摩迦葉須菩提目呵羅耶大拘絺。

A-na-luật, Đại Ca-chiên-diên, Phân-nậu-văn-đà-ni-phất, Cưu-ma-ca-diếp, Tu-bồ-đề
Mục Ha La Da Đại Câu Hy,

A-na-luật, Đại Ca-chiên-diên, Phân-nậu-văn-đà-ni-phất, Cưu-ma-ca-diếp, Tu-bồ-đề
Mục-ha-la-da, Đại Câu-hy v.v.

汝等。皆伸臂授如來掌。

nhữ đẳng. giai thân tý thụ Như-Lai chuông。

các ông đều hãy duỗi cánh tay ra cầm bàn tay của Như Lai.

應時十萬比丘伸臂授世尊掌。佛以左手授諸比丘掌。

minh chiêu thị Thiên địa
Sáng soi Trời đất này

願尊住一劫
nguyện tôn trụ nhất kiếp
Nguyện Ngài trụ một kiếp!

導師自言在
Đạo sư tự ngôn tại
Đạo Sư tự mình nói

願尊住一劫
nguyện tôn trụ nhất kiếp
Nguyện Phật trụ một kiếp!

但作強法語
đãn tác cường Pháp ngữ
Chỉ được pháp mạnh nói

於今甫啼泣
ư kim phủ đề khấp
Nên nay mới kêu khóc

所住於無點
sở trụ ư vô hiệt
Ở chỗ không sáng sủa

即便懷悲喚

túc tiện 懷 bi hoán
Thì liền kêu khóc la

一切皆啼泣
nhất thiết giai đề khấp
Thầy đều kêu khóc la

故行放逸行
cố hành phóng dật hành
Vì làm hạnh phóng dật

其智譬如海
kỳ trí thí như hải
Trí Người thí như biển

釋尊已泥洹
thích tôn dĩ nê hoàn
Thích Tôn đã nhập diệt?

ứng thì thập vạn Tỳ-kheo thân tỳ thụ Thế Tôn chuông. Phật dĩ tả thủ thụ chu Tỳ-kheo chuông.

Liên khi ấy, mười vạn Tỳ-kheo duỗi cánh tay ra cầm bàn tay của Thế Tôn. Phật dùng tay trái cầm những bàn tay của các Tỳ-kheo,

右手持阿難羅云掌。著諸比丘手中。

hữu thủ trì A-nan la vân chuông. trước chu Tỳ-kheo thủ trung.

tay phải cầm tay của A-nan, La-vân đặt vào trong tay của các Tỳ-kheo mà rằng:

我所以親敬阿難羅云囑累汝等。爾時即如其像有大自然音。

ngã sở dĩ thân kính A-nan La Vân chúc lữ nhữ đẳng. nhĩ thì tức như kỳ tượng hữu Đại tự nhiên âm.

Ta sở dĩ làm như vậy là muốn thân kính giao phó A-nan, La-vân cho các ông. Lúc bấy giờ dường như tự nhiên có âm thanh lớn.

其音遍告一佛國。其千比丘聞所囑累。

kỳ âm biến cáo nhất Phật quốc. kỳ thiên Tỳ-kheo văn sở chúc lữ.

Âm thanh ấy bảo khắp cả ngàn Tỳ-kheo trong một cõi nước Phật. Nghe lời phó chúc như vậy xong,

欲放身命言。我等當先沒泥洹。

dục phóng thân mạng ngôn. ngã đẳng đương tiên một Nê-hoàn.

muốn chết theo mà nói rằng: Chúng con sẽ nhập diệt trước Thế Tôn,

不忍見世雄般泥洹時也。於是佛伸臂向北方。

bất nhẫn kiến thế hùng bát Nê-hoàn thì dã. ư thị Phật thân tỳ hướng Bắc phương. chúng con không sao chịu nổi khi thấy Thế Hùng nhập niết-bàn! Thế rồi Phật duỗi cánh tay hướng về phương Bắc,

應時他方世界五百佛。伸手授佛掌。佛便持阿難羅云手。

ứng thì tha phương thế giới ngũ bách Phật. thân thủ thụ Phật chuông. Phật tiện trì A-nan La Vân thủ.

tức thì năm trăm vị Phật ở các thế giới phương khác đều duỗi cánh tay ra cầm bàn tay Phật. Phật bèn cầm tay A-nan, La Vân

著諸佛掌中我持所親阿難及子羅云累諸世

trước chu Phật chuông trung ngã trì sở thân A-nan cập tử La Vân luy chu Thế

đặt vào bàn tay của chu Phật mà nói rằng: Tôi thân kính giao phó A-nan, La Vân cho các đấng Thế Hùng.

雄。爾時佛便說偈言。

Hùng. nhĩ thì Phật tiện thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ, Phật liền nói kệ rằng:

我持子羅云

ngã trì tử La Vân

Tôi đem con La Vân

面以此囑累

diện dĩ thử chúc lữ

Hướng về đây giao phó

誰為無護者

thùy vi vô hộ giả

Vị nào không người hộ

獨諸佛世尊

độc chư Phật Thế Tôn

Chỉ các Phật Thế Tôn

今日之夜半

kim nhật chi dạ bán

Hôm nay vào giữa đêm

在閻浮提者

tại Diêm-phù-đề giả

Ở cõi Diêm-phù này

遍觀諸世界

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

及侍者阿難

cập thị giả A-nan

Cùng thị giả A-nan

諸佛之世尊

chư Phật chi Thế Tôn

Chư Phật các Thế Tôn

能為作擁護

năng vi tác ủng hộ

Có thể dùng ủng hộ

其智無罣礙

kỳ trí vô quái ngại

Trí ấy không quái ngại

天龍世人民

Thiên Long thế nhân dân

Trời, rồng, người thế gian

不復得見我

bất phục đắc kiến ngã

Chẳng còn thấy lại Tôi.

無量難思議

biển quán chu thể giới
Nhìn khắp các thể giới
都不見一人
đồ bất kiến nhất nhân
Đều chẳng thấy một người

無央數億劫
vô ương số ức kiếp
Vô ương số ức kiếp
能以一人故
năng dĩ nhất nhân cố
Có thể vì một người

其恭敬佛法
kỳ phụng kính Phật Pháp
Phụng trì kính Phật pháp
以無恭敬者
dĩ vô cung kính giả
Như người không kính cẩn

爾時五百佛各欲還其國土。
nhĩ thì ngũ bách Phật các dục hoàn kỳ quốc độ。
Lúc bấy giờ năm trăm vị Phật đưa tay cho A-nan và La Vân cầm xong đều muốn trở về cõi nước mình,
授阿難羅云掌已。便說偈言。

thụ A-nan La Vân chương dĩ。tiện thuyết kệ ngôn。
liền nói kệ rằng:

其恭敬諸佛
kỳ phụng kính chư Phật
Người phụng kính chư Phật
所示現濟脫
sở thị hiện tế thoát
Thị hiện hạnh cứu giúp

釋師子世尊
Thích Sư tử Thế Tôn
Thích Sư tử Thế Tôn

飽滿億數人
bão mãn ức số nhân
Đầy đủ số ức người

於是阿難羅云。為諸佛跪啼泣悲訴。

ư thị A-nan La Vân。vị chư Phật quy đê khắp bi tố。
Thế rồi A-nan và La Vân quỳ dưới chư Phật kêu khóc than
說偈言。

thuyết kệ ngôn。
nói kệ rằng:

願諸大勇猛
nguyện chư Đại dũng mãnh
Mong các Đại dũng mãnh
諸佛之威神
chư Phật chi uy Thần
Oai thần của chư Phật

令無數億人
Linh vô số ức nhân
Cho vô số ức người

天龍諸鬼神
Thiên Long chư quỷ Thần
Các Trời rồng quỷ thần

爾時五百佛各各還其世界已。

vô lượng nan tu nghị
Vô lượng khó nghĩ bàn
當為住度者
đương vi trụ độ giả
Đáng làm người để độ

譬如恒邊沙
thí như Hằng biên sa
Nhiều như các sông Hằng
忍住爾所劫
nhẫn trụ nhĩ sở kiếp
Nhẫn trụ kiếp như vậy,

我義度此人
ngã nghĩa độ thử nhân
Ta nên độ người này
億佛不能療
ức Phật bất năng liệu
Ức Phật chẳng thể cứu.

佛義度此人
Phật nghĩa độ thử nhân
Phật nghĩa độ người này
輒廣弘法鼓
triếp quảng hoàng Pháp cổ
Trỗi lớn tiếng trống pháp

滌除諸憂患
địch trừ chư ưu hoạn
Tẩy trừ bao sầu não

如天雨潤地
như Thiên vũ nhuận địa
Như trời mưa thấm đất

勸尊住一劫
khuyến tôn trụ nhất kiếp
Khuyến Phật trụ một kiếp!

令明住一劫
Linh minh trụ nhất kiếp
Chân minh trụ một kiếp!

得義住正諦
đắc nghĩa trụ chánh đế
Được ở trong Chánh đế

皆發大道意
giai phát Đại đạo ý
Đều phát tâm đạo lớn.

nhĩ thì ngũ bách Phật các các hoàn kỳ thế giới dĩ.
Lúc bấy giờ năm trăm vị Phật đều trở về cõi nước mình xong
告賢者阿難羅云言。止。阿難羅云。無憂無悲。
cáo hiền giả A-nan La Vân ngôn. chi. A-nan La Vân. Vô ưu vô bi.
bảo hiền giả A-nan và La Vân rằng: A-nan và La Vân đừng sầu đừng lo nữa.
諸佛天中天法伸臂者。為已竟。若放光明及來若住。
chư Phật Thiên trung Thiên Pháp thân tỳ giả. vi dĩ cánh. nhược phóng quang-minh
cập lai nhược trụ.
Chư Phật, bậc Thiên Tru Thiên dùng phép mà duỗi cánh tay xong rồi thu lại, hoặc
phóng ánh sáng, hoặc đến hoặc trụ.
是為諸佛之示現也。
thị vi chư Phật chi thị hiện dã.
Đây là sự thị hiện của chư Phật mà thôi.

度地獄品第五
độ Địa-ngục phẩm đệ ngũ
PHẨM THỨ NĂM: ĐỘ ĐỊA NGỤC

於是佛便三昧。
ư thị Phật tiện tam-muội.
Đúng lúc đó, Phật liền nhập Tam-muội,
右足大指放億那術百千光明。一一光明端化作億百千蓮華。
hữu túc Đại chỉ phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh. nhất nhất quang-minh
đoan hóa tác úc bách thiên liên hoa.
dùng ngón chân cái phải phóng vô lượng trăm ngàn ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng hóa
úc trăm ngàn hoa sen,
一一蓮華上化作億百千座。
nhất nhất liên hoa thượng hóa tác úc bách thiên tọa.
mỗi mỗi hoa sen hóa úc trăm ngàn tòa ngồi.
一一座上有一化如來坐說法。一如來令億那術百千人。立不起滅地。
nhất nhất tọa thượng hữu nhất hóa Như-Lai tọa thuyết Pháp. nhất nhất như lai
lệnh úc na-thuật bách thiên nhân. lập bất khởi diệt địa.
Trên mỗi mỗi tòa ngồi có một đức Như Lai hóa thân ngồi nói pháp, mỗi mỗi Như Lai
khiến vô số trăm ngàn người an trú chẳng rời khỏi đất.
時佛復以左足大指放億那術百千光明。
thì Phật phục dĩ tả túc Đại chỉ phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh.
Khi đó Phật dùng ngón chân cái trái phóng vô lượng trăm ngàn ánh sáng.
十足指放十億那術百千光明。
thập túc chỉ phóng thập úc na-thuật bách thiên quang-minh.
Mười ngón chân phóng mười úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.
十手指放十億那術百千光明。兩膝放二億那術百千光明。
thập thủ chỉ phóng thập úc na-thuật bách thiên quang-minh. lượng tất phóng nhị
úc na-thuật bách thiên quang-minh.
Mười ngón tay phóng ra mười úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng. Hai đầu gối phóng ra
hai úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.
兩臚放二億那術百千光明。
lượng tãn phóng nhị úc na-thuật bách thiên quang-minh.
Hai xương bánh chè phóng ra hai úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.
陰馬藏放億那術百千光明。齊中放億那術百千光明。

âm mã tạng phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh. tề trung phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh.

Mã âm tạng phóng ra úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng. Trong gấu áo phóng ra úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.

兩肩肘放二億那術百千光明。

lượng kiên trù phóng nhị úc na-thuật bách thiên quang-minh.

Hai vai và khuỷu tay phóng ra hai úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.

腦戶放億那術百千光明。左右脇放二億那術百千光明。

não hộ phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh. tả hữu hiệp phóng nhị úc na-thuật bách thiên quang-minh.

Não bộ phóng ra úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng. Hai nách trái phải phóng ra hai úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.

四十齒放四十億那術百千光明。

tứ thập xỉ phóng tứ thập úc na-thuật bách thiên quang-minh.

bốn mươi răng phóng bốn mươi úc nhiều nghề thuật trăm ngàn quang-minh.

Bốn mươi chiếc răng phóng ra bốn mươi úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.

面放億那術百千光明。頂相放億那術百千光明。

diện phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh. đỉnh tướng phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh.

Mặt phóng trăm ngàn ánh sáng vào úc na-thuật. Tướng đỉnh đầu phóng trăm ngàn ánh sáng vào úc na-thuật.

三十二大人相放三十二億那術百千光明。

tam thập nhị Đại nhân tướng phóng tam thập nhị úc na-thuật bách thiên quang-minh.

Ba hai tướng của bậc Đại nhân phóng ra ba mươi hai úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.

兩眉間相放億那術百千光明。八十種好一一好。

lượng my gian tướng phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh. bát thập chủng hảo nhất nhất hảo.

Tướng hai lông mày phóng ra úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng. Tám mươi tướng tốt, mỗi mỗi tướng

各放億那術百千光明。

các phóng úc na-thuật bách thiên quang-minh.

phóng vào úc na-thuật trăm ngàn ánh sáng.

一一光明端有化億那術百千蓮華。一一蓮華上有化億那術百千座。

nhất nhất quang-minh đoan hữu hóa úc na-thuật bách thiên liên hoa. nhất nhất

liên hoa thượng hữu hóa úc na-thuật bách thiên tọa.

Mỗi mỗi ánh sáng có hóa ra úc na-thuật trăm ngàn hoa sen. Trên mỗi mỗi hoa sen có hóa ra úc na-thuật trăm ngàn tòa ngòai.

一一座上各有坐如來說法。

nhất nhất tọa thượng các hữu tọa Như-Lai thuyết Pháp.

Trên mỗi mỗi tòa ngòai đều có Như Lai nói pháp.

是諸佛世尊不講異義。

thị chư Phật Thế Tôn bất giảng dị nghĩa.

Chư Phật Thế Tôn này chẳng giảng nói nghĩa gì khác

但詠菩薩法品摠持金剛行三品清淨力無所畏。

đãn vịnh Bồ-tát Pháp phẩm tổng trì Kim cương hành tam phẩm thanh tịnh lực vô sở úy.

mà chỉ ca ngợi về phẩm Bồ-tát, phẩm Tổng Trì Kim Cang Hạnh Tam-muội, Lực thanh tịnh, Vô sở úy.

一一化如來令億那術百千人立不退轉法。佛爾時便於雙樹間更化作佛。

nhất nhất hóa Như-Lai lệnh úc na-thuật bách thiên nhân lập bất thối chuyển Pháp. Phật nhĩ thì tiện ư song thụ gian canh hóa tác Phật. Mỗi mỗi hóa thân Như Lai khiến cho úc na-thuật trăm ngàn người an trú chẳng lay động đối với Pháp. Đức Phật lúc bấy giờ ở giữa hai cây Sa-la mà biến hóa làm thân Phật.

往至先儒大泥犁放光明。

vãng chí tiên nho Đại nê lê phóng quang-minh。

Tiên Nho (đức Phật) phóng ra ánh sáng xuống đến địa ngục Đại Nê-Lê.

其光遍照思想大獄中。佛爾時便說偈言。

kỳ quang biến chiếu tư tưởng Đại ngục trung. Phật nhĩ thì tiện thuyết kệ ngôn. Ánh sáng ấy chiếu đến khắp mọi tư tưởng của những người trong địa ngục. Lúc bấy giờ, Phật liền nói kệ rằng:

是諸人已解脫
thị chư nhân dĩ giải thoát
Những người này đã giải thoát

用習起思想故
dụng tập khởi tư tưởng cố
Vì làm, tập, khởi tư tưởng

於世間有得道
ư thế gian hữu đắc đạo
Ở đời người có được đạo

其所說於正法
kỳ sở thuyết ư chánh Pháp
Vì họ giảng nói chánh pháp

無所盡無所得
vô sở tận vô sở đắc
Không chỗ tận không chỗ được

其有知是法者
kỳ hữu tri thị Pháp giả
Người nào có biết pháp này

佛適說是偈竟已。

Phật thích thuyết thị kệ cánh dĩ。

Phật đến nói kệ này xong

應時具足億那術百千人於思想地獄得脫。即生忉利天上。

ứng thì cụ túc úc na-thuật bách thiên nhân ư tư tưởng Địa-ngục đắc thoát。 tức sanh Đao-lợi Thiên thượng。

tức thì đủ cả úc na-thuật trăm ngàn người từ tư tưởng địa ngục đều được giải thoát, liền sanh lên cõi trời Đao-lợi。

時佛便復往忉利天上。便重說此偈言。

thì Phật tiện phục vãng Đao-lợi Thiên thượng. tiện trọng thuyết thử kệ ngôn。

Khi ấy, Phật lại đến cung trời Đao-lợi lập lại bài kệ trên lần nữa:

是諸人已解脫
thị chư nhân dĩ giải thoát
Những người này đã giải thoát

用習思想之故
dụng tập tư tưởng chi cố
Vì làm, tập, khởi tư tưởng

於世間有得道
ư thế gian hữu đắc đạo
Ở đời người có được đạo

其所說於正法
kỳ sở thuyết ư chánh Pháp
Vì họ giảng nói Chánh pháp

無所盡無所得

復數數有思想
phục số số hữu tư tưởng
Vài người lại có tư tưởng

令其生於苦惱
lệnh kỳ sanh ư khổ não
Khiến họ sanh chỗ khổ não

佛世尊放光明
Phật Thế Tôn phóng quang-minh
Phật Thế Tôn phóng ánh sáng

令滅盡諸苦惱
lệnh diệt tận chư khổ não
Khiến diệt hết các khổ não

無有起亦無滅
vô hữu khởi diệt vô diệt
Không có khởi cũng không diệt

終不歸於惡道
chung bất quy ư ác đạo
Trọn chẳng đi vào đường ác

復數數有思想
phục số số hữu tư tưởng
Vài người lại có tư tưởng
令其生苦痛中
lệnh kỳ sanh khổ thống trung
Khiến họ sanh chỗ khổ não

佛世尊放光明
Phật Thế Tôn phóng quang-minh
Phật Thế Tôn phóng ánh sáng

令滅盡諸苦惱
lệnh diệt tận chư khổ não
Khiến diệt hết các khổ não

無有滅亦無起

vô sở tận vô sở đắc
Không chỗ tận không chỗ được

其有知是法者
kỳ hữu tri thị Pháp giả
Người nào có biết pháp này

世尊說是偈適竟。應時具足億那術百千人。

Thế Tôn thuyết thị kệ thích cánh. ứng thì cụ túc ức na-thuật bách thiên nhân.
Thế Tôn nói kệ nói kệ này xong, tức thì đầy đủ ức na-thuật trăm ngàn người trong chúng

聞是法得須陀洹道。得神通已。便說此偈言。

văn thị Pháp đắc Tu-đà-hoàn đạo. đắc Thần thông dĩ. tiện thuyết thủ kệ ngôn.
nghe pháp này mà đắc đạo Tu-đà-hoàn, được thần thông xong liền nói kệ này:

無有起亦無盡
vô hữu khởi diệt vô tận
Không có khởi cũng không tận

吾之等解於法
ngô chi đẳng giải ư Pháp
Chúng con đều được giải thoát

其智慧如光明
kỳ trí tuệ như quang-minh
Trí tuệ Phật như ánh sáng

現因緣為解脫
hiện nhân duyên vi giải thoát
Hiện nhân duyên làm giải thoát

滅愁苦得大智
diệt sầu khổ đắc Đại trí
Diệt sầu khổ được trí lớn

諸一切佛所療
chư nhất thiết Phật sở liệu
Tất cả người được Phật cứu

大光明為甚疾
Đại quang-minh vi thậm tật
Ánh sáng lớn rất mau lẹ

億人民被燒炙
ức nhân dân bị thiêu chích
Ức nhân dân bị thiêu đốt

於是佛復至燒炙炁煮叫喚雨黑沙燒人四大

ư thị Phật phục chí thiêu chích phửu chử khiêu hoán vũ hắc sa thiêu nhân tứ Đại
Rồi đức Phật đi vào trong địa ngục thiêu đốt, địa ngục nung nấu, địa ngục kêu
la, địa ngục mưa cát đen thiêu thân bốn đại của người tội,

地獄中。施金色光明遍於一切光明。

Địa-ngục trung. thí kim sắc quang-minh biến ư nhất thiết quang-minh.
cho ánh sáng sắc vàng khắp đến tất cả ánh sáng.

於佛之光明柔軟可意。以哀眼視一切。施眼令安隱。

ư Phật chi quang-minh nhu nhuỷễn khả ý. dĩ ai nhân thị nhất thiết. thí nhân lệnh
an ổn.

Ánh sáng của Phật mềm mại rất đáng ưa, dùng mắt từ nhìn khắp tất cả, cho ánh mắt
khiến họ an ổn,

慧戒使清涼。作寂定光明皆遍其中。

tuệ giới sử thanh lương. tác tịch định quang-minh giai biến kỳ trung.
cho tuệ và giới khiến được mát mẻ, làm ánh sáng Tịch định đều khắp trong địa
ngục.

其威神尊清淨第一。於垢無所染遠離於垢。

kỳ uy Thần tôn thanh tịnh đệ nhất. ư cấu vô sở nhiễm viễn li ư cấu.

vô hữu diệt diệt vô khởi
Không có khởi cũng không diệt

終不歸於惡道
chung bất quy ư ác đạo
Trọn chẳng đi vào đường ác

無有生亦無滅
vô hữu sanh diệt vô diệt
Không có sanh cũng không diệt

得忍道之滅度
đắc nhẫn đạo chi diệt độ
Được pháp đạo nhẫn diệt độ

炤知人諸根本
Chiếu tri nhân chư căn bản
Soi rõ căn gốc mọi người

輒於彼脫人民
triếp ư bỉ thoát nhân dân
Liền đưa người đến bờ kia

療治於一切人
liệu trị ư nhất thiết nhân
Cứu liệu hết thầy mọi người

終不歸於惡道
chung bất quy ư ác đạo
Trọn chẳng đi vào đường ác

於世間而滅盡
ư thế gian nhi diệt tận
Ở thế gian mà diệt tận

令度脫想地獄
Linh độ thoát tưởng Địa-ngục
Khiến độ thoát tưởng địa ngục.

ấy oai Thần tôn thanh tịnh thứ nhất. ở như vô nhiễm xa lìa ở như.
 Oai thần của Thế Tôn thanh tịnh đệ nhất, đối với chỗ như uế làm cho không như
 uế, xa lìa sự như uế,
 施與於智行。大慈念大哀施。
 thí dữ ư trí hành. Đại từ niệm Đại ai thí.
 bổ thí trí hạnh, đại từ, đại bi,
 無限安樂施慧無礙之眼。施戒之香炤於一切。
 vô hạn an lạc thí tuệ vô ngại chi nhãn. thí giới chi hương chiếu ư nhất thiết.
 bổ thí sự an lạc không giới hạn, bổ thí mắt tuệ không chướng ngại, bổ thí hương
 giới chiếu khắp tất cả,
 施於法味達於一切。已示現於法身。施法心之眼。
 thí ư Pháp vị đạt ư nhất thiết. dĩ thị hiện ư Pháp thân. thí Pháp tâm chi nhãn.
 bổ thí Pháp vị đạt đến tất cả, đã thị hiện Pháp thân lại bổ thí mắt tâm Pháp,
 斷一切不善之本。授與一切清白之法。
 đoạn nhất thiết bất thiện chi bản. thụ dữ nhất thiết thanh bạch chi Pháp.
 dứt tất cả gốc rễ không lành, trao tất cả pháp trong sạch,
 悉壞魔力悉令怖懼。使邪異道皆斷諸見。令眾一切得安隱想。
 tất hoại ma lực tất linh phổ cụ. sử tà dị đạo giai đoạn chư kiến. linh chúng
 nhất thiết đắc an ổn tưởng.
 phá hoại tất cả ma lực khiến thầy đều phải khiếp sợ, làm cho tà ma ngoại đạo đều
 phải dứt tà kiến, khiến tất cả mọi người đều được tưởng an ổn,
 開於天門閉塞於惡戶。
 khai ư Thiên môn bế tắc ư ác hộ.
 mở cửa lên cõi trời, đóng cửa vào đường ác,
 以無盡之德代諸勤苦。一心精進行慈悲喜護。
 dĩ vô tận chi đức đại chư cần khổ. nhất tâm tinh tấn hành từ bi hỷ hộ.
 đem vô tận phước đức thay thế bao khổ nạn, một lòng tinh tấn hành từ, bi, hỷ,
 giúp đỡ,
 常導眾人於大無為。施眼耳鼻口身意身。
 thường đạo chúng nhân ư Đại vô vi. thí nhãn nhĩ tỷ khẩu thân ý thân.
 thường dẫn mọi người ở trong đạo vô vi; bổ thí mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý,
 一切諸毛孔放大光明。說經法柔軟可意。悲哀口說尊語。
 nhất thiết chư mao khổng phóng Đại quang-minh. thuyết Kinh Pháp nhu nhuyễn khả
 ý. bi ai khẩu thuyết tôn ngữ.
 tất cả các lỗ chân lông phóng ánh sáng lớn, nói Kinh pháp nhu nhuyễn đáng ưa,
 miệng từ bi nói kệ:
 我為施安於世
 ngã vì thí an ư thế
 Ta vì đời thí an ổn
 我為眾勤勞者
 ngã vì chúng cần lao giả
 Ta vì những người cần lao
 我之所可說法
 ngã chi sở khả thuyết Pháp
 Ta đây có thể nói pháp
 一切人聞是法
 nhất thiết nhân văn thị Pháp
 Tất cả người nghe pháp này
 其有人歸命佛
 kỳ hữu nhân quy mạng Phật
 Nếu có người nương về cõi Phật
 於億劫生死數
 ư ức kiếp sanh tử số
 我為脫諸苦痛
 ngã vì thoát chư khổ thống
 Ta vì giải thoát khổ đau
 除若干之苦塵
 trừ nhược can chi khổ trần
 Diệt trừ bao khổ trần thế
 炤尊光清淨安
 Chiếu tôn quang thanh tịnh an
 Ánh sáng thanh tịnh an ổn
 皆棄捐諸惡道
 giai khí quyên chư ác đạo
 Đều giã bỏ các đường ác
 彼則為得大利
 bỉ tắc vi đắc Đại lợi
 Thì người kia được lợi lớn
 終不墮諸惡道
 chung bất đọa chư ác đạo

Số úc kiếp ở trong sanh tử

Trọn chẳng đọa các đường ác

佛說是偈已。

Phật thuyết thị kệ dĩ.

Phật nói kệ này xong,

應時大地獄一一地獄具足各各億那術百千人。得脫生兜率天上。

ứng thì Đại địa ngục nhất nhất Địa-ngục cụ túc các các úc na-thuật bách thiên nhân. đắc thoát sanh Đâu-suất Thiên thượng.

lúc đó mỗi mỗi địa ngục trong địa ngục lớn có đầy đủ vô số úc na-thuật trăm ngàn người đều được giải thoát sanh lên cõi trời Đâu-suất,

用聞是法故悉得阿那含道。得神通已。便說此偈言。

dùng văn thị Pháp cố tất đắc A-na-hàm đạo. đắc Thần thông dĩ. tiện thuyết thử kệ ngôn.

do nghe pháp này nên hết thầy đều đắc quả A-na-hàm, được thần thông rồi, liền nói kệ này:

譬如在厄道

thí như tại ách đạo

Như trên đường nguy hiểm

令大眾賈人

Linh Đại chúng cổ nhân

Khiến đại chúng mọi người

佛所度如是

Phật sở độ như thị

Chỗ Phật độ như vậy

免脫億人民

miễn thoát úc nhân dân

Giải thoát úc nhân dân

我等歸命佛

chúng con về mạng Phật

Chúng con nương tựa Phật

已發慈悲意

dĩ phát từ bi ý

Đã phát lòng từ bi

當歸命於法

đương quy mạng ư Pháp

Sẽ nương tựa với Pháp

僧為尊重寶

Tăng vi tôn trọng bảo

Tăng là báu tôn trọng

爾時佛往詣合會大合會不可意三地獄中。

nhĩ thì Phật vãng nghê hợp hội Đại hợp hội bất khả ý tam địa ngục trung.

Lúc bấy giờ đức Phật đi vào trong ba địa ngục: Địa ngục Hợp hội, địa ngục Đại hợp hội, địa ngục Bất khả ý mà

放金色五百萬億那術種光明。

phóng kim sắc ngũ bách vạn úc na-thuật chủng quang-minh.

phóng ánh sáng sắc vàng số lượng đến năm trăm vạn úc na-thuật,

遍照其中以寂定無人。無有萬物無起無滅。

biến chiếu kỳ trung dĩ tịch định vô nhân. vô hữu vạn vật vô khởi vô diệt.

do tịch định, không nhân, không hữu, vạn vật không sanh không diệt chiếu khắp trong đó,

以布施持戒忍辱精進一心智慧諸度無極。

dĩ ô thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn nhất tâm trí tuệ chư độ vô cực.

do các độ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ vô cực;

用大慈大悲大喜大護。以四恩行。

dùng Đại từ Đại bi Đại hi Đại hộ. dĩ tứ ân hành.

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

- 68 -

Tuequang Foundation

有智慧導師

hữu trí tuệ Đạo sư

Có Đạo Sư trí tuệ

度怨賊鬼神

độ oán tặc quỷ Thần

Thoát giặc oán quỷ thần

以光明為道

dĩ quang-minh vi đạo

Dùng ánh sáng làm đạo

離厄淫怒癡

ly ách dâm nộ si

Lìa ách dâm nộ si

導師放光明

Đạo sư phóng quang-minh

Đạo Sư phóng ánh sáng

得濟諸勤苦

đắc tế chư cần khổ

Được cứu các khổ nạn

撫養於我身

phủ dưỡng ư ngã thân

Nuôi nấng thân của con

其德難思議

kỳ đức nan tư nghị

Đức ấy khó nghĩ bàn.

do đại từ, đại bi, đại hỷ, đại hộ; do hạnh bốn ân;

用如來十力四無所畏諸佛十八法不共如來尊行世慧。

dụng Như-Lai thập lực tứ vô sở úy chu Phật thập bát Pháp bất-cộng Như-Lai tôn hành thể tuệ.

do mười lực, bốn vô sở úy của Như Lai, mười tám pháp bất cộng của chu Phật cùng với Tôn hành thể tuệ của Như Lai;

神足變化說法變化教授變化以用大慧。

Thần túc biến hoá thuyết Pháp biến hoá giáo thọ biến hoá dĩ dụng Đại Huệ。

do thần túc biến hóa, thuyết pháp biến hóa, giáo thọ biến hóa; do trí tuệ lớn;

以根力覺意三昧三摩越。用一切菩薩之行。以無礙佛慧。

dĩ căn lực giác ý tam-muội tam ma việt. dụng nhất thiết Bồ-tát chi hành. dĩ vô ngại Phật tuệ.

do các căn, lực, giác chi, tam-muội, tam ma địa; do hết thầy hạnh Bồ-tát; do trí tuệ vô ngại của Phật;

以無礙佛眼。以無礙法眼。以無礙慧眼。

dĩ vô ngại Phật nhãn. dĩ vô ngại Pháp nhãn. dĩ vô ngại tuệ nhãn.

do vô ngại Phật nhãn, do vô ngại Pháp nhãn, do vô ngại tuệ nhãn,

以無礙天眼。以無礙肉眼。以大慈大哀。

dĩ vô ngại Thiên nhãn. dĩ vô ngại nhục nhãn. dĩ Đại từ Đại ai.

do vô ngại Thiên nhãn, do vô ngại nhục nhãn, do đại từ đại bi,

於一切用一切佛法無上之德。用一切如來覺法。

ư nhất thiết dụng nhất thiết Phật Pháp vô thượng chi đức. dụng nhất thiết Như-Lai giác Pháp.

do tất cả công đức của Phật pháp vô thượng, do tất cả giác pháp của Như Lai

於彼八億那術百千有命之類。

ư bỉ bát ức na-thuật bách thiên hữu mạng chi loại.

đối với tám ức na-thuật trăm ngàn chủng loại có thân mạng đó,

悉蒙五百萬億那術種光音。除諸勤苦皆得安隱。

tất mông ngũ bách vạn ức na-thuật chủng quang âm. trừ chu cần khổ giai đắc an ổn.

năm trăm vạn ức na-thuật ánh sáng chiếu đến những chốn tối tăm, trừ được các khổ, hết thầy đều được an ổn,

出彼合會大合會不可意地獄。得生波羅尼蜜和耶越天。

xuất bỉ hợp hội Đại hợp hội bất khả ý Địa-ngục. đắc sanh ba la ni mật hòa da việt Thiên.

thoát khỏi địa ngục Hợp hội, Đại hợp hội, Bất khả ý; được sanh lên cõi Trời Ba-la-ni-mật-hòa-da-việt,

聞是法已著志得阿那含道。

văn thị Pháp dĩ trước chí đắc A-na-hàm đạo.

nghe Pháp này xong đắc quả A-na-hàm.

於是佛便住於梵天。說偈言。

ư thị Phật tiện trụ ư Phạm Thiên. thuyết kệ ngôn.

Rồi Phật đến chỗ Phạm Thiên nói kệ rằng:

諸人無勤苦

chư nhân vô cần khổ

Những người không có khổ

為說勤苦應

vi thuyết cần khổ ứng

Nên nói khổ nạn ấy

一切無所想

nhất thiết vô sở tưởng

Tất cả không chỗ tưởng

則為第一安

tắc vi đệ nhất an

Thì là đệ nhất an

諸想無有念

chư tưởng vô hữu niệm

Không có các nhớ tưởng

如於此所說

như ư thử sở thuyết

Như chỗ lời nói này

在三界豈安
tại tam giới khởi an
Ba cõi nào có an
其有解空空
kỳ hữu giải không không
Có thông hiểu không không
其說深縛者
kỳ thuyết thâm phược giả
Lời thuyết thật sâu xa
空者無有起
không giả vô hữu khởi
Không ấy không có khởi
已見非我法
dĩ kiến phi ngã Pháp
Đã thấy pháp vô ngã
是法為非吾
thị Pháp vi phi ngô
Pháp này là vô ngã
已無吾我者
dĩ vô ngô ngã giả
Đã vô ngã không ta
佛說是偈已。

Phật thuyết thị kệ dĩ.
Phật nói kệ này xong,

應時彼億那術百千人聞法者心。悉斷一切塵勞。生死已盡得阿羅漢證。

ứng thì bi úc na-thuật bách thiên nhân văn Pháp giả tâm. tất đoạn nhất thiết trần lao. sanh tử dĩ tận đắc A-la-hán chúng.

liên khi ấy có số lượng úc na-thuật trăm ngàn người nghe pháp xong, hết thấy tâm dứt tất cả trần lao, sanh tử đã hết, chúng đắc quả A-la-hán,

便放身命般泥洹。我等。不忍見世尊般泥洹時。

tiện phóng thân mạng Bát Nê-hoàn. ngã đẳng. bất nhẫn kiến Thế tôn bát nê hoàn thì.

liên muốn bỏ thân mạng mà nhập Bát Nê-hoàn: Chúng con chẳng thể chịu nổi khi thấy Phật Nê-hoàn!

現諸佛品第六

hiện chư Phật phẩm đệ lục
PHẨM THỨ SÁU: HIỆN CHƯ PHẬT

爾時佛於梵天忽然不現。即住雙樹間。

nhĩ thì Phật ư Phạm Thiên hốt nhiên bất hiện. tức trụ song thụ gian.
Lúc bấy giờ bỗng nhiên Phật chẳng hiện ở Phạm Thiên, ở giữa hai cây Sa-la,
佛心念言。今日夜半如來於是當般泥洹。

Phật tâm niệm ngôn. kim nhật dạ bán Như-Lai ư thị đương bát Nê-hoàn.
tâm Phật nghĩ rằng: Giữa đêm hôm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn,

人民最後見佛終竟。我聊復令眾庶歡悅。

nhân dân tối hậu kiến Phật chung cánh. ngã liêu phục linh chúng thứ hoan duyệt.
mọi người sẽ thấy Phật lần sau cuối. Ta lại làm cho mọi người bị ngăn chặn sự vui mừng mà

得安隱想斷諸穢毒。令念如來作大善本想。

đắc an ổn tưởng đoạn chư uế độc. lệnh niệm Như-Lai tác Đại thiện bản tưởng.
được an vui, dứt đi những tư tưởng độc uế, khiến nghĩ về Như Lai mà làm những việc lành lớn,

離大眾惱得無極慶。發大慈大悲棄諸魔事。

ly Đại chúng nảo đắc vô cực khánh. phát Đại từ Đại bi khí chư ma sự.

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

數數有生死
số số hữu sanh tử
Thường thường có sanh tử
彼空乃為空
bỉ không nãi vi không
Không kia mới là không
彼能解於空
bỉ năng giải ư không
có thể hiểu nghĩa không
思想無有界
tu tưởng vô hữu giới
tu tưởng không giới hạn
則為佛之子
tắc vi Phật chi tử
Thì là đệ tử Phật
亦不可得我
diệc bất khả đắc ngã
Cũng chẳng thể được ngã
於何復有喜
ư hà phục hữu hỉ
Sao lại có vui mừng?

lìa đại chúng nào hại được vui sướng vô cùng, phát đại từ đại bi bỏ những ma sự
hoài lai chư Phật Pháp. 皆除裂諸見網。悉滅諸塵勞。

hoài lai chư Phật Pháp. giai trừ liệt chư kiến võng. tất diệt chư trần lao.
mà nhớ đến Phật pháp, trừ diệt hết thầy lưới tà kiến, diệt tất cả những trần
lao,

悉捨諸諛諂。悉損諸大見。來諸度無極。

tất xả chư du siểm. tất tổn chư Đại kiến. lai chư độ vô cực.

bỏ tất cả quanh co nịnh hót, giảm hết thầy đại kiến, đến các độ vô cùng,

歎詠菩薩之行。現諸如來令一切目見。

thán vịnh Bồ-tát chi hành. hiện chư Như-Lai lệnh nhất thiết mục kiến.

ca ngợi hạnh Bồ-tát, hiện chư Như Lai khiến mắt của tất cả mọi người được thấy,
作大變化說於佛法。

tác Đại biến hoá thuyết ư Phật Pháp.

làm biến hóa lớn, nói Phật pháp.

於是世尊。於師子床上右脇倚臥。

ư thị Thế Tôn. ư Su-tử sàng thượng hữu hiệp ý ngọa.

Rồi Thế Tôn nằm hông nghiêng về phía bên phải trên tòa Sư Tử

如師子無恐懼。大尊雄周觀十方。

như Sư-tử vô khủng cụ. Đại tôn hùng châu quán thập phương.

như Sư tử không có gì sợ hãi. Đại Tôn Hùng nhìn khắp mười phương,

以足指案地六返震動十方境界。佛即如其像三昧正受。

dĩ túc chỉ án địa lục phản chấn động thập phương cảnh giới. Phật tức như kỳ

tượng tam-muội chánh thọ.

dùng ngón chân cái bấm vào mặt đất, trở lại sáu loại chân cả các cảnh giới trong
mười phương. Phật như vào Tam-muội chánh thọ,

一一毛孔出恒邊沙等數之光明。

nhất nhất mao không xuất hằng biên sa đẳng số chi quang-minh.

mỗi mỗi lỗ chân lông phát ra ánh sáng số nhiều như cát sông Hằng.

一一光明炤恒沙等佛國。一一光明。

nhất nhất quang-minh chiếu Hằng sa đẳng Phật quốc. nhất nhất quang-minh.

Mỗi mỗi ánh sáng chiếu đến các nước cõi Phật nhiều như cát sông Hằng. Mỗi mỗi
ánh sáng

終不相錯以是之數一切諸毛孔。各各放恒邊沙數之光明。

chung bất tương thác dĩ thị chi số nhất thiết chư mao không. các các phóng hằng
biên sa số chi quang-minh.

của tất cả các lỗ chân lông trọn chẳng lẫn lộn nhau. Mỗi mỗi lỗ chân lông phóng
ra ánh sáng nhiều như cát sông Hằng.

放已即如其像三昧正受。令一切人眼還得佛眼。

phóng dĩ tức như kỳ tượng tam-muội chánh thọ. linh nhất thiết nhân nhãn hoàn đắc
Phật nhãn.

Phật phóng hào quang xong, liền như vào Tam-muội chánh thọ khiến cho tất mọi
người mắt thường được trở thành mắt Phật

皆見諸佛國土所有。爾時佛告諸比丘言。汝等。

giai kiến chư Phật quốc độ sở hữu. nhĩ thì Phật cáo chư Tỳ-kheo ngôn. nữ đẳng.

đều thấy được các nước cõi Phật. Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông

寧見東方縱廣上下各十萬由旬滿其中塵。

ninh kiến Đông phương tủng quảng thượng hạ các thập vạn do-tuần mãn kỳ trung
trần.

đều thấy phương Đông ngang rộng trên dưới đều bốn vạn do tuần, trong đó đầy bụi
bậm.

東方諸佛其數如此塵一塵為一佛。

Đông phương chư Phật kỳ số như thử trần nhất trần vi nhất Phật.

Chư Phật phương Đông ấy nhiều như số bụi này, mỗi hạt bụi làm một vị Phật
皆右脇倚臥所見變化亦如是。

giai hữu hiệp ý ngọa sở kiến biến hoá diệc như thị。

đều thấy biến hóa và nằm nghiêng về phía hông bên phải cũng như vậy。

一切諸佛其所教度皆已周畢。悉入力士生地雙樹間。

nhất thiết chư Phật kỳ sở giáo độ giai dĩ châu tất。 tất nhập lục sĩ sanh địa
song thụ gian。

Tất cả chư Phật giáo độ chúng sanh xong thấy đều vào giữa hai cây Sa-la, nơi đất
Lục sĩ sanh,

皆名為釋迦文。一切皆於師子床上臥。

giai danh vi Thích-ca-văn。 nhất thiết giai ư Su-tử sàng thượng ngọa。

đều tên là Thích-ca-văn, tất cả đều nằm trên tòa Su tử,

皆當於今日夜半般泥洹。

giai đương ư kim nhật dạ bán bát Nê-hoàn。

đều giữa đêm hôm nay sẽ nhập Niết-bàn。

汝等寧見東方不可計不可數不可思議。無有量諸菩薩行具足往詣佛樹下。

nhữ đẳng ninh kiến Đông phương bất khả kế bất khả số bất khả tu nghị。 vô hữu
lượng chư Bồ-tát hành cụ túc vãng nghệ Phật thụ hạ。

Các ông cũng đã thấy có vô lượng Bồ-tát đầy đủ các hạnh ở phương Đông chẳng thể

tính, chẳng thể kể, chẳng thể nghĩ bàn đi đến chỗ Phật dưới gốc cây,

寧復見無央數得佛道者不。

ninh phục kiến vô ương số đắc Phật đạo giả bất。

cũng thấy vô ương số Bồ-tát được thành Phật đạo chẳng?

寧復見餘無央數轉法輪者不。復見餘無央數說法者不。

ninh phục kiến dư vô ương số chuyển Pháp luân giả bất。 phục kiến dư vô ương số
thuyết Pháp giả bất。

Lại thấy vô ương số Phật chuyển pháp luân chẳng? Lại thấy vô ương số vị khác nói
Pháp chẳng?

復見無有量放壽命者不。

phục kiến vô hữu lượng phóng thọ mạng giả bất。

Lại thấy có vô lượng người bỏ mạng sống chẳng?

復見無有限右脇倚臥於師子床上如我臥者不。眾會對曰。已見。

phục kiến vô hữu hạn hữu hiệp ý ngọa ư Su-tử sàng thượng như ngã ngọa giả
bất。 chúng hội đối viết。 dĩ kiến。

Lại thấy có vô hạn vị Phật nằm nghiêng về phía hông bên phải trên tòa Su tử
chẳng? Hội chúng đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy

不知其數。佛言。譬如三千大千世界。

bất tri kỳ số。 Phật ngôn。 thí như tam Thiên Đại Thiên thế giới。

nhưng chẳng biết số là bao nhiêu。 Phật dạy: Thí như trong ba ngàn đại thiên thế
giới,

上至三十三天下盡地際。滿其中塵。

thượng chí tam thập tam Thiên hạ tận địa tế。 mãn kỳ trung trần。

trên đến cõi trời thứ Ba mươi ba, dưới thì đến địa ngục, trong đó đầy cả bụi
bậm。

於汝等意云何。寧能有知是塵數者不。唯天中天。

ư nhữ đẳng ý vân hà。 ninh năng hữu tri thị trần số giả bất。 duy Thiên Trung
Thiên。

Ý các ông nghĩ sao? Có thể tính biết số bụi bậm đó là bao nhiêu chẳng? Bạch đấng
Thiên Trung Thiên!

不可計不可量不可稱不可數。佛言。

bất khả kế bất khả lượng bất khả xưng bất khả số。 Phật ngôn。

Chẳng thể tính, chẳng thể lường, chẳng thể gọi, chẳng thể đếm được。 Phật dạy:

譬如三千大千世界。

thí như thị tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Thí như trong ba ngàn đại thiên thế giới,

更有如是比億百千三千大千世界滿其中塵。有如此塵數東方佛國。

canh hữu như thị bi úc bách thiên tam Thiên Đại Thiên thế giới mãn kỳ trung

trần. hữu như thù trần số Đông phương Phật quốc.

lại có thêm úc trăm ngàn ba ngàn đại thiên thế giới nữa trong đó đầy cả cát bụi.

Số bụi có như vậy đem so với các nước cõi Phật ở phương Đông,

菩薩名釋迦文。來詣佛樹下得佛道者數亦如是。

Bồ-tát danh Thích-ca-văn. lai nghê Phật thụ hạ đắc Phật đạo giả số diệc như

thị.

Bồ-tát tên Thích-ca-văn thành Phật đạo dưới cội cây số cũng như vậy.

轉法輪者數亦如是。教授說法者數亦如是。

chuyển Pháp luân giả số diệc như thị. giáo thọ thuyết Pháp giả số diệc như thị.

số chuyển Pháp luân cũng như vậy, số giáo thọ thuyết Pháp cũng như vậy,

放身命者數亦如是。如我右脇倚臥者。

phóng thân mạng giả số diệc như thị. như ngã hữu hiệp ý ngọa giả.

số phóng thân mạng cũng như vậy, số nằm nghiêng hông về phía bên phải như Ta

數亦如是無起。餘於泥洹界般泥洹者其數如是。

số diệc như thị vô khởi. du ư Nê-hoàn giới Bát Nê-hoàn giả kỳ số như thị.

cũng như vậy không có khác. Riêng với cảnh giới Niết-bàn và số vị nhập Bát Nê-hoàn như vậy

皆名為釋迦文母名摩耶。父名悅頭檀。

giai danh vi Thích-ca-văn mẫu danh Ma Da. phụ danh Duyệt Đầu Đàn.

đều gọi là Thích-ca-văn, mẹ tên là Ma-gia, cha tên là Duyệt Đầu Đàn,

其國名迦維羅衛。其世名忍界。舍利弗。

kỳ quốc danh Ca Duy La Vệ. kỳ thế danh Nhẫn Giới. Xá-lợi-phất.

nước tên là Ca-duy-la-vệ, tên thế gian là Nhẫn Giới. Các đệ tử lớn là Xá-lợi-phất,

摩訶目犍連。尊弟子阿難為侍者。如東方之所有。

Ma-ha Mục-kiền-liên. tôn đệ-tử A-nan vi thị giả. như Đông phương chi sở hữu.

Ma-ha Mục-kiền-liên, A-nan làm thị giả. Như ở phương Đông,

九方亦如是。皆為釋迦文。如釋迦之數。

cửu phương diệc như thị. giai vi Thích-ca-văn. như Thích-ca chi số.

chín phương khác cũng lại như vậy, đều là Thích-ca-văn. Như số Thích-ca

名提桓竭者亦如是。名曰提名多羅者亦如是。

danh đề hoàn kiệt giả diệc như thị. danh viết đề danh đa-la giả diệc như thị.

tên Đề-hoàn-kiệt cũng như vậy, tên gọi là Đề-đa-la cũng như vậy,

名維衛者亦如是。名式者亦如是。

danh duy vệ giả diệc như thị. danh thức giả diệc như thị.

tên Duy-vệ cũng như vậy, tên Thức cũng như vậy,

名隨葉者亦如是。名拘樓秦者亦如是。

danh Tùy Diệp giả diệc như thị. danh Câu lâu tần giả diệc như thị.

Tên Tùy Diệp cũng như vậy, tên Câu-lâu-tần cũng như vậy,

名拘那含者亦如是。名迦葉者亦如是。是諸佛天中天如是。

danh Câu Na Hàm giả diệc như thị. danh Ca-diếp giả diệc như thị. thị chu Phật

Thiên trung Thiên như thị.

tên Câu-na-hàm cũng như vậy, tên Ca-diếp cũng như vậy. Chu Phật Thiên Trung
Thiên

柔軟微妙為名號出柔軟音聲。

nhu nhuyễn vi diệu vi danh hiệu xuất nhu nhuyễn âm thanh.

nhu nhuyễn vi diệu xuất ra âm thanh nhu nhuyễn như vậy

皆同一號為釋迦文。如來皆以具足肉眼見是尚不足言。

giai đồng nhất hiệu vi Thích-ca-văn. Như-Lai giai dĩ cụ túc nhục nhãn kiến thị thượng bất túc ngôn.

đều đồng một hiệu là Thích-ca-văn. Như Lai dùng toàn mắt thịt để thấy nói còn chẳng đủ,

其所見廣大過此無央數。其有居家修道。

kỳ sở kiến quảng Đại quá thử vô ương số. kỳ hữu cư gia tu đạo.

hưởng chỗ thấy rộng lớn siêu việt thì số này rất nhiều. Có những người tại gia tu đạo,

若出家學道。令一佛國諸菩薩皆得作佛。

nhược xuất gia học đạo. linh nhất Phật quốc chư Bồ-tát giai đắc tác Phật.

hoặc xuất gia tu đạo, làm cho chư Bồ-tát của một cõi nước Phật đều được thành Phật,

具足一劫供養此諸佛名。復有聞是說現諸佛經品。

cụ túc nhất kiếp cung dưỡng thử chư Phật danh. phục hữu văn thị thuyết hiện chư Phật Kinh phẩm.

đầy đủ một kiếp cúng dường tên chư Phật ấy, lại có nghe nói hiện chư Phật hiện tại trong các phẩm Phật Kinh,

聞已須與樂歡信。

văn dĩ tu du lạc hoan tín.

nghe xong sanh lòng hoan hỷ tin tưởng,

勝於三千大千世界人民皆得佛共供養具足。

thắng ư tam Thiên Đại Thiên thế giới nhân dân giai đắc Phật cộng cung dưỡng cụ túc.

nhân dân trong ba ngàn đại thiên thế giới đều được sống chung và cúng dường đầy đủ các đức Phật.

一切諸菩薩已慧解如是。疾近無上正真道。說是經時。

nhất thiết chư Bồ-tát dĩ tuệ giải như thị. tật cận vô thượng chánh chân

đạo. thuyết thị Kinh thì.

Tất cả các Bồ-tát được tuệ giải thoát như vậy xong, mau gần đạo Vô Thượng Chánh Chân. Khi Nói kinh này thì có

六十二億菩薩得難具足法。

lục thập nhị ức Bồ-tát đắc nan cụ túc Pháp.

sáu mươi hai ức Bồ-tát được pháp Cụ Túc khó có.

如是得護不可思議意不退轉。立於無上正真道。

như thị đắc hộ bất khả tư nghị ý bất thoái chuyển. lập ư vô thượng chánh chân đạo.

Những vị như vậy được hộ trì chẳng thể nghĩ bàn, tâm chẳng lay chuyển, an trú ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Chân.

十那術菩薩初發大道意。立不退轉地無上正真道。

thập na-thuật Bồ-tát sơ phát Đại đạo ý. lập bất thoái chuyển địa vô thượng chánh chân đạo.

Số lượng mười na-thuật Bồ-tát bắt đầu phát tâm tu đạo lớn, an trụ ở bậc Bất thoái chuyển và đạo Vô Thượng Chánh Chân.

三十二億菩薩得不起法忍。恒沙數等人斷一切塵勞。

tam thập nhị ức Bồ-tát đắc bất khởi Pháp nhẫn. hằng sa số đẳng nhân đoạn nhất thiết trần lao.

Ba mươi hai ức Bồ-tát được Bất khởi pháp nhẫn, hằng hà sa số người được dứt lìa hết thảy trần lao,

滅生死證說。無央數人當與彌勒會。

diệt sanh tử chứng thuyết. vô ương số nhân đương dĩ Di Lạc hội.

diệt sanh tử, chứng pháp nói, vô ương số người sẽ gặp Hội Di-lặc.

於時弊魔懷毒恨心垂淚白佛。唯世尊。

ư thị tặc ma hoài độc hận tâm thùy lệ bạch Phật. duy Thế Tôn.

Lúc bấy giờ chúng ma ôm lòng xấu ác, sân hận, nước mắt chảy dài mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我本願欲使如來早般泥洹。欲令人民不出我界。

ngã Bôn Nguyễn dục sử Như-Lai tảo bát Nê-hoàn. dục linh nhân dân bất xuất ngã giới.

Bôn nguyện của chúng tôi là muốn Như Lai sớm nhập Nê-hoàn, muốn cho nhân dân không ra khỏi thế giới của chúng tôi.

如來無著等正覺。所度遂益多。若住其壽命令至一劫。

Như-Lai Vô trước đấng chánh giác. sở độ toại ích đa. nhược trụ kỳ thọ mạng lệnh chí nhất kiếp.

Như Lai Vô Trước Đấng Chánh Giác độ thoát cho họ nhiều người được lợi ích. Nếu Như Lai sống thêm một kiếp,

所度之數不能復過今日之所度也。

sở độ chi số bất năng phục quá kim nhật chi sở độ dã.

số người được độ chẳng thể quá hơn người được độ hôm nay.

今天中天已空我界。

kim Thiên trung Thiên dĩ không ngã giới.

Nay Thiên Trung Thiên đã không còn trong thế giới của chúng tôi.

於是佛以手兩指取地土用著爪上。告弊魔言。於汝意云何。

ư thị Phật dĩ thủ lưỡng chỉ thủ địa thổ dụng trước trào thượng. cáo tặc ma ngôn. ư nhữ ý vân hà.

Lúc đó Phật dùng hai ngón tay bốc nắm đất đặt lên trên móng tay mà bảo các ma xấu ác rằng: Ý các người nghĩ sao?

如來爪上土多大地土多。魔白佛言。如來爪上土少。

Như-Lai trảo thượng độ đa Đại địa độ đa. ma bạch Phật ngôn. Như-Lai trảo thượng độ thiểu.

Đất trên móng tay Như Lai nhiều hay đất trên mặt đất nhiều? Các người bạch Phật rằng: Đất trên móng tay Như Lai ít,

大地土多不可計也。佛言。波旬。

Đại địa độ đa bất khả kế dã. Phật ngôn. Ba-tuần.

đất trên mặt đất nhiều chẳng thể tính kể. Phật dạy: Này ma Ba-tuần!

我之所度立於無為。其數如爪上之土。其從汝之教者。

ngã chi sở độ lập ư vô vi. kỳ số như trào thượng chi độ. kỳ tùng nhữ chi giáo giả.

Chúng sanh Ta đã độ an trụ ở chỗ vô vi có số lượng như đất trên móng tay Ta vậy. Số người theo người giáo hóa

復多於大地土。汝當歡喜怡懌。

phục đa ư Đại địa thổ. nhữ đương hoan hi di dịch.

lại nhiều như đất trên mặt đất vậy. Các người phải nên vui mừng,

人之種如是不可盡無有數。佛告波旬。汝欲求人種如求空。

nhân chi chủng như thị bất khả tận vô hữu số. Phật cáo Ba-tuần. nhữ dục cầu nhân chủng như cầu không.

hạng người như vậy không thể cùng tận, không có số lượng. Phật bảo ma Ba-tuần, Các người muốn cầu những người như vậy hay không mong cầu?

於是波旬。卿所當作者便為之。

ư thị Ba-tuần. khanh sở đương tác giả tiện vi chi.

Này ma Ba-tuần! những việc gì cần làm thì các người nên làm,

今日夜半如來當般泥洹。爾時佛告諸比丘。

kim nhật dạ bán Như-Lai đương Bát Nê-hoàn. nhĩ thì Phật cáo chư Tỳ-kheo.

giữa đêm hôm nay, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn! Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

置是諸佛世尊之數。置是諸佛世尊國土所有快樂。

trí thị chu Phật Thế Tôn chi số. trí thị chu Phật Thế Tôn quốc độ sở hữu khoái lạc.

Đem số chu Phật Thế Tôn, các nước cõi Phật Thế Tôn nơi có khoái lạc thì

置是諸菩薩之興盛。對曰。唯然。天中天。悉在耳。

trí thị chu Bồ-tát chi hưng thịnh. đối viết. duy nhiên. Thiên trung Thiên. tất tại nhĩ.

cũng như sự hưng thịnh của chu Bồ-tát. Đáp rằng: Dạ phải, bạch Thiên Trung Thiên! Đúng như vậy.

佛告阿難。若我從一劫至那術劫。

Phật cáo A-nan. nhược ngã từng nhất kiếp chí na-thuật kiếp.

Phật bảo A-nan: Nếu Ta từ một kiếp cho đến na-thuật kiếp,

作譬合會按計說譬喻法。講義說諸佛。無有竟時不可竟也。

tác thí hợp hội giáo kế thuyết thí dụ Pháp. giảng nghĩa thuyết chu Phật. vô hữu cánh thì bất khả cánh dã.

hội hợp lại để tính toán, nói pháp thí dụ, giảng nói nghĩa của chu Phật cũng không có kỳ hạn, chẳng thể xong.

無央數諸佛天中天。現在者如是。

vô ương số chu Phật Thiên trung Thiên. hiện tại giả như thị.

Vô ương số chu Phật Thiên Trung Thiên hiện tại này,

如來皆以具足肉眼見。復過是。所見不可限。

Nhu-Lai giai dĩ cụ túc nhục nhãn kiến. phục quá thị. sở kiến bất khả hạn.

Nhu Lai đều dùng toàn mắt thịt mà số lượng vẫn hơn thế, chỗ thấy chẳng thể hạn lượng.

於是佛告諸比丘。如來為一切所當為者以度一切矣。

ư thị Phật cáo chu Tỳ-kheo. Nhu-Lai vì nhất thiết sở đương vì giả dĩ độ nhất thiết hĩ.

Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: Nhu Lai vì tất cả nên sẽ độ cho tất cả,

無有不度之想名如毛髮。所以者何。

vô hữu bất độ chi tưởng danh như mao phát. sở dĩ giả hà.

không có tư tưởng nào chẳng được độ dù như sợi lông tóc. Vì sao?

故告汝等爾時佛即如其像三昧現神足。

cố cáo nhữ đẳng nhĩ thì Phật túc như kỳ tượng tam-muội hiện Thần túc.

Vì dạy cho các ông vậy. Lúc bấy giờ Phật như vào Tam-muội hiện thần túc

令是諸佛世尊所說經。悉使此剎人聞。聞是法者。

linh thị chu Phật Thế Tôn sở thuyết Kinh. tất sử thử sát nhân văn. văn thị Pháp giả.

Làm cho chỗ nói kinh của chu Phật Thế Tôn đều khiến cho những người sát nhân nghe. Những người nghe pháp này

恒沙等人立於三乘。

hằng sa đẳng nhân lập ư tam thừa.

có hàng hà sa người đều an trú ở trong Ba thừa.

十億百千人得無上正真道。十億千人立緣覺道。其餘者皆放身命。

thập ức bách thiên nhân đắc vô thượng chánh chân đạo. thập ức thiên nhân lập duyên giác đạo. kỳ dư giả giai phóng thân mạng.

Mười ức trăm ngàn người được đạo Vô Thượng Chánh Chân. Mười ức ngàn người an trú ở đạo Duyên giác, số người còn lại đều xả bỏ thân mạng.

佛國淨品第七

Phật quốc tịnh phẩm đệ thất

PHẨM THỨ BẢY: PHẬT QUỐC TỊNH

爾時佛以三十二大人相八十種好。

nhĩ thì Phật dĩ tam thập nhị Đại nhân tướng bát thập chủng hảo。

Lúc bấy giờ Phật dùng ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, tám mươi tướng phụ
及八千種好。十億聲。六十億那術百千種語。

cập bát thiên chủng hảo。thập ức thanh。lục thập ức na-thuật bách thiên chủng
ngữ。

cùng tám ngàn tướng tốt, mười ức âm thanh, trăm ngàn thứ tiếng của sáu mươi ức
na-thuật,

無限億那術百千種具足音。受持諸佛法之相。

vô hạn ức na-thuật bách thiên chủng cụ túc âm。thọ trì chư Phật Pháp chi tướng。
đầy đủ trăm ngàn loại âm thanh của vô hạn ức na-thuật, thọ trì pháp tướng của
chư Phật:

如來寂定。如來十力。如來四無所畏。如來四神足。

Nhu-Lai tịch định。Nhu-Lai thập lực。Nhu-Lai tứ vô sở úy。Nhu-Lai tứ Thần túc。
Nhu Lai tịch tịnh, Nhu Lai thập lực, Nhu Lai Vô sở úy, Nhu Lai Tứ thần túc,
如來四解智。諸佛十八法不共。如來世上行。

Nhu-Lai tứ giải trí。chư Phật thập bát Pháp bất-cộng。Nhu Lai thể thượng hành。
Nhu Lai Tứ giải trí, mười tám pháp bất cộng của chư Phật, Nhu Lai thể thượng
hạnh,

悉令面見諸法。於是佛所說法即現。

tất linh diện kiến chư Pháp。ư thị Phật sở thuyết Pháp tức hiện。

khiến cho hết thấy đều tận mắt thấy các pháp。Nơi Phật nói pháp này liền hiện
是三千大千之世界。平等如掌無沙礫石。

thị tam thiên Đại Thiên chi thể giới。bình đẳng như chường vô sa lịch thạch。
thể giới trong ba ngàn đại thiên đều bằng phẳng như lòng bàn tay, không có cát
đá ngói sỏi

但有摩尼真珠琉璃虎珀磲金銀。

đãn hữu ma-ni chân châu lưu ly hổ phách xa cừ kim ngân。

mà chỉ có ma-ni, chân châu, lưu ly, hổ phách, xa cừ, vàng bạc。

三千大千世界周匝有諸寶殿。無央數宮珍寶交露。

tam Thiên Đại Thiên thể giới châu tạp hữu chư bảo điện。vô ương số cung trần bảo
giao lộ。

Giáp vòng ba ngàn đại thiên thể giới có các cung điện bằng báu。Vô ương số cung
điện bằng trần báu đường giao nhau,

摩尼宮殿交露。遍有明月珠樹。明月珠蓋。明月珠幢幡。

ma-ni cung điện giao lộ。biến hữu minh nguyệt châu thụ。minh nguyệt châu
cái。minh nguyệt châu tràng phiên。

cung điện ma-ni đường giao nhau。Khắp nơi có cây minh nguyệt châu, lọng minh
nguyệt châu, tràng phan minh nguyệt châu,

明月珠舍。明月珠座。具足三千大千世界。

minh nguyệt châu xá。minh nguyệt châu tọa。cụ túc tam Thiên Đại Thiên thể giới。

Nhà cửa minh nguyệt châu, tòa ngồi minh nguyệt châu đầy đủ cả ba ngàn đại thiên
thể giới。

周遍八方有八交道。

châu biến bát phương hữu bát giao đạo。

Xung quanh tám phương có tám đường giao nhau

以金銀琉璃水精車磲馬瑙象瑠璃虎珀寶。赤車釘寶。吉祥福寶。月光明寶。

dĩ kim ngân lưu ly thủy tinh xa-cừ mã-não tượng não hổ phách bảo。xích xa công
bảo。cát tường phúc bảo。nguyệt quang-minh bảo。

bằng các báu như vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, xa cừ, mã não, tượng não, hổ
phách, xích xa công báu, cát tường phúc báu, nguyệt quang minh báu,

踰日寶。阿牟勒寶。鳩彌勒寶。味寶。碧英寶。

du nhật bảo. a muu lặc bảo. cuu Di Lặc bảo. vị bảo. bích anh bảo.
du nhật báu, a-mâu-lặc báu, cuu-di-lặc báu, vị báu, bích anh báu,
以此眾寶轉相莊校。為樹為蓋幢幡。

dĩ thử chúng bảo chuyển tương trang giáo. vi thụ vi cái tràng phiên.
Dùng các báu này để lần lượt trang nghiêm làm cây, làm lọng, làm tràng phan.
其樹根莖節枝葉華實熾盛。幡蓋麗妙有器樹衣樹。

kỳ thụ căn hành tiết chi diệp hoa thật sí thịnh. phiên cái lệ diệu hữu khí thụ y
thụ.

Gốc rễ, cành lá, hoa quả của cây ấy tươi tốt. Tràng phan, lọng đẹp có cây đồ
dùng, cây vải vóc

瓔珞莊飾被服果樹。滿無空缺。

anh lặc trang sức bị phục quả thụ. mẫn vô không khuyết.

chuỗi ngọc phủ lên trên cây quả đầy khắp không nơi nào không có.

有赤梅檀紅梅檀汁勒梅檀蜜香黑妙音。

hữu xích chiên đàn hồng chiên đàn trấp lặc chiên đàn mật hương hắc Diệu-Âm.

Có chiên đàn đỏ, chiên đàn hồng, trấp lặc chiên đàn, mật, hương, hắc diệu âm.

有曼陀勒花大曼陀勒花。巾迦勒花大巾迦勒花。

hữu mạn đà lặc hoa Đại mạn đà lặc hoa. cân ca lặc hoa Đại cân ca lặc hoa.

Có hoa mạn-đà-lặc, hoa đại mạn-đà-lặc, hoa cân-ca-lặc, hoa đại cân-ca-lặc,

僊花大僊花。柔軟華大柔軟華。度晝花大度晝花。

thô hoa Đại thô hoa. nhu nhuyễn hoa Đại nhu nhuyễn hoa. độ trú hoa Đại độ trú
hoa.

hoa thô, hoa đại thô, hoa nhu nhuyễn, hoa đại nhu nhuyễn, hoa độ trú, hoa đại độ
trú,

波羅犁花大波羅犁花。善優波羅犁花。

ba la lê hoa Đại ba la lê hoa. thiện ưu ba la lê hoa.

hoa ba-la-lê, hoa đại ba-la-lê, hoa thiện ưu-ba-la-lê,

月華大月花。周遍月華。摸花大摸花。周遍摸花。

nguyệt hoa Đại nguyệt hoa. châu biến nguyệt hoa. mạc hoa Đại mạc hoa. châu biến
mạc hoa.

hoa nguyệt, hoa đại nguyệt, hoa châu biến nguyệt, hoa mạc, hoa đại mạc, hoa châu
biến mạc,

善敬摸花。蓋華大蓋花。周遍蓋花。

thiện kính mạc hoa. cái hoa Đại cái hoa. châu biến cái hoa.

hoa thiện kính mạc, hoa cái, hoa đại cái, hoa châu biến cái,

懼生花大懼生花。周遍懼生花。

cụ sanh hoa Đại cụ sanh hoa. châu biến cụ sanh hoa.

hoa cụ sanh, hoa đại cụ sanh, hoa châu biến cụ sanh.

周匝遍滿是三千大千世界無空缺。皆有珍寶蓮華。

châu tạp biến mẫn thị tam Thiên Đại Thiên thế giới vô không khuyết. giai hữu
trần bảo liên hoa.

Những hoa như vậy đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới không nơi nào thiếu. Nơi
nào cũng đều có hoa sen bằng trần báu.

有九十九億那術百千殿舍。青琉璃黃金琥珀馬瑙以為殿舍。

hữu cửu thập cửu ức na-thuật bách thiên điện xá. thanh lưu ly hoàng kim hổ phách
mã-não dĩ vi điện xá.

Có trăm ngàn cung điện phòng xá của chín mươi chín ức na-thuật. Có lưu ly xanh,
vàng, hổ phách, mã não dùng làm cung điện phòng xá.

吉祥福寶摩尼寶以為車有軟妙衣垂桂車

cát tường phúc bảo ma-ni bảo dĩ vi xa hữu nhuyễn diệu y thùy quế xa

Cát tường phúc báu, ma-ni báu dùng làm xe. Có vải mềm mỏng tốt đẹp phủ lên trên
xe

上。周匝遍是三千大千世界。

thượng. châu tạp biến thị tam Thiên Đại Thiên thế giới.
khắp nơi trong ba ngàn đại thiên thế giới.

三千大千世界有數自然師子之座。

tam Thiên Đại Thiên thế giới hữu phu tự nhiên Sư-tử chi tọa.
Ba ngàn đại thiên thế giới đều có tòa sư tử tự nhiên bày sẵn.

一切樹下皆有自然師子座。以好統縵錦繡綺上妙衣服。

nhất thiết thụ hạ giai hữu tự nhiên Sư-tử tọa. dĩ hảo **統縵** cầm tú lãng khi thượng
diệu y phục.

Dưới tất cả cây tự nhiên đều có tòa sư tử. Đem lụa là the gấm, y phục tốt đẹp
以為座具。有雜色網幔。其文交錯狀如綵紛。

dĩ vi tọa cụ. hữu tạp sắc võng mạn. kỳ văn giao thác trạng như thụ phân.
dùng làm tọa cụ. Có màn lưới đủ màu giao nhau lẫn lộn dường như những dây thao
đỏ chằng chịt.

或以黃金焰光摩尼。以為莊校。一切諸師子座。

hoặc dĩ hoàng kim diệm quang ma-ni. dĩ vi trang giáo. nhất thiết chư Sư-tử tọa.
Hoặc dùng vàng, ma-ni diệm quang làm trang sức cho tất cả các tòa sư tử.

有坐菩薩三十二相嚴飾其身。是三千大千世界

hữu tọa Bồ-tát tam thập nhị tướng nghiêm sức kỳ thân thị tam Thiên Đại Thiên thế
giới

Có Bồ-tát trang nghiêm thân mình bằng ba mươi hai tướng ngồi ở trên các tòa này.

Ba ngàn đại thiên thế giới

周匝遍布赤珠青珠白珠。

châu tạp biến bố xích-châu thanh châu bạch châu.

khắp nơi đều rải châu đỏ, châu xanh, châu trắng,

有赤梅檀之瓣香蜜香黑妙香。散以粟金。

hữu xích chiên đàn chi biện hương mật hương hắc diệu hương. tán dĩ túc kim.

Có bày chiên đàn đỏ, hương mật, hương hắc diệu âm, rải lúa vàng.

於是三千大千世界上虛空中。

ư thị tam Thiên Đại Thiên thế giới thượng hư không trung.

Trên khắp hư không ba ngàn đại thiên thế giới

遍有摩尼珠網幔。出天之伎樂音聲。

biến hữu ma-ni châu võng mạn. xuất Thiên chi kỹ nhạc âm thanh.

đều có màn lưới ma-ni phát ra tiếng nhạc trời.

以珠桂諸幔上以妙貫珠寶貫珠師子賴珠颺蹉賴買珠。

dĩ châu quế chư mạn thượng dĩ diệu quán châu bảo quán châu Sư-tử lại châu bạt
tha lại mãi châu.

Trên các màn lưới, dùng các thứ châu quế tốt đẹp như diệu quán châu, sư tử lại
châu, bạt tha mãi châu,

以金縷交錯為係。以金種種莊嚴為寶帳幔。

dĩ kim lữ giao thác vi hệ. dĩ kim chủng chủng trang nghiêm vi bảo trường mạn.

Dùng sợi tơ vàng cột qua lại, dùng đủ loại vàng trang nghiêm làm màn trường báu

以純金為帳幔。是三千大千世界周匝。

dĩ thuần kim vi trường mạn. thị tam Thiên Đại Thiên thế giới châu tạp.

Dùng thuần vàng làm màn trường. Giáp vòng ba ngàn đại thiên thế giới này

下盡地際上至三十三天以摩尼寶。

hạ tận địa tế thượng chí tam thập tam Thiên dĩ ma-ni bảo.

dưới tận cùng mặt đất, trên đến cõi trời thứ ba mươi ba dùng ngọc ma-ni,

遍以紫磨金周匝為莊嚴。

biến dĩ tử ma kim châu tạp vi trang nghiêm.

vàng đá màu tía trang nghiêm khắp vòng.

從黃金帳出無央數億那術百千之好音聲。空無相無願聲。非常苦空非身之聲。

tùng hoàng kim trướng xuất vô ương số úc na-thuật bách thiên chi hảo âm thanh. không vô tướng vô nguyện thanh. phi thường khổ không phi thân chi thanh. Từ trướng vàng phát ra trăm ngàn thú tiếng tuyệt diệu của vô ương úc na-thuật như tiếng không, vô tướng, vô nguyện; tiếng vô thường, khổ, không, vô ngã; 寂定戒三昧智慧解脫度知見聲。

tịch định giới tam-muội trí tuệ giải thoát độ tri kiến thanh.
tiếng tịch tịnh, tiếng giới, tiếng tam-muội, tiếng trí tuệ, tiếng giải thoát độ, tiếng tri kiến,

調損忍辱慚愧聲。慈悲喜護安詳奉行聲。

điều tổn nhẫn nhục tâm quý thanh. từ bi hỷ hộ an tường phụng hành thanh.
tiếng điều tổn, tiếng nhẫn nhục, tiếng tâm quý, tiếng từ bi, tiếng hỷ hộ, tiếng an tường, tiếng phụng hành,

布施聲布施度無極聲。持戒聲持戒度無極聲。

bố thí thanh bố thí độ vô cực thanh. trì giới thanh trì giới độ vô cực thanh.
tiếng bố thí, tiếng bố thí độ vô cùng; tiếng trì giới, tiếng trì giới độ vô cực; 忍辱聲忍辱度無極聲。精進聲精進度無極聲。

nhẫn nhục thanh nhẫn nhục độ vô cực thanh. tinh tấn thanh tinh tấn độ vô cực thanh.

tiếng nhẫn nhục, tiếng nhẫn nhục độ không giới hạn; tiếng tinh tấn, tiếng tinh tấn độ vô cực;

一心聲一心度無極聲。智慧聲智慧度無極聲。

nhất tâm thanh nhất tâm độ vô cực thanh. trí tuệ thanh trí tuệ độ vô cực thanh.
tiếng nhất tâm, tiếng nhất tâm độ vô cùng; tiếng trí tuệ, tiếng trí tuệ độ vô cùng;

神通聲神通度無極聲。菩薩行聲。

Thần thông thanh Thần thông độ vô cực thanh. Bồ-tát hạnh thanh.
tiếng thần thông, tiếng thần thông độ vô cùng; tiếng Bồ-tát hạnh,

懷來菩薩使至不退轉地聲。菩薩得不起法忍聲。

hoài lai Bồ-tát sử chí bất thối chuyển địa thanh. Bồ-tát đắc bất khởi Pháp nhẫn thanh.

tiếng nhớ đến Bồ-tát đến bậc Bất thối chuyển; tiếng Bồ-tát được bất khởi pháp nhẫn;

一切諸佛法聲。如須摩提國阿彌陀佛光明。

nhất thiết chư Phật Pháp thanh. như tu ma đề quốc A Di Đà Phật quang-minh.
Tiếng hết thầy pháp của chư Phật như: A Di Đà Phật Quang Minh của nước Tu-ma-đề, như A 插佛世尊。及與香王國所有為上妙。如寶香天中天。

như a Phật Thế tôn. cập dĩ hương Vương quốc sở hữu vi thượng diệu. như bảo hương Thiên trung Thiên.

Như A (插?) Phật Thế Tôn và cùng với vương quốc sở hữu những thượng hương vi diệu như Thiên Trung Thiên bảo hương,

如法焰光佛國土之世尊。如摩尼王世尊。

như Pháp diệm quang Phật quốc độ chi thế hùng. như Ma-ni Vương Thế Tôn.
như Thế Hùng của cõi nước Pháp Diệm Quang Phật, như Ma-ni Vương Thế Tôn,

如日寶藏又若日寶藏。如音響王佛。如善覺佛。

như nhật bảo tạng hựu nhược nhật bảo tạng. như âm hưởng Vương Phật. như thiện giác Phật.

như Nhật Bảo Tạng hoặc Nhược Nhật Bảo Tạng, như Âm Hưởng Vương Phật, như Thiện Giác Phật,

如須彌劫正覺佛國興盛安樂。

như Tu-Di kiếp chánh giác Phật quốc hưng thịnh an lạc.

như sự hưng thịnh an lạc của cõi nước Tu-di Kiếp Chánh Giác Phật,

釋師子國土興樂亦如是。用哀一切故示現般泥洹。

thích Su-tử quốc độ hưng lạc diệc như thị. dụng ai nhất thiết cố thị hiện bát nê hoàn.

cõi nước Thích Su Tử sự hưng thịnh an lạc cũng như vậy, vì lòng thương mà thị hiện nhập Bát Nê-hoàn

人得知無疑。世尊剎貧窮。

nhân đắc tri vô nghi. Thế Tôn sát bản cùng.

làm cho mọi người đều được biết không có gì nghi ngờ quốc độ nghèo khổ bản cùng của Thế Tôn

用哀是等故示現國快樂。如一切諸佛尊行佛道事。釋師子剎如是。

dụng ai thị đẳng cố thị hiện quốc khoái lạc. như nhất thiết chư Phật tôn hành Phật đạo sự. thích Su-tử sát như thị.

nên thị hiện vào nước đầy khoái lạc như vậy. Như tất cả các Phật Thế Tôn hành đạo, quốc độ của Thích Su Tử nghèo hèn cũng như vậy,

毛髮無異無增無減。

mao phát vô dị vô tăng vô giảm.

không khác, không thêm, không bớt dù bằng mây lông tóc.

又若一切佛國土之快樂嚴淨好。釋師子剎如是。毛髮而不差異。

hựu nhược nhất thiết Phật quốc độ chi khoái lạc nghiêm tịnh hảo. thích Su-tử sát như thị. mao phát nhi bất sai dị.

Lại nếu tất cả cõi nước Phật khoái lạc trang nghiêm những thứ tốt đẹp thanh tịnh, thì cõi của Thích Su tử cũng như vậy, chẳng sai khác dù như mây lông tóc.

天菩薩品第八

Thiên Bồ-tát phẩm đệ bát

PHẨM THỨ CHÍN: THIÊN BỒ TÁT

爾時賢者阿那律啼泣悲哀。便說是偈言。

nhĩ thì hiền giả A-na-luật đề khắp bi ai. tiện thuyết thị kệ ngôn.

Lúc bấy giờ hiền giả A-na-luật buồn bã kêu khóc, liền nói kệ rằng:

好如月盛住虛空

hảo như nguyệt thịnh trụ hư không

Đẹp như trăng đầy ở hư không

譬火摩尼照一切

thí hỏa ma-ni chiếu nhất thiết

Như lửa ma-ni chiếu tất cả

誰當復護諸世間

thùy đương phục hộ chư thế gian

Ai lại sẽ cứu giúp thế gian

一切世間復盲冥

nhất thiết thế gian phục manh minh

Hết thầy thế gian lại tối tăm

一切三界群生類

nhất thiết tam giới quần sanh loại

Tất cả loài sanh trong ba cõi

悉蒙佛法及尊僧

tất mông Phật Pháp cập tôn Tăng

Thầy đều nhờ Phật, Pháp, tôn Tăng

善釋師子巧醫王

thiện thích Su-tử xảo y Vương

Thích Su tử bậc Y Vương giỏi

勉濟一切諸勤苦

miễn tế nhất thiết chư cần khổ

Gắng sức giúp tất cả khổ đau

一切世間當狂亂

nhất thiết thế gian đương cuồng loạn

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

若日柔軟千光明

nhược nhật nhu nhuễn thiên quang-minh

Nhuễn như ngàn tia sáng mặt trời

世尊不復入教授

Thế Tôn bất phục nhập giáo thọ

Thế Tôn chẳng còn dạy bảo nữa

無央數人流生死

vô ương số nhân lưu sanh tử

Vô ương người theo dòng sanh tử

用世尊入樹間故

dụng Thế Tôn nhập thụ gian cố

Vì Phật vào song thọ Sa-la.

諸所得安及快樂

chư sở đắc an cập khoái lạc

Được các điều khoái lạc an vui

用荷哀傷得撫養

dụng hà ai thương đắc phù dưỡng

Thương che chở được nuôi an ổn

療治憂苦度彼岸

liệu trì ưu khổ độ bỉ ngạn

Cứu sâu khổ độ đến bờ kia

法王入於雙樹間

Pháp Vương nhập ư song thụ gian

Nay Pháp Vương vào giữa song thọ

用不見佛釋師子

dụng bất kiến Phật thích Su-tử

Tất cả thế gian sẽ loạn cuồng
除無央數姪怒癡
trừ vô ương số dâm nộ si
Trừ vô ương số dâm nộ si
天中之天滅生死
Thiên trung chi Thiên diệt sanh tử
Thiên Trung Thiên diệt trừ sanh tử
鬼阿須倫摩睺勒
quỷ a tu luân ma hầu lặc
Quý A Tu Luân, Ma Hầu Lặc
無有姪欲離慢塵
vô hữu dâm dục ly mạn trần
Vì không lìa dục cùng ngã mạn.
一切世間當大冥
nhất thiết thế gian đương Đại minh
Thầy thế gian sẽ rất tối tăm
阿那律說此偈已。應時有諸異天乘車來者。

A-na-luật thuyết thừ kệ dĩ. ứng thì hữu chư dị Thiên thừa xa lai giả.
A-na-luật nói lời kệ này xong, liền khi ấy có các vị trời khác ngồi xe đến:

獨乘者。乘象者。乘馬車者。在交露車者。

độc thừa giả. thừa tượng giả. thừa mã xa giả. tại giao lộ xa giả.
Người thì đi một mình, người thì cỡi voi, cỡi xe ngựa, ở giữa xe,
在座上者。在殿上者。在窓牖者。在交露帳者。

tại tọa thượng giả. tại điện thượng giả. tại song dũ giả. tại giao lộ trưởng
giả.

ở trên tòa ngồi, trên điện, trên song cửa sổ, ở giữa trưởng,
在戶上者。在半月上者。在梯陞上者。

tại hộ thượng giả. tại bán nguyệt thượng giả. tại thê bộ thượng giả.
ở trên cửa, ở trên nửa mặt trăng, trên thêm thang.

各從所乘各從在所下。下已啼泣呼嗟。

các tùng sở thừa các tùng tại sở hạ. hạ dĩ đề khắp hô ta.

Tất cả họ từ trên chỗ ngồi đều hạ xuống, xuống xong khóc lóc kêu than

往諸力士所生地。到佛所稽首佛足。

vãng chư lực sĩ sở sanh địa. đáo Phật sở khê thủ Phật túc.

đi đến nơi Lực sĩ sanh chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật.

或有天散優鉢青蓮黃白諸花。或有散雜栴檀。

hoặc hữu Thiên tán ưu bát thanh liên hoàng bạch chư hoa. hoặc hữu tán tạp chiên
đàn.

Hoặc có vị Trời rải các thứ hoa như hoa Ưu-bát, hoa sen xanh, vàng, trắng. Hoặc
có vị Trời rải đủ loại Chiên-đàn;

或有天自取寶冠寶珥手著之寶及以天衣。持散佛上供養於佛。

hoặc hữu Thiên tự thủ bảo quan bảo nhị thủ trước chi bảo cập dĩ Thiên y. trì tán
Phật thượng cung dưỡng ư Phật.

hoặc có vị trời tự tay đem những loại báu như mũ báu, vòng đeo tay báu cùng với
vai trời để rải lên cúng dường Phật.

於是賢者羅云啼泣悲哀。說偈言。

ư thị hiền giả La Vân đề khắp bi ai. thuyết kệ ngôn.

Rồi hiền giả La Vân đau buồn kêu khóc mà nói kệ rằng:

功德特異慧無量

為眾所奉開迷亂

công đức đặc dị tuệ vô lượng

vị chúng sở phụng khai mê loạn

Công đức đặc, tuệ khác vô lượng

Vì chúng sanh khai mở cuồng mê

除一切惡勤勞憂

入於力士所生地

trừ nhất thiết ác cần lao ưu

nhập ư lực sĩ sở sanh địa

Chẳng còn thấy Phật Thích Su từ
人民眇眩頓蹙地
nhân dân miện huyễn đốn tích địa
Nhân dân hoa mắt quy xuống đất
金翅龍鳥皆歸命
kim sí long điều giai quy mạng
Kim sí, rồng, chim đều quy mạng
世尊去後皆墮冥
Thế Tôn khứ hậu giai đọa minh
Phật đi rồi đều đọa tối tăm
照四方明為已滅
chiếu tứ phương minh vi dĩ diệt
Ánh sáng chiếu bốn phương đã diệt
佛般泥洹當奈何
Phật Bát Nê-hoàn đương nại hà
Phật đành sao nhập Bát Nê-hoàn?

Trừ tất cả trần lao khổ ác
佛為福地眾所仰
Phật vì phúc địa chúng sở ngưỡng
Phật ruộng phước chúng sanh kính ngưỡng
尊相好好如蓮華
tôn tướng hảo hảo như liên hoa
Phật tướng tốt đẹp như hoa sen
佛踰日月諸世間
Phật du nhật nguyệt chu thế gian
Phật đi qua mặt trời trăng thế gian
佛為法主過須彌
Phật vì Pháp chủ quá Tu-Di
Phật là Pháp chủ vượt Tu-di
佛入空法寂無有
Phật nhập không Pháp tịch vô hữu
Phật nhập pháp không, tịch, hữu, vô
尊棄一切世間願
tôn khí nhất thiết thế gian nguyện
Phật bỏ tất cả nguyện thế gian
世尊之眼滅世冥
Thế Tôn chi nhãn diệt thế minh
Mắt Phật diệt tối tăm thế gian
佛為導師度生死
Phật vì Đạo sư độ sanh tử
Phật là Đạo Sư độ sanh tử
尊師子吼出妙聲
tôn Sư-tử hồng xuất diệu thanh
Phát tiếng diệu như Sư tử rống
佛軟音響眾喜樂
Phật nhuyễn âm hưởng chúng thiện lạc
Nghe tiếng Phật chúng sanh vui sướng
賢者羅云讚十力
hiền giả La Vân tán thập lực
Hiền giả La vân khen mười lực
於地婉轉自擗撲
ư địa uyển chuyển tự bịch phác
Địa cầu rung chuyển từ đây nứt
尊者羅云說此偈已。

Tôn-Giả La Vân thuyết thử kệ dĩ。

Tôn Giả La Vân nói kệ này xong,

應時東方不可議無央數不可稱無崖際世界。諸佛天中天。

ứng thì Đông phương bất khả nghị vô ương số bất khả xung vô nhai tế thế

giới。chu Phật Thiên trung Thiên。

liền khi ấy thế giới phương Đông nhiều chẳng thể nghĩ bàn, vô ương số chẳng thể
xung kể, không bờ mé. Chu Phật Thiên Trung Thiên

國不可計無央數不可思議。無有限諸菩薩。

quốc bất khả kể vô ương số bất khả tu nghị。vô hữu hạn chu Bồ-tát。

trong các cõi nước đó chẳng thể tính kể, vô ương số chẳng thể nghĩ bàn. Có vô
hạn Bồ-tát

啟辭諸佛來至此刹。

khải từ chu Phật lai chí thử sát。

xin chu Phật đi đến tận nơi này

欲見如來般泥洹及諸大會菩薩。欲見如來稽首跪拜承事供養。

dục kiến Như-Lai Bát Nê-hoàn cập chu Đại hội Bồ-tát。dục kiến Như-Lai khê thủ

quy bái thừa sự cung dưỡng。

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

Vào ở nơi đất Lục Sĩ sanh

尊為醫王滅諸病

tôn vì y Vương diệt chư bệnh

Làm Y Vương diệt các bệnh khổ

尊今寢臥於樹間

tôn kim tâm ngọa ư thụ gian

Phật nay nằm ngủ ở giữa cây

無量之曜消天光

vô lượng chi diệu tiêu Thiên quang

Ánh sáng vô lượng tiêu ánh Trời

度脫億人勤苦惱

độ thoát ức nhân cần khổ não

Độ cho ức người thoát khổ não

第一無想度彼岸

đệ nhất vô tưởng độ bỉ ngạn

Đệ nhất không tưởng đến bờ kia

法王已入諸樹間

Pháp Vương dĩ nhập chư thụ gian

Pháp Vương đã vào giữa song thọ

三達無礙去來今

tam đạt vô ngại khứ lai kim

Thông suốt ba thì khứ, hiện, lai

佛用哀故寢樹間

Phật dụng ai cố tâm thụ gian

Phật dụng lòng thương ngủ giữa cây

佛所語明如月照

Phật sở ngữ minh như nguyệt chiếu

Lời Phật nói sáng tỏ trăng soi

佛用哀故寢樹間

Phật dụng ai cố tâm thụ gian

Phật dụng lòng thương ngủ giữa cây

即便眇眩尋璧地

tức tiện miện huyễn tầm tích địa

Mắt liền hoa, chân quý xuống đất

法王加哀莫泥洹

Pháp Vương gia ai mạc Nê-hoàn

Càng buồn hơn Phật chó Nê-hoàn

muốn thấy Như Lai Bát Nê-hoàn cùng các Bồ-tát trong đại hội, muốn gặp Như-Lai để cúi đầu lễ bái, cúng dường.

諸菩薩來所經世界無數無量。

chư Bồ-tát lai sở Kinh thế giới vô số vô lượng.

Chư Bồ-tát ấy đến chỗ Phật trái dài vô số vô lượng thế giới.

一切天宮天伎樂不鼓自鳴。雨於天香天華。彼諸世界諸天子。

nhất thiết Thiên cung Thiên kĩ nhạc bất cổ tự minh. vũ ư Thiên hương Thiên

hoa. bì chư thế giới chư Thiên tử.

Tất cả kĩ nhạc trời ở Thiên cung không đánh mà tự kêu, mưa hương trời, hoa trời.

Chư Thiên Tử của các thế giới kia

有大德學大乘者。

hữu Đại Đức học Đại thừa giả.

đều là những người có phước đức lớn và có học Đại thừa

及諸天王龍王鬼神阿須倫王迦留羅王甄陀羅王摩睺勒王。

cập chư Thiên Vương long Vương quý Thần a tu luân Vương ca lưu la Vương chân Đà-la Vương ma hầu lạc Vương.

Cùng với các vua Trời, rồng trời, vua quý thần A-tu-la, vua Ca-lưu-la, vua Chân-đà-la, vua Ma-hầu-lạc

皆侍從諸菩薩來供養者。菩薩以諸寶自莊校來者。

giai thị tùng chư Bồ-tát lai cung dưỡng giả. Bồ-tát dĩ chư bảo tự trang 校 lai giả.

đều theo hầu các vị Bồ-tát đến cúng dường. Những vị Bồ-tát này dùng các báu tự trang nghiêm mình mà đến,

或以天子被服來者。或以第六天子被服來者。

hoặc dĩ Thiên tử bị phục lai giả. hoặc dĩ đệ lục Thiên tử bị phục lai giả.

hoặc mặc y phục của Thiên Tử mà đến, hoặc mặc y phục của Đệ Lục Thiên Tử mà đến, hoặc dĩ梵天被服來者。

hoặc dĩ Phạm Thiên bị phục lai giả.

hoặc mặc y phục của Phạm Thiên mà đến,

或以自在天子被服來者。或以善化天子被服來者。

hoặc dĩ Tự Tại Thiên tử bị phục lai giả. hoặc dĩ thiện hóa Thiên tử bị phục lai giả.

hoặc mặc y phục của Tự Tại Thiên mà đến, hoặc mặc y phục của Tự Tại Thiên mà đến,

或以兜術天子被服來者。或以天帝釋被服來者。

hoặc dĩ đầu thuật Thiên tử bị phục lai giả. hoặc dĩ Thiên Đế Thích bị phục lai giả.

hoặc mặc y phục của Đầu-thuật Thiên Tử mà đến, hoặc mặc y phục của Trời Đế Thích mà đến,

或以日天子被服來者。或以月王被服來者。

hoặc dĩ nhật Thiên tử bị phục lai giả. hoặc dĩ nguyệt Vương bị phục lai giả.

hoặc mặc y phục của Nhật Thiên Tử mà đến, hoặc mặc y phục của Nguyệt Vương mà đến.

有菩薩入摩尼寶殿舍中結加趺坐來者。

hữu Bồ-tát nhập ma-ni bảo điện xá trung kết gia phu tọa lai giả.

Lại có Bồ-tát vào trong cung điện bằng báu ma-ni ngồi kết-già mà đến.

或入摩尼寶宮中坐來者。

hoặc nhập ma-ni bảo cung trung tọa lai giả.

Hoặc có Bồ-tát vào trong cung điện bằng báu ma-ni ngồi mà đến.

或入摩尼寶交露帳中坐來者。復有菩薩入香殿香宮香交露帳中。

hoặc nhập ma-ni bảo giao lộ trướng trung tọa lai giả. phục hữu Bồ-tát nhập hương điện hương cung giao lộ trướng trung.

Hoặc có Bồ-tát vào trong trướng giao lộ bằng báu ma-ni ngồi mà đến. Lại có Bồ-tát vào trong điện hương, trong cung hương, trong trướng giao lộ

結加趺坐來者。或入紫磨金殿。或入一切寶殿。

kết gia phu tọa lai giả. hoặc nhập tử ma kim điện. hoặc nhập nhất thiết bảo điện.

ngồi kết già mà đến. Hoặc có vị vào trong điện vàng đá sắc tía, hoặc vào trong tất cả các điện báu,

或入一切寶交露帳中。結加趺坐來者。

hoặc nhập nhất thiết bảo giao lộ trướng trung. kết gia phu tọa lai giả.

hoặc vào trong tất cả các trướng giao lộ báu ngồi kết già mà đến.

復有菩薩入赤梅檀殿。入一切梅檀殿舍中。

phục hữu Bồ-tát nhập xích chiên đàn điện. nhập nhất thiết chiên đàn điện xá trung.

Lại có Bồ-tát vào trong điện chiên đàn đỏ, vào trong tất cả điện xá chiên-đàn

結加趺坐來者。復有菩薩入七寶花殿。

kết gia phu tọa lai giả. phục hữu Bồ-tát nhập thất bảo hoa điện.

ngồi kết già mà đến. Lại có Bồ-tát vào trong điện hoa bảy báu,

或入月光焰明踰日月摩尼寶殿。或入如意寶珠殿。

hoặc nhập nguyệt quang diệm minh du nhật nguyệt ma-ni bảo điện. hoặc nhập như ý bảo châu điện.

hoặc vào trong điện báu Nguyệt quang, Diệm minh, Dụ Nhật nguyệt ma-ni, hoặc vào trong điện Như ý châu,

或入如意寶珠宮。

hoặc nhập như ý bảo châu cung.

hoặc vào trong cung Như ý bảo châu,

或入如意摩尼寶交露帳中結加趺坐來者。

hoặc nhập như ý ma-ni bảo giao lộ trướng trung kết gia phu tọa lai giả.

hoặc vào trong trướng giao lộ báu Như ý ma-ni ngồi kết già mà đến.

諸菩薩以三十二相莊嚴其身。

chư Bồ-tát dĩ tam thập nhị tướng trang nghiêm kỳ thân.

Các vị Bồ-tát dùng ba mươi hai tướng để tự trang nghiêm thân mình.

有無數光明不可思議之光曜。無數廣大光明。

hữu vô số quang-minh bất khả tư nghị chi quang diệu. vô số quảng Đại quang-minh.

Có vô số ánh mặt trời sáng chẳng thể nghĩ bàn, vô số ánh sáng lớn,

其光明除一切人勤苦。令一切得善想光明。

kỳ quang-minh trừ nhất thiết nhân cần khổ. Linh nhất thiết đắc thiện tướng quang-minh.

Ánh sáng ấy tiêu trừ hết thầy khổ đau của nhân loại, khiến cho tất cả được tướng trong lành,

除一切地獄餓鬼畜生光明。將一切詣善道光明。

trừ nhất thiết Địa-ngục nạ quỷ súc sanh quang-minh. tướng nhất thiết nghệ thiện đạo quang-minh.

trừ tất cả ánh sáng địa ngục, nạ quỷ, súc sanh; đưa tất cả đến với ánh sáng của đạo lành,

令身有福功德相端正殊好。見者歡喜。

linh thân hữu phúc công đức tướng đoan chánh xu hảo. kiến giả hoan hỷ.

khiến cho họ thân có phước đức, tướng thì đoan trang xinh đẹp ai thấy cũng hoan hỷ,

愛其色則無與等者。其色為一切所觀視。

ái kỳ sắc tắc vô dữ đẳng giả. kỳ sắc vi nhất thiết sở quán thị.

yêu mến sắc thân ấy nhưng chẳng đồng, vì sắc thân ấy là chỗ ngắm nhìn của tất cả.

有梵聲柔軟音響。令諸道歡喜音。恐諸魔音。益一切人音。

hữu phạm thanh nhu nhuyễn âm hưởng. lệnh chư đạo hoan hi âm. khùng chư ma âm. ích nhất thiết nhân âm.

Có tiếng Phạm Thiên nhu nhuyễn khiến người ưa thích tiếng đạo, khiếp sợ những tiếng của ma, lợi ích thêm tiếng người,

出諸法諸福德音。滅除一切惡出無量法明音。

xuất chư Pháp chư phúc đức âm. diệt trừ nhất thiết ác xuất vô lượng Pháp minh âm.

Phát ra tiếng các pháp, tiếng phước đức, diệt trừ tất cả tiếng ác, phát ra vô lượng tiếng pháp.

彼有菩薩大士。

bi hữu Bồ-tát Đại sĩ。

Các vị Bồ-tát Đại Sĩ kia lại có

雨諸寶天花遍三千大千世界。往詣如來或雨或衣者。或雨瓔珞莊飾者。

vũ chư bảo Thiên hoa biến tam Thiên Đại Thiên thế giới. vãng nghê Như-Lai hoặc vũ hoặc y giả. hoặc vũ anh lạc trang sức giả.

mưa hoa báu trời khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Đến chỗ Như Lai hoặc rưới mưa hoặc che phủ, hoặc mưa chuỗi an lạc để trang sức,

或雨蓋者或雨幡綵。或者雨雜梅檀者。

hoặc vũ cái giả hoặc vũ phiên thái. hoặc giả vũ tạp chiên đàn giả.

hoặc mưa lọng, hoặc mưa phan lưa, hoặc mưa nhiều thứ chiên đàn,

或雨紫磨金者。或雨蓮華者。或雨如意珠者。

hoặc vũ tử ma kim giả. hoặc vũ liên hoa giả. hoặc vũ như ý châu giả.

hoặc mưa đá vàng sắc tía, hoặc mưa hoa sen, hoặc mưa châu như ý,

或雨踰天所有諸寶者。

hoặc vũ du Thiên sở hữu chư bảo giả.

hoặc mưa các báu của chư Thiên

遍三千大千世界下詣如來。或有菩薩化作諸寶莊飾蓋。

biến tam Thiên Đại Thiên thế giới hạ nghê Như-Lai. hoặc hữu Bồ-tát hóa tác chư bảo trang sức cái.

khắp ba ngàn đại thiên thế giới dưới chỗ Như Lai. Hoặc có vị Bồ-tát hóa làm các lọng báu trang sức

如三千大千世界。踰諸天寶用供養如來。

như tam Thiên Đại Thiên thế giới. du chư Thiên bảo dụng cung dưỡng Như-Lai.

ba ngàn đại thiên thế giới hơn cả báu của chư Thiên dùng để cúng dường Như Lai.

或有菩薩以諸瓔珞莊嚴。如三千大千世界。

hoặc hữu Bồ-tát dĩ chư anh lạc trang nghiêm. như tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Hoặc có vị Bồ-tát dùng các chuỗi anh lạc để trang nghiêm lớn như ba ngàn đại thiên thế giới như:

化作蓮華細根青琉璃車磔虎珀吉祥藏寶。

hóa tác liên hoa tế căn thanh lưu ly xa-cừ hổ phách cát tường tạng bảo.

Hóa ra những hoa sen nhỏ rể bằng các báu như lưu ly xanh, xa cừ, hổ phách, cát tường.

以為車如意珠車皆悉周遍。

dĩ vi xa như ý châu xa giai tất châu biến.

Dùng như ý châu làm xe, xe ấy khắp nơi

焰光珠摩尼黃金以一切為莊飾。或有化作一宮殿如三千大千世界。

diệm quang châu ma-ni hoàng kim dĩ nhất thiết vi trang sức. hoặc hữu hóa tác nhất cung điện như tam Thiên Đại Thiên thế giới.

đều dùng các thứ diệm quang châu, ma-ni, hoàng kim để trang sức. Hoặc có vị hóa làm một cung điện như ba ngàn đại thiên thế giới.

或有化作踰天諸寶交露帳。如三千大千世界。

hoặc hữu hóa tác du Thiên chu bảo giao lộ trường. như tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Hoặc có vị hóa làm Du Thiên, làm trường giao lộ bằng các thứ báu như ba ngàn đại thiên thế giới

以焰光珠黃金一切為莊校。或有化作清淨處。

dĩ diệm quang châu hoàng kim nhất thiết vi trang 校。 hoặc hữu hóa tác thanh tịnh xử.

dùng tất cả báu như Diệm quang châu, huỳnh kim để trang sức. Hoặc có vị hóa làm nơi thanh tịnh rất lớn

如三千大千世界甚大。不可計無央數。

như tam Thiên Đại Thiên thế giới thậm Đại. bất khả kê vô ương số.

như ba ngàn đại thiên thế giới, vô ương số chẳng thể tính kể,

不可思議無有量無崖底。所化乃如是。

bất khả tư nghị vô hữu lượng vô nhai để. sở hóa nãi như thị.

chẳng thể nghĩ bàn, không có số lượng, không có bờ mé những thứ hóa hiện ra như vậy

以供養如來無所著等正覺。八方上下來如是。

dĩ cung dưỡng Như-Lai vô sở trước đẳng chánh giác. bát phương thượng hạ lai như thị.

dùng để cúng dường Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Tám phương trên dưới

不可計不可數不可思議。無有量諸菩薩來供養佛。

bất khả kê bất khả số bất khả tư nghị. vô hữu lượng chư Bồ-tát lai cung dưỡng Phật.

có vô lượng chư Bồ-tát chẳng thể tính, chẳng thể đếm, chẳng thể nghĩ bàn đến cúng dường Phật như vậy.

是諸菩薩皆同時前。稽首佛足繞世尊三匝。

thị chư Bồ-tát giai đồng thì tiền. khê thủ Phật túc nhiều Thế Tôn tam匝。

Các vị Bồ-tát này đều đồng thì với các vị Bồ-tát trước từ các phương khác đến cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiều quanh Thế Tôn ba vòng,

各從其所方來。化作大蓮華師子座。

các tùng kỳ sở phương lai. hóa tác Đại liên hoa Sư-tử tọa。

hóa làm tòa Sư tử hoa sen lớn.

諸寶焰光珠黃金為莊校座。

chư bảo diệm quang châu hoàng kim vi trang giáo tọa。

Các báu như diệm quang châu, huỳnh kim dùng để trang nghiêm tòa ngồi.

一一菩薩各為佛於雙樹間化作師子座。

nhất nhất Bồ-tát các vị Phật ư song thụ gian hóa tác Sư-tử tọa。

Mỗi mỗi Bồ-tát đều vì Phật ở giữa song thụ mà hóa làm tòa Sư tử,

以無量清淨踰天衣敷其上。以無央數種種色無量色不可計色。

dĩ vô lượng thanh tịnh du Thiên y phụ kỳ thượng. dĩ vô ương số chủng chủng sắc vô lượng sắc bất khả kê sắc。

dùng vô lượng y phục thanh tịnh của Du Thiên trải lên trên, dùng vô ương số đủ loại sắc, vô lượng sắc, sắc chẳng thể tính kể,

不可計億那術百千色。踰天上諸所有以為莊校。

bất khả kê ức na-thuật bách thiên sắc. du Thiên thượng chư sở hữu dĩ vi trang hạo。

trăm ngàn sắc chẳng thể tính kể của ức na-thuật, có Du Thiên ở bên trên dùng để trang sức.

焰光珠黃金諸寶紫磨金。以為帳而莊嚴。

diệm quang châu hoàng kim chư bảo tử ma kim, dĩ vi trướng nhi trang nghiêm,
Các báu như diệm quang châu, huỳnh kim, vàng đá sắc tía dùng làm trướng để trang
nghiêm,

踰天上香而為芬熏。令諸惡道為善本想。

du Thiên thượng hương nhi vi phân huân. Linh chư ác đạo vi thiện bản tướng.
đốt hương của Du Thiên để xông lên mùi thơm khiến chúng sanh ở các đường ác sanh
tướng lành thiện,

令一切歡喜怡懌。如一菩薩所作莊飾。

linh nhất thiết hoan hỷ di dịch. như nhất Bồ-tát sở tác trang sức.

khiến cho tất cả đều được mừng vui. Như một Bồ-tát làm trang sức như thế nào,

諸菩薩皆亦如是。一一菩薩各各所化不相雜錯。

chư Bồ-tát giai diệc như thị. nhất nhất Bồ-tát các các sở hóa bất tương tạp thác
thì các Bồ-tát khác đều cũng như vậy. Chỗ hóa hiện của mỗi mỗi Bồ-tát đều chẳng
lẫn lộn nhau.

所以者何。寂定無諛諂。於諸法無所著。

sở dĩ giả hà. tịch định vô du siễm. ư chư Pháp vô sở trước.

Vì sao? Vì các vị đã tịch định, không có quanh co, không còn đắm trước đối với
các pháp.

譬如如意珠於諸塵垢無所染污。

thí như như ý châu ư chư trần cấu vô sở nhiễm ô.

Thí như Như ý châu đối với các bụi trần như uế không còn bị ô nhiễm.

學善權方便於諸法所念清淨。得諸尊慧法。如身所行口亦如是。

học thiện quyền phương tiện ư chư Pháp sở niệm thanh tịnh. đắc chư tôn tuệ

Pháp. như thân sở hạnh khẩu diệc như thị.

Người khéo học các quyền phương tiện, phải có niệm thanh tịnh đối với các pháp,
được tuệ pháp tôn quý. Nếu thân làm như thế nào, thì miệng cũng như vậy.

為大布施主住於法無所著。

vi Đại bố thí chủ trụ ư Pháp vô sở trước.

vì mọi người làm đại bố thí chủ mà không đắm trước đối với pháp bố thí.

是諸菩薩皆歎如來本求道。不可計無央數。

thị chư Bồ-tát giai tán Như-Lai bản cầu đạo. bất khả kê vô ương số.

Các vị Bồ-tát này đều tán thán vô ương số chẳng thể tính,

不可量不可稱勤苦行。以義示現。

bất khả lượng bất khả xưng cần khổ hạnh. dĩ nghĩa thị hiện.

chẳng thể lường, chẳng thể xưng kể ý nghĩa thị hiện hành khổ khổ hạnh để cầu đạo
xưa kia của Như Lai.

如來化說法品第九

Như-Lai hóa thuyết Pháp phẩm đệ cửu

PHẨM THỨ CHÍN: NHƯ LAI HÓA THUYẾT PHÁP

爾時賢者阿難以偈讚佛言。

nhĩ thì hiền giả A-nan dĩ kệ tán Phật ngôn.

Lúc bấy giờ hiền giả A-nan dùng kệ khen ngợi Phật rằng:

眼明淨好如月滿

nhãn minh tịnh hảo như nguyệt mãn

Mắt sáng sạch đẹp như trăng tròn

為天龍王所供事

vi Thiên Long Vương sở cung sự

Làm nơi cúng dường của Trời Rồng

若佛眾摠入大城

nhược Phật chúng tổng nhập Đại thành

Nếu Phật chúng thầy vào đại thành

則動天地至六返

十力神足慧無塵

thập lực Thần túc tuệ vô trần

Mười lực, thần túc, tuệ không như

今日世尊入樹間

kim nhật Thế Tôn nhập thụ gian

Hôm nay Phật nhập giữa song thụ

世雄以足蹈門闥

Thế Hùng dĩ túc đạo môn khố

Phật dùng chân đạp lên then cửa

放其光明遍佛國

tắc động Thiên địa chí lục phân
Thì trời đất động đến sáu cách
琴瑟簫鼓諸樂器
cầm sắt tiêu cổ chũ nhạc khí
Những nhạc khí: cầm, sắt, ống sáo
師子虎鹿及野牛
Su-từ hồ lộc cập dã ngưu
Su từ, cạp, hươu cùng trâu đồng
哮吼咆陸心歡喜
hao hồng bào lục tâm hoan hi
Gầm, thét, rống lên lòng vui sướng
其聲可樂勝眾寶
kỳ thanh khả lạc thắng chúng bảo
Tiếng ấy đáng yêu hơn các báu
見佛光明皆踊躍
kiến Phật quang-minh giai dũng được
Thấy ánh sáng Phật đều vui mừng
鵝鴨鷓鴣鳩逸
gê áp lô từ nhạn câu dật
...vịt, chim nước, nhạn, câu dật
於鐵圍山鳥鸚鵡
Chim anh vũ ở núi Thiết Vi
人本所失諸寶藏
nhân bản sở thất chũ bảo tạng
Những người vốn mất các kho báu
諸瞋患者悉慈心
chũ sân nhuế giả tất từ tâm
Người sân nhuế đều được lòng từ
天住虛空雨天華
Thiên trụ hư không vũ Thiên hoa
Ở hư không Trời mưa hoa Trời
諸宮采女及天子
chũ cung thể nữ cập Thiên tử
Cung tần thể nữ cùng Thiên Tử
色淨如是當不現
sắc tịnh như thị đương bất hiện
Sắc tịnh như vậy sẽ chẳng hiện
譬如犢子斷母乳
thí như độc tử đoạn mẩu nhũ
Thí như nghé con dứt sữa mẹ
十方從本無塵垢
thập phương tùng bản vô trần cấu
Mười phương từ xưa không trần cấu
諸世雄界為自在
chũ Thế Hùng giới vi tự-tại
Thế giới chũ Phật là tự tại
誰為光王踰日月
thùy vi quang Vương du nhật nguyệt
Ai là vua sáng qua nhật nguyệt?
誰當忍辱等如地
thùy đương nhẫn nhục đẳng như địa
Ai nhẫn nhục tựa như mặt đất?
當以精進及一心
đương dĩ tinh tấn cập nhất tâm
Bằng cách dùng tinh tấn nhất tâm
若子億世與母離
Phật Thuyết Phương Đẳng Bát-nê-hoàn Kinh, quyển Hạ

phóng kỳ quang-minh biến Phật quốc
Ánh sáng ấy phóng khắp nước Phật
不鼓自出柔軟音
bất cổ tự xuất nhu nhuyễn âm
Chẳng đánh mà tự phát tiếng êm
諸龍大象止雪山
chũ long Đại tượng chỉ tuyết sơn
Các rồng, voi lớn ở núi Tuyết
皆有慈意向如來
giai hữu từ ý hướng Như-Lai
Đều có lòng từ đến Như Lai
諸牛那術及百千
chũ ngưu na-thuật cập bách thiên
Loài trâu cùng trăm ngàn na-thuật
得安無量樂無數
đắc an vô lượng lạc vô số
Được an lạc vô số vô lượng
又羅瞻無無數眾
hựu la chiêm vô vô số chúng
Lại vô vô số chúng La chiêm
鳴喜欣欣至佛所
hân hoan hót đến chỗ của Phật.
皆還得之至世尊
giai hoàn đắc chỉ chí Thế Tôn
Đều được trở về bên Thế Tôn
以清淨意奉事佛
dĩ thanh tịnh ý phụng sự Phật
Đem ý thanh tịnh phụng sự Phật
又羅蓮花有千葉
hựu la liên hoa hữu thiên diệp
Lại có nhiều hoa sen ngàn lá
各為供養於世尊
các vi cung dưỡng ư Thế Tôn
Đều cúng dường ở đức Thế Tôn
佛今泥洹當奈何
Phật kim Nê-hoàn đương nại hà
Phật đành sao nay sẽ Nê-hoàn?
斷絕擁護為甚劇
đoạn tuyệt ủng hộ vi thậm kịch
Dứt chớ che là lắm khổ đau.
已離生死為眾祐
dĩ ly sanh tử vi chúng hữu
Đã lìa sanh tử là chúng hữu
其受得住不減劫
kỳ thọ đắc trụ bất giảm kiếp
Thọ Phật ấy được trụ kiếp chẳng giảm
誰當有力踰鐵圍
thùy đương hữu lực du thiết vi
Ai có sức qua núi Thiết Vi?
世尊導人使離塵
Thế Tôn đạo nhân sử ly trần
Phật dẫn người khiến lìa trần cấu
智慧示現度一切
trí tuệ thị hiện độ nhất thiết
Thị hiện trí tuệ độ tất cả
暫得一會便復別

nhược từ úc thế dữ mẫu ly
Nhu con với mẹ úc đời cách biệt

子愁思親四方求
từ sầu tư thân tứ phương cầu
Con sầu khổ bốn phương tìm cầu.

愁憂勤苦無復樂
sầu ưu cần khổ vô phục lạc
Sầu ưu khổ não chẳng còn vui

及見講堂以精舍
cập kiến giảng đường dĩ Tịnh xá
Cùng thấy giảng đường nơi Tịnh xá

讚歎十方法施人
tán thán thập phương Pháp thí nhân
Mười phương tán thán người thí pháp

即便蹙地蓬婉轉
tức tiện tích địa bông uyển chuyển
Liên quy xuống, mặt đất rung chuyển

爾時世尊以一切持句三昧。

nhĩ thì Thế Tôn dĩ nhất thiết trì cú tam-muội。

Lúc bấy giờ Thế Tôn dùng tất cả những câu tổng trì tam-muội:

正受作安隱行現三昧。善說三昧。雷雨三昧。師子響三昧。

chánh thọ tác an ổn hành hiện tam-muội. thiện thuyết tam-muội. lôi vũ tam-muội. Sư tử hưởng tam-muội。

Chánh thọ tác an ổn hành Hiện tam-muội, Thiện thuyết tam-muội, Lôi vũ tam-muội, Sư tử hưởng tam-muội,

光耀響三昧。威神光明三昧。放光明三昧。

quang diệu hưởng tam-muội. uy Thần quang-minh tam-muội. phóng quang-minh tam-muội。

Quang diệu hưởng tam-muội, Oai thần quang minh tam-muội, Phóng quang minh tam-muội,

微妙句三昧。力三昧。力句三昧。無量力三昧。

vi diệu cú tam-muội. lực tam-muội. lực cú tam-muội. vô lượng lực tam-muội。

Vi diệu cú tam-muội, Lực tam-muội, Lực cú tam-muội, Vô lượng lực tam-muội,

意持炤明三昧。起世有三昧。鼓響三昧。

ý trì chiêu minh tam-muội. khởi thế hữu tam-muội. cổ hưởng tam-muội。

Ý trì chiêu minh tam-muội, Khởi thế hữu tam-muội, Cổ hưởng tam-muội,

月三昧。大月三昧。周匝月三昧。月響三昧。

nguyệt tam-muội. Đại nguyệt tam-muội. châu tạp nguyệt tam-muội. nguyệt hưởng tam-muội。

Nguyệt tam-muội, Đại nguyệt tam-muội, Châu tạp nguyệt tam-muội, Nguyệt hưởng tam-muội,

上月三昧。藏三昧。諦藏三昧。琉璃藏三昧。

thượng nguyệt tam-muội. tạng tam-muội. đế tạng tam-muội. lưu ly tạng tam-muội。

Thượng nguyệt hưởng tam-muội, Tạng tam-muội, Đế tạng tam-muội, Lưu ly tạng tam-muội,

觀視三昧。無量觀視三昧。遍照一切十方三昧。

quán thị tam-muội. vô lượng quán thị tam-muội. biến chiếu nhất thiết thập phương tam-muội。

Quán thị tam-muội, Vô lượng quán thị tam-muội, Biến chiếu nhất thiết thập phương tam-muội,

除一切疑光明三昧。至誠三昧。諦至誠三昧。

trừ nhất thiết nghi quang-minh tam-muội. chí thành tam-muội. đế chí thành tam-muội。

tạm đắc nhất hội tiện phục biệt
Gặp một lần rồi lại biệt ly

世尊泥洹我亦爾
Thế Tôn Nê-hoàn ngã diệc nhĩ
Phật Nê-hoàn, con cũng như vậy

見佛經行及坐處
kiến Phật kinh hành cập tọa xứ
Thấy chỗ Phật kinh hành, ngồi thiền

奈何斷無吉祥得
nại hà đoạn vô cát tường đắc
Đành sao dứt được sự không vui?

無量勤苦賢釋子
vô lượng cần khổ hiền thích tử
Vô lượng cần khổ, bậc Thích tử

我最意見月善月
ngã tối ý kiến nguyệt thiện nguyệt
Ý kiến của tôi động đất trời.

Trừ nhất thiết quang minh tam-muội, Chí thành tam-muội, Để chí thành tam-muội,
至語三昧。說一切行三昧。所說諦至誠三昧。

chí ngữ tam-muội. thuyết nhất thiết hành tam-muội. sở thuyết để chí thành tam-
muội.

Chí ngữ tam-muội, Thuyết nhất thiết hạnh tam-muội, Sở thuyết để chí thành tam-
muội,

無量三昧。寂定三昧。寂定句三昧。

vô lượng tam-muội. tịch định tam-muội. tịch định cú tam-muội.

Vô lượng tam-muội, Tịch định tam-muội, Tịch định câu tam-muội,

諦寂定語三昧。布施三昧。諦布施三昧。大布施士三昧。

để tịch định ngữ tam-muội. bố thí tam-muội. để bố thí tam-muội. Đại bố thí sĩ
tam-muội.

Để tịch định ngữ tam-muội, Bố thí tam-muội, Để bố thí tam-muội, Đại bố thí sĩ
tam-muội,

光明三昧。善光明三昧。大光明三昧。

quang-minh tam-muội. thiện quang-minh tam-muội. Đại quang-minh tam-muội.

Quang minh tam-muội, Thiện quang minh tam-muội, Đại quang minh tam-muội,

無量光明三昧。照明句三昧。斷一切疑光明三昧。

Vô lượng quang minh tam-muội. chiếu minh cú tam-muội. đoạn nhất thiết nghi
quang-minh tam-muội.

Vô lượng quang minh tam-muội, Chiếu minh cú tam-muội, Dứt nhất thiết nghi quang-
minh tam-muội,

說諸善本三昧。除說諸疑結三昧。諦說見三昧。

Thuyết chư thiện bản tam-muội, Trừ thuyết chư nghi kết tam-muội, Để thuyết kiến
tam-muội,

Thuyết chư thiện bản tam-muội, Trừ thuyết chư nghi kết tam-muội, Để thuyết kiến
tam-muội,

於是斷疑三昧。善施廢解三昧。作諸佛三昧。

Ư thị đoạn nghi tam-muội, Thiện thí phế giải tam-muội, Tác chư Phật tam-muội.

Ư thị đoạn nghi tam-muội, Thiện thí phế giải tam-muội, Tác chư Phật tam-muội,

現說一切行三昧。善說一切行三昧。

Hiện thuyết nhất thiết hành tam-muội, Thiện thuyết nhất thiết hành tam-muội,

Hiện thuyết nhất thiết hành tam-muội, Thiện thuyết nhất thiết hành tam-muội,

善說轉法輪三昧。善開度其處三昧。

Thiện thuyết chuyển Pháp luân tam-muội, Thiện khai độ kỳ xứ tam-muội,

Thiện thuyết chuyển Pháp luân tam-muội, Thiện khai độ kỳ xứ tam-muội.

以是善說現在諸佛慧三昧。正受所住處。

Dĩ thị thiện thuyết hiện tại chư Phật tuệ tam-muội. chánh thọ sở trụ xứ.

Phật dùng những tuệ tam-muội như vậy mà nói với chư Phật trong hiện tại, rồi an
trú trong chánh thọ.

一一毛出不可計不可議。不可稱不可量。

nhất nhất mao xuất bất khả kế bất khả nghị. bất khả xưng bất khả lượng.

Mỗi mỗi lông chân lông xuất ra chẳng thể tính, chẳng thể bàn, chẳng thể xưng,
chẳng thể lường,

無崖底億那術百千光明。

vô nhai để ức na-thuật bách thiên quang-minh.

không bờ mé trăm ngàn ánh sáng của ức na-thuật.

一一光端化無央數不可計議無量浴池。

nhất nhất quang đoạn hóa vô ương số bất khả kế nghị vô lượng dục trì.

Mỗi mỗi ánh sáng lại hóa ra vô ương số chẳng thể tính bàn, vô lượng ao tắm.

一一浴池化作不可計議無數無限億那術百千蓮花。

nhất nhất dục trì hóa tác bất khả kế nghị vô số vô hạn ức na-thuật bách thiên
liên hoa.

Mỗi mỗi ao tắm hóa ra vô số vô hạn chẳng thể tính bàn trăm ngàn hoa sen của úc na-thuật.

一一蓮華上化作不可計議無數無限億那術百千座。

nhất nhất liên hoa thượng hóa tác bất khả kể nghị vô số vô hạn úc na-thuật bách thiên tọa。

Trên mỗi mỗi hoa sen lại hóa ra vô số vô hạn chẳng thể tính bàn trăm ngàn tòa ngòai của úc Na-thuật.

一切諸座上皆有如來坐說法。一一化如來所開導人。

nhất thiết chư tọa thượng giai hữu Như-Lai tọa thuyết Pháp. nhất nhất hóa Như-Lai sở khai đạo nhân.

Trên tất cả các tòa ngòai đều có Như Lai nói pháp. Mỗi mỗi hóa thân Như Lai khai đạo cho người

使立不退轉地住於佛法。其數如蓮華上所坐化佛。

sử lập bất thối chuyển địa trụ u Phật Pháp. kỳ số như liên hoa thượng sở tọa hóa Phật.

khiến an lập ở bậc Bất thối chuyển, trụ trong Phật pháp. Số ấy như hóa thân Phật ngòai trên hoa sen,

得須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢。

đắc Tu-đà-hoàn, Tư Đà Hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

一一各如是緣覺之數。及不退轉立善本者其數亦爾。

nhất nhất các như thị duyên giác chi số. cập bất thối chuyển lập thiện bản giả kỳ số diệc nhĩ.

Mỗi mỗi vị Duyên giác này cùng với số vị khéo an trụ ở bậc Bất thối chuyển cũng như vậy,

生天上者數亦如是不復隨苦。

sinh Thiên thượng giả số diệc như thị bất phục tùy khổ.

số người được sanh lên cõi trời cũng như vậy, chẳng còn trở lại khổ nữa.

諸浴池際各有四寶樹。無數莖節枝葉華實。

chư dục trì tế các hữu tứ bảo thụ. vô số hành tiết chi diệp hoa thật.

Trên bờ các ao tắm đều có bốn cây báu có vô số cọng, đốt, cành, lá, hoa quả.

一一莖節枝葉花實上。化作無數不可計議不可稱量如來。

nhất nhất hành tiết chi diệp hoa thật thượng. hóa tác vô số bất khả kể nghị bất khả xung lượng Như-Lai.

Trên mỗi cọng, đốt, cành, lá, hoa quả hóa làm vô số Như Lai chẳng thể tính bàn, chẳng thể so lường

化出坐師子座上說法度脫一切。

hóa xuất tọa Sư-tử tọa thượng thuyết Pháp độ thoát nhất thiết.

ngòai trên tòa Sư tử nói pháp độ thoát cho hết thầy.

其數如化樹上如來之數。開度一切已。便說此偈言。

kỳ số như hóa thụ thượng Như-Lai chi số. khai độ nhất thiết dĩ. tiện thuyết thù kệ ngôn.

Số ấy bằng với số hóa thân Như Lai trên cây báu, khai độ cho tất cả xong, liền nói kệ rằng:

眾祐人中尊

chúng hữu nhân trung tôn

Bậc Trung Tôn của người

人見歡喜者

nhân kiến hoan hỷ giả

Ai thấy đều hoan hỷ

其久有神通

kỳ cửu hữu Thần thông

諦覺於一切

đế giác u nhất thiết

Giác ngộ cho tất cả

皆棄捐惡道

giai khí quyên ác đạo

Bỏ giảm bớt đường ác

世雄難得值

Thế Hùng nan đắc trị

Từ lâu có thần thông
如優曇鉢花
như ưu đàm bát hoa
Nhu hoa Ưu-đàm-bát
其欲供養佛
kỳ dục cung dưỡng Phật
Muốn đem cúng dường Phật
彼聞是經法
bì văn thị Kinh Pháp
Người ấy nghe kinh này
其欲見現在
kỳ dục kiến hiện tại
Muốn hiện tại thấy Phật
世光明威神
thế quang-minh uy Thần
Oai thần Thế Quang Minh
其當來諸佛
kỳ đương lai chư Phật
Đương lai các đức Phật
欲見是世尊
dục kiến thị Thế Tôn
Thấy được Thế Tôn này
其有求大乘
kỳ hữu cầu Đại thừa
Kia có cầu Đại thừa
聞是經法已
văn thị Kinh Pháp dĩ
Nghe Kinh Pháp này xong
其目得清淨
kỳ mục đắc thanh tịnh
Người ấy được các căn:
身口意諸根
thân khẩu ý chư căn
Các căn thân miệng ý
三昧戒清淨
tam-muội giới thanh tịnh
Được tam-muội giới tịnh
解脫示現智
giải thoát thị hiện trí
Trí thị hiện giải thoát
解於一切法
giải ư nhất thiết Pháp
Hiểu tất cả các pháp
所知無所滅
Chỗ biết không chỗ diệt
諸化如來說此偈已。

chư hóa Như-Lai thuyết thử kệ dĩ。
Các hóa thân Như Lai nói kệ ấy xong,
應時不可計人立於三乘。無數世界人民皆得一心。

ứng thì bất khả kể nhân lập ư tam thừa。vô số thế giới nhân dân giai đắc nhất tâm。

liền khi ấy không thể tính kể số người được an trụ ở Tam thừa, vô số người đều được nhất tâm,

無數佛國諸地獄皆滅盡。諸畜生皆脫勤苦。餓鬼皆得安隱。

Thế Hùng khó được gặp
其色可意好
kỳ sắc khả ý hảo
Sắc ấy rất vừa ý
及奉事我身
cập phụng sự ngã thân
Cùng phụng sự thân ta
其心當歡喜
kỳ tâm đương hoan hỷ
Tâm sẽ được hoan hỷ
世尊人中上
Thế Tôn nhân trung thượng
Thế Tôn Nhân Trung Thượng
當信樂吉祥
đương tín nhạo cát tường
Sẽ tin vui an lành
以光導御人
dĩ quang đạo ngự nhân
Dùng ánh đạo dẫn người
當信是吉祥
đương tín thị cát tường
Sẽ tin vui an lành
彼則有大利
bì tắc hữu Đại lợi
Thì sẽ có lợi lớn
則奉侍於佛
tắc phụng thị ư Phật
Thì sẽ phụng thờ Phật
及耳鼻之根
cập nhĩ tỳ chi căn
Mắt tai mũi thanh tịnh
為斷無所受
vi đoạn vô sở thọ
Dứt không chỗ cảm thọ
智慧解脫淨
trí tuệ giải thoát tịnh
Trí tuệ giải thoát tịnh
脫現為至誠
thoát hiện vi chí thành
Hiện giải thoát chí thành
於我無所起
ư ngã vô sở khởi
Vớ ngã không dấy khởi
即不憂諸響
Liền chẳng lo các hưởng

vô số Phật quốc chư Địa-ngục giai diệt tận. chư súc sanh giai thoát cần khổ. ngạ quỷ giai đắc an ổn.

vô số địa ngục ở cõi nước Phật đều được diệt tận, loài súc sanh thì thoát khỏi các khổ, loài ngạ quỷ đều được an ổn.

爾時佛入量寶三昧正受。如來住是三昧者。

nhĩ thì Phật nhập lượng bảo tam-muội chánh thọ. Như-Lai trụ thị tam-muội giả. Lúc bấy giờ Phật nhập lượng bảo tam-muội chánh thọ. Như Lai trụ ở tam-muội này,

隨一切人所欲。得寶則如其意。

tùy nhất thiết nhân sở dục. đắc bảo tắc như kỳ ý.

tất cả mọi người tùy chỗ ưa muốn của mình thì được báu như ý muốn,

見佛國寶皆悉在前。見諸佛樹以寶莊飾。隨意所好所欲。

kiến Phật quốc bảo giai tất tại tiền. kiến chư Phật thụ dĩ bảo trang sức. tùy ý sở hảo sở dục.

muốn thấy Phật quốc bảo đều thấy ở trước mắt; muốn thấy chư Phật dùng cây báu để trang sức thì tùy ý được thấy;

見色則見諸郡國縣邑及國人民。

kiến sắc tắc kiến chư quận quốc huyện ấp cập quốc nhân dân.

muốn thấy sắc thì liền thấy các quận, nước, huyện, ấp cùng với nhân dân trong nước

即如意見滿諸佛國。盡形壽見所欲莊飾。

tức như ý kiến mãn chư Phật quốc. tận hình thọ kiến sở dục trang sức.

liền được thấy như ý muốn; muốn suốt đời thấy chỗ trang sức thấy các nước cõi Phật,

則如意見男子女人小男小女瓔珞莊飾。

tắc như ý kiến nam tử nữ nhân tiểu nam tiểu nữ anh lạc trang sức.

thì liền thấy như ý muốn những người nam, người nữ, người nam nhỏ, người nữ nhỏ dùng chuỗi anh lạc để trang sức;

亦復見諸天龍鬼神犍陀羅阿須倫迦留羅真陀羅摩睺

diệc phục kiến chư Thiên long quỷ Thần kiến đà la a tu luân ca lưu la chân Đà-la ma hầu

cũng lại thấy chư Thiên, rồng, quỷ Thần, Kiên-đà-la, A-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-lâu-lặc,

勒。所欲服飾。所欲食飲。所欲舍宅。

lặc. sở dục phục sức. sở dục thực ẩm. sở dục xá trạch.

muốn thấy đồ phục sức, ăn uống, nhà cửa của họ

如意所好皆見皆得。佛告阿難。有三昧名慧行。

như ý sở hảo giai kiến giai đắc. Phật cáo A-nan. hữu tam-muội danh tuệ hành.

đều được thấy như ý muốn. Phật bảo A-nan có tam-muội tên là Tuệ hạnh,

諸佛世尊住是三昧。隨人所欲得三昧。

chư Phật Thế tôn trụ thị tam-muội. tùy nhân sở dục đắc tam-muội.

các Phật Thế Tôn trụ ở tam-muội này, tùy người nào muốn được tam-muội

如意即見一切人願。阿難諸佛世尊有三昧。

như ý tức kiến nhất thiết nhân nguyện. A-nan chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội.

thì tất cả mọi người sẽ được thấy như ý nguyện. Nay A-nan! Chư Phật Thế Tôn có tam-muội này

名無量過度三昧。吉祥威神隨人所欲。

danh vô lượng quá độ tam-muội. cát tường uy Thần tùy nhân sở dục.

tên là Vô lượng quá độ tam-muội, có oai thần cát tường. Tùy theo chỗ mong muốn của người

得萬物即如意在前。得萬物已供養如來。阿難。

đắc vạn vật tức như ý tại tiền. đắc vạn vật dĩ cung dưỡng Như-Lai. A-nan.

thì vạn vật liền ở trước mắt như ý muốn, được vạn vật xong thì cúng dường Như Lai. Nay A-nan!

諸佛世尊有三昧名眼。住是三昧時。令一切人不復習欲。

chư Phật Thế tôn hữu tam-muội danh nhãn. trụ thị tam-muội thì. linh nhất thiết nhân bất phục tập dục.

Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là nhãn. Lúc trụ ở tam-muội này thì khiến tất cả mọi người không còn thói tham dục

樂道德欲。於淫欲不淨想不復習也。

nhạo đạo đức dục. ư dâm dục bất tịnh tưởng bất phục tập dã.

mà ưa thích đạo đức, không còn thói dâm dục và tư tưởng bất tịnh nữa,

於夢中亦不樂。阿難。諸佛世尊有三昧名意慚愧。

ư mộng trung diệc bất nhạo. A-nan. chư Phật Thế tôn hữu tam-muội danh ý tàm quý. dù ở trong mộng cũng không ưa thích dục. Nay A-nan! Chư Phật Thế Tôn có tam-muội này tên là Ý tàm quý.

住是三昧時。

trụ thị tam-muội thì.

Lúc trụ ở tam-muội này,

令諸佛國中人民皆有愧心無恚亂意。阿難諸佛世尊有三昧名目主。

linh chư Phật quốc trung nhân dân giai hữu quý tâm vô nhuế loạn ý. A-nan chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh mục chủ.

khiến cho nhân dân trong nước đều có tâm tàm quý, không có tâm sân giận loạn động. Nay A-nan! Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Mục chủ.

住是三昧盲者得目。阿難。

trụ thị tam-muội manh giả đắc mục. A-nan.

Trụ ở tam-muội này thì khiến cho người đui mù được mắt sáng. Nay A-nan!

諸佛世尊有三昧名無憂主。住是三昧時。若入城令一切人無復憂患。

chư Phật Thế tôn hữu tam-muội danh Vô ưu chủ. trụ thị tam-muội thì. nhược nhập thành lệnh nhất thiết nhân vô phục ưu hoạn.

Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Vô ưu chủ. Lúc trụ ở tam-muội này, nếu vào thành thì khiến cho tất cả mọi người không còn lo sầu khổ nạn nữa.

阿難。諸佛世尊有三昧名神通主。住是三昧。

A-nan. chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh Thần thông chủ. trụ thị tam-muội.

A-nan. các Phật Thế Tôn có tam-muội tên Thần thông chủ. trụ thị tam-muội.

Nay A-nan! Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Thần thông chủ. Lúc trụ ở tam-muội này

令無神通者飛行虛空。神足能高七樹。阿難。

linh vô Thần thông giả phi hành hư không. Thần túc năng cao thất thụ. A-nan.

thì khiến cho người không có thần thông bay trên hư không, thần túc có thể bay lên bảy cây đa la. Nay A-nan!

諸佛世尊有三昧名世光耀。住是三昧時。

chư Phật Thế tôn hữu tam-muội danh thế quang diệu. trụ thị tam-muội thì.

Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Thế quang diệu. Lúc trụ ở tam-muội này

盲者得見世尊。阿難。

manh giả đắc kiến Thế Tôn. A-nan.

thì khiến cho người đui mù được thấy Thế Tôn. Nay A-nan!

諸佛世尊有三昧名受清淨。住是三昧時足蹈門闥。

chư Phật Thế tôn hữu tam-muội danh thọ thanh tịnh. trụ thị tam-muội thì túc đạo môn khố.

Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Thọ thanh tịnh. Lúc trụ ở tam-muội này, chân dẫm lên then cửa,

令諸天龍鬼神犍陀羅王阿須倫王迦留羅王真陀羅王摩睺勒

linh chư Thiên long quý Thần kiến đà la Vương a tu luân Vương ca lưu la Vương
chân Đà-la Vương ma hầu lạc
thì khiến cho chư Thiên, rồng, quý thần, Kiên-đà-la, A-tu-luân vương, Ca-lưu-la
vương, Chân-đà-la vương, Ma-hầu-lạc vương,

王釋梵於彼稽首禮佛。阿難。

Wang thích phạm ư bỉ khê thủ lễ Phật. A-nan.

Thích Phạm đều cúi đầu lễ Phật. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名過師子英。住是三昧時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh quá Sư-tử anh. trụ thị tam-muội thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Quá sư tử anh. Lúc trụ ở tam-muội này,
諸外異道這見如來威神。皆降伏自歸。阿難。

chư ngoại dị đạo giá kiến Như-Lai uy Thần. giai hàng phục tự quy. A-nan.
Các ngoại đạo khác thấy oai thần của Như Lai đều phải hàng phục tự quy y. Này A-
nan!

諸佛世尊有三昧名金剛光明。住是三昧足踏地時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh Kim cương quang-minh. trụ thị tam-muội túc
đạo địa thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Kim cương quang minh. Lúc trụ ở tam-muội này,
chân đạp lên mặt đất

三千大千諸鐵圍大鐵圍山。須彌山王及黑山。

tam thiên Đại Thiên chư thiết vi Đại thiết vi sơn. Tu-Di sơn Vương cập hắc sơn.
thì ba ngàn đại thiên, các núi Thiết Vi, núi đại Thiết Vi, núi Tu-di cùng với
hắc sơn,

諸溝坑谿谷山林及地皆正。

chư câu khanh khê cốc sơn lâm cập địa giai chánh.
Các rãnh, hang, lạch, cốc sơn, rừng núi cùng đất đai đều ngay thẳng,
高者為卑丘墟為平。其地柔軟譬如好衣。阿難。

cao giả vi ti khâu khu vi bình. kỳ địa nhu nhuyễn thí như hảo y. A-nan.
chỗ cao thành thấp, gò nổi thành bằng phẳng. Đất ấy mềm mại thí như vải tốt đẹp
vậy. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名伏諸魔力。住是三昧時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh phục chư ma lực. trụ thị tam-muội thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Phục chư ma lực. Lúc trụ ở tam-muội này,
令諸魔恐懼怖不安。各各不樂其宮舍怖懼不止。

linh chư ma khủng cụ phổ hoang bất an. các các bất lạc kỳ cung xá phổ hoang bất
chỉ.

thì khiến cho các Ma hoang mang sợ hãi chẳng an. Mỗi mỗi đều sợ hãi chẳng ưa
thích ở trong cung xá nữa

至于見佛歸命如是稽首佛足。阿難。

chí vu kiến Phật quy mạng như thị khê thủ Phật túc. A-nan.
Mà đi đến quy mạng Phật và cúi đầu lễ chân Phật. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名無恐懼。住是三昧時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh vô khủng cụ. trụ thị tam-muội thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Vô khủng cụ. Lúc trụ ở tam-muội này,
令一切人無傷害意。相向無諸恐懼亦無憍慢。阿難。

linh nhất thiết nhân vô thương hại ý. tương hướng vô chư khủng cụ diệc vô kiêu
mạn. A-nan.

thì khiến cho tất cả mọi người đều không có tâm làm thương hại người, cùng nhau
hướng đến các tâm không sợ hãi và không kiêu mạn. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名妙句。住是三昧時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh diệu cú. trụ thị tam-muội thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Diệu cú. Lúc trụ ở tam-muội này,

令諸世界人無有食者得諸無數種種之味。阿難。

linh chu thể giới nhân vô hữu thực giả đắc chu vô số chủng chủng chi vị. A-nan.
khiến cho nhân dân các thể giới, người không có ăn thì được vô số đủ loại các vị. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名顏色。住是三昧時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh nhan sắc. trụ thị tam-muội thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Nhan sắc. Lúc trụ ở tam-muội này,
令一切人得好妙色不復多病。阿難。

linh nhất thiết nhân đắc hảo diệu sắc bất phục đa bệnh. A-nan.
thì khiến cho tất cả mọi người đều được nhan sắc tốt đẹp, lại không có các bệnh.
Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名為他故令無衣者得自然衣。住是三昧時。

chư Phật Thế Tôn hữu tam-muội danh vi tha cố linh vô y giả đắc tự nhiên y. trụ
thị tam-muội thì.
Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Vị tha cố linh vô y giả đắc tự nhiên y. Lúc
trụ ở tam-muội này,

拘閉獄者皆得解脫。諸在厄難者。

拘 bé ngục giả giai đắc giải thoát. chư tại ách nạn giả.
người bị giam nhốt trong ngục tù đều được giải thoát, người bị ách nạn
令免難苦得諸安樂。慳貪者熹布施。惡戒者住淨戒。

linh miễn nan khổ đắc chư an lạc. khan tham giả hi bồ thí. ác giới giả trụ tịnh
giới.

khiến được thoát nạn khổ mà được sự an lạc, người keo kiệt khiến vui thích bố
thí, người ác giới khiến trụ giới thanh tịnh,

恚怒者立忍辱。懈怠者使精進。

nhuế nộ giả lập nhẫn nhục. giải đãi giả sử tinh tấn.

người sân giận khiến an trụ nhẫn nhục, người giải đãi khiến cho tinh tấn,

斷諸不善法習增善法。亂意者令得一心。惡智者得淨智慧。

đoạn chư bất thiện Pháp tập tăng thiện Pháp. loạn ý giả lệnh đắc nhất tâm. ác
trí giả đắc tịnh trí tuệ.

đoạn tất cả các bất thiện pháp, tăng trưởng các thiện pháp, kẻ tâm ý tán loạn
thì làm cho họ được nhất tâm, kẻ ác thì được trí tuệ thanh tịnh,

阿難。諸佛世尊有三昧。名說無意行善說句。

A-nan. chư Phật Thế tôn hữu tam-muội. danh thuyết vô ý hành thiện thuyết cú.
Này A-nan! Chư Phật Thế Tôn có tam-muội gọi là Thuyết Vô Ý Hành Thiện Thuyết Cú.

住是三昧時。諸憂愁者悉令喜踊。阿難。

trụ thị tam-muội thì. chư ưu sầu giả tất lệnh hi dũng. A-nan.

Lúc trụ vào tam-muội này thì các sầu muộn sẽ được vui vẻ. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧名二光。住是三昧時。

chư Phật Thế tôn hữu tam-muội danh nhị quang. trụ thị tam-muội thì.

Các Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Nhị Quang. Lúc trụ ở tam-muội này thì

於去來今諸法無所罣礙。無有不等示現智慧。阿難。

ư khứ lai kim chư Pháp vô sở quái ngại. vô hữu bất đẳng thị hiện trí tuệ. A-nan.
trong qua khứ hiện tại và vị lai đối với các pháp không bị chướng ngại, không có
gì là không bình đẳng, thị hiện trí tuệ. Này A-nan!

諸佛世尊有三昧。名於諸法無諛諂便去。

chư Phật Thế tôn hữu tam-muội. danh ư chư Pháp vô du siểm tiện khứ.

Chư Phật Thế Tôn có tam-muội tên là Ư Chư Pháp Vô Siểm Tiện Khứ

住是三昧時。令諸菩薩大士得不起法忍。佛說如是。

trụ thị tam-muội thì. lệnh chư Bồ-tát Đại sĩ đắc bất khởi Pháp nhẫn. Phật thuyết
như thị.

Lúc trụ ở tam-muội này thì chư vị Bồ-tát Đại sỹ sẽ chúng đăc đưọc Bất Khởi Pháp
Nhẫn. Đức Phật nói như vậy xong,

賢者阿難。諸尊弟子。十方諸會菩薩。

hiền giã A-nan. chư tôn đê-tử. thập phương chư hội Bồ-tát.

hiền giã A-nan, chư đê tử đăng quý, mười phương chư Bồ-tát hội họp,

諸天龍神世間人民。為佛作禮而去。

chư Thiên long Thần thể gian nhân dân. vi Phật tác lễ nhi khứ.

Chư thiên long thần, mọi người dân trong thể gian cùng đănh lễ Phật mà lui ra

佛說方等般泥洹經卷下

Phật thuyết phương đăng bát nê hoàn Kinh quyển hạ

Phật nói Kinh Phương Đăng Bát-nê-hoàn, quyển Hạ

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:30:51 2006

=====